



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

VRG



**PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

01



CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Thông tin khái quát
- Giới thiệu Tập đoàn
- Lịch sử hình thành và phát triển
- 10 sự kiện nổi bật năm 2022
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển

02



CHƯƠNG II: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban Kiểm soát

03



CHƯƠNG III: BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- Thông tin tài chính cơ bản qua các năm
- Đánh giá kết quả hoạt động năm 2022
- Định hướng phát triển năm 2023
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo của Ban Kiểm soát
- Quản lý rủi ro
- Những điểm sáng

04



CHƯƠNG IV: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Chương trình phát triển bền vững (PTBV): đạt được nhiều kết quả khả quan
- Tập đoàn và trách nhiệm với cộng đồng xã hội
- "Triển khai thực hiện PTBV của VRG gắn với mục tiêu PTBV của Việt Nam và Liên hợp quốc"

05



CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính hợp nhất



01

GIỚI THIỆU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM





Ông Trần Công Kha – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn

QUYẾT TÂM VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG LÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023 CỦA TẬP ĐOÀN

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2022 là một năm có rất nhiều khó khăn, trở ngại và thách thức ngoài dự báo đối với hoạt động của nền kinh tế nói chung và ngành cao su nói riêng do ảnh hưởng của xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine bùng phát, kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; lạm phát tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia và hậu quả của đại dịch Covid-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế khu vực lẫn toàn cầu. Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh gây nên nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thu nhập, việc làm và đời sống của người lao động.

Trong bối cảnh khó khăn đó, Tập đoàn đã phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của ngành cao su Việt Nam, tạo nên sức mạnh tổng hợp, quyết tâm

vượt qua thách thức trở ngại để ra sức thi đua, góp phần giúp Tập đoàn hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2022 đã đề ra, tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo có hiệu quả, đồng thời, chăm lo tốt đời sống người lao động.

Các kết quả cụ thể đạt được như: Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt 28.308 tỷ đồng, bằng 100,1% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 5.701 tỷ đồng, bằng 116,3% kế hoạch. Riêng Công ty mẹ - Tập đoàn, doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 3.845 tỷ đồng và 1.731 tỷ đồng, so với kế hoạch bằng 107,4% và 143%. Đặc biệt, Tập đoàn đã đảm bảo việc làm và thu nhập bình quân trên 8 triệu đồng/người/tháng cho hơn 80.000 lao động, mức thu nhập này tăng hơn 14% so với kế hoạch tiền lương được phê duyệt.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế, Tập đoàn luôn chú trọng quan tâm chăm lo và nâng cao đời sống

vật chất tinh thần cho NLĐ ở khắp các vùng miền trải dài cả nước, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, VRG thực hiện tốt công tác quốc phòng an ninh, an sinh xã hội trong và ngoài nước.

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2023 tiếp tục được dự báo là một năm các khó khăn, thách thức cả trong nước và quốc tế sẽ còn tiếp tục kéo dài và khó đoán định. Thêm vào đó, những thay đổi bất lợi về thời tiết, thị trường giá cả của cao su chưa có chuyển biến tích cực so với năm 2022 sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Trên cơ sở nhận định những khó khăn thách thức, Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể đối với từng lĩnh vực và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023, cụ thể:

Thứ nhất, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tập trung quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, các bộ ngành hữu quan,... nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ công tác năm 2023.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, đảm bảo đủ công nhân khai thác; kiểm soát giá thành, theo dõi sát tình hình thực hiện sản lượng để kịp thời có phương án phù hợp. Tăng cường công tác thu mua để tăng doanh thu, phát huy công suất các nhà máy chế biến, giảm giá thành và tăng việc làm, tiền lương cho công nhân, nhất là thực hiện vai trò của Tập đoàn trong việc hỗ trợ cao su tiểu điền.

Thứ ba, tiếp tục theo dõi diễn biến của thị trường để điều hành giá sàn phù hợp, kịp thời nhằm mang lại hiệu quả và đảm bảo tồn kho của toàn Tập đoàn ở mức phù hợp. Tiếp tục đẩy mạnh tiếp thị, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ mủ cao su thiên nhiên của Tập đoàn đến các nhà sản xuất trực tiếp và xuất khẩu.

Thứ tư, có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hoạt động SXKD lĩnh vực gỗ ổn định và phát triển trong thời gian tới. Nâng cao khả năng cung ứng nguyên liệu cao su, gỗ cao su của Tập đoàn cho ngành công nghiệp cao su, ngành chế biến gỗ trong nước và xuất khẩu. Tập trung chỉ đạo để phát triển các Khu, Cụm công nghiệp trong toàn Tập đoàn, đồng thời thí điểm triển khai Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao.

Thứ năm, triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tập đoàn giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 360/QĐ-TTg, ngày 14/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023, Tập đoàn chủ động xây dựng nhiều phương án và giải pháp điều hành trên nguyên tắc khai thác hiệu quả tiềm năng hiện có nhằm tăng cường tối đa nguồn thu, phấn đấu hoàn thành kế hoạch ở mức cao nhất. Bảo đảm quyền lợi cho cổ đông, nhà đầu tư.

sau khi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường vào sản xuất, kinh doanh và quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, quyết liệt tinh gọn bộ máy quản lý, giảm lao động gián tiếp để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD toàn ngành.

Thứ sáu, tăng cường và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của Người đại diện vốn, Người đứng đầu và Ban điều hành tại doanh nghiệp khi thực thi các nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai có hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước... Tiếp tục thực hiện chính sách tiết giảm đầu tư; tăng cường thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2022 và giá trị truyền thống tốt đẹp của ngành cao su Việt Nam, Tập đoàn tiếp tục nỗ lực vượt khó, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn năm 2023.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Tập đoàn, tôi xin trân trọng cảm ơn các cơ quan ban ngành TW và địa phương – nơi có các đơn vị thành viên của Tập đoàn đứng chân, các đối tác và hơn 80.000 cán bộ công nhân viên đã đóng góp công sức vào sự phát triển của Tập đoàn. Đặc biệt xin được cảm ơn quý cổ đông và các nhà đầu tư đã luôn tin tưởng đồng hành. Chúng tôi mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ, đồng hành và hợp tác của quý vị trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn.



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) thành lập từ năm 1975, sau nhiều lần thay đổi mô hình tổ chức và tên gọi; ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Ngày 22/05/2018, Tập đoàn tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, ra mắt TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần (doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác giữ quyền chi phối các Công ty con thông qua chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư kinh doanh, quản lý, điều phối vốn, thương hiệu, thị trường, kiểm soát quy trình, định mức trong toàn Tập đoàn...; trực tiếp kinh doanh và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị thành viên của Tập đoàn gồm các Doanh nghiệp cấp II và Doanh nghiệp cấp III được tổ chức, hoạt động dưới các hình thức Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Liên doanh liên kết.



Tên Công ty bằng tiếng Việt:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **Viet Nam Rubber Group**

Tên viết tắt: **VRG**

Trụ sở làm việc:

177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
(84-28) 39 325 234

www.vnrubbergroup.com

Mã cổ phiếu: **GVR**

Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng

MST: 0301266564

Giấy phép ĐKKD:

0301266564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/06/2018.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

Văn phòng đại diện tại Hà Nội
56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Quảng Ninh
27 Đại lộ Hòa Bình, phường Trần Phú, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Campuchia
7B, 466 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Campuchia

Văn phòng đại diện tại Lào
Vientiane, Lào



Văn phòng đại diện tại Trung Quốc
12F Liangfeng mansion No. 8 Dongfang Pudong Shanghai, China PC. 200120

Văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ
1120 Avenue of the America 4 th floor, New York NY 10036 USA

Văn phòng đại diện tại Nga
Moscow-Russia 123056. Gruzinsky Pereulok. 3/201

Văn phòng đại diện tại Ukraine
96 Krasnozvesdny, Kiev City, Ukraine





TẦM NHÌN

Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp về hiệu quả, quy mô, chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường ở Việt Nam, trong khu vực và khẳng định thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới.



SỨ MỆNH

Cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước những sản phẩm nông, công nghiệp và dịch vụ có giá cả cạnh tranh, an toàn với người dùng, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

Xây dựng và phát triển văn hóa Doanh nghiệp: kế thừa, đoàn kết, hài hòa lợi ích và tôn trọng pháp luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động có tính cạnh tranh, luôn đổi mới và gắn bó với Doanh nghiệp.



CAM KẾT

Thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng; luôn chú trọng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm cao su theo nhu cầu khách hàng; liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế; thực hiện chính sách bán hàng chuyên nghiệp, hậu mãi chu đáo; đề cao uy tín thương hiệu VRG.

Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý và các Quy trình, Quy chuẩn sản xuất để đảm bảo cung cấp các sản phẩm luôn bảo đảm chất lượng, ổn định và bền vững.

Đầu tư phát triển, tổ chức sản xuất trên quan điểm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.



CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

STT	Họ và tên	Nhà nước ủy quyền	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Tổng cộng	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Trần Công Kha	1.548.337.127	38,7085%	5.100	0,0001%	1.548.342.227	38,7086%
2	Lê Thanh Hưng	774.168.564	19,3542%	5.800	0,0001%	774.174.364	19,3544%
3	Trần Ngọc Thuận	0	0,0000%	304.700	0,0076%	304.700	0,0076%
4	Huỳnh Văn Bảo	516.112.376	12,9028%	5.800	0,0001%	516.118.176	12,9030%
5	Phạm Văn Thành	516.112.376	12,9028%	410.000	0,0103%	516.522.376	12,9131%
6	Hà Văn Khương	516.112.376	12,9028%	7.300	0,0002%	516.119.676	12,9030%
7	Phan Mạnh Hùng	0	0,0000%	0	0,0000%	0	0,0000%
8	Nguyễn Hay	0	0,0000%	0	0,0000%	0	0,0000%
Cộng 08 cá nhân		3.870.842.819	96,7711%	738.700	0,0185%	3.871.581.519	96,7895%

CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

STT	Họ và tên	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Trương Minh Trung	7.600	0,0002%
2	Lê Thanh Tú	6.100	0,0002%
3	Trần Thanh Phụng	7.700	0,0002%
4	Đỗ Hữu Phước	12.800	0,0004%
5	Lê Đình Bửu Trí	0	0,0000%
6	Huỳnh Kim Nhựt	45.300	0,0011%
Cộng 06 cá nhân		79.500	0,0020%

CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

STT	Họ và tên	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Đỗ Khắc Thăng	0	0,0000%
2	Võ Văn Tuấn	1.600	0,00004%
3	Nguyễn Minh Đức	0	0,0000%
Cộng 03 cá nhân		1.600	0,00004%

Cổ phần sở hữu của Kế toán trưởng/Người được ủy quyền công bố thông tin:

Ông Phạm Văn Hồi Em: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0000%

Cổ phần sở hữu của Người phụ trách quản trị:

Ông Nguyễn Cửu Tuệ: 410.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0103%



TRỒNG, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CAO SU

Mỗi năm Tập đoàn sản xuất bình quân 500.000 tấn cao su. Tuy chỉ chiếm khoảng 30% diện tích và sản lượng cao su cả nước, nhưng Tập đoàn giữ vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy ngành cao su Việt Nam phát triển. Tập đoàn hiện có 58 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế xấp xỉ 608.400 tấn/năm, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến. Không chỉ đủ năng lực chế biến hết lượng mủ khai thác, các nhà máy của Tập đoàn còn chế biến và gia công cho cho khối cao su tiêu dùng bình quân hơn 80.000 tấn/năm.



TỔNG DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU NĂM 2022

Tổng diện tích toàn Tập đoàn:

394.782,05
ha

Trong nước: 280.390,29 ha
Nước ngoài: 114.391,76 ha

STT	Khu vực	Vườn cây kinh doanh	Tái canh	Kiến thiết cơ bản	Khác	Tổng diện tích khu vực
1	Đông Nam bộ	89.339,31	7.858,88	48.373,04	10.732,32	152.885,71
2	Tây Nguyên	40.586,49	3.460,07	21.207,11	1.760,57	64.842,62
3	Duyên hải miền Trung	17.834,31	2.263,94	12.607,90	3.240,01	33.730,67
4	Miền núi phía Bắc	19.831,49	2.396,48	8.772,05	327,26	28.931,30
5	Campuchia	83.325,92	8.629,76	4.220,53		87.546,45
6	Lào	21.554,40	866,91	3.769,28	1.521,63	26.845,31

1



Cơ cấu sản phẩm cao su của Tập đoàn đa dạng, có chất lượng cao và ổn định, phù hợp với nhu cầu thị trường. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn tập trung vào 3 nhóm chủ lực: Cao su định chuẩn kỹ thuật, cao su ly tâm và cao su tờ xông khói. Bên cạnh đó, Tập đoàn đang phát triển sản phẩm cao su thương hiệu Tập đoàn có chất lượng sản phẩm cao hơn, với **501.322 tấn sản phẩm các loại mang thương hiệu Tập đoàn được tiêu thụ trong năm 2022**. Chất lượng sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu của Tập đoàn. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn luôn đảm bảo chất lượng cao, đồng đều và ổn định, thông qua hệ thống quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt, đạt các tiêu chuẩn khắt khe trong nước và quốc tế. Để quản lý sản xuất chế biến cao su, Tập đoàn đã ban hành 15 tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) và dự kiến trong thời

gian tới tiếp tục soát xét 7 TCCS và ban hành mới 5 TCCS. Quy trình kiểm soát chất lượng yêu cầu khi xây dựng nhà máy chế biến phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ, đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và đầu tư phòng quản lý chất lượng đạt chứng nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017 (đạt chứng nhận Vilas). Đến nay Tập đoàn đã có 46 nhà máy chế biến có hệ thống quản lý chất lượng đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 26 Phòng QLCL đạt chứng nhận Vilas. Sản phẩm cao su thiên nhiên Tập đoàn hiện xuất khẩu tới hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và đang tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ. Tập đoàn tự hào là nhà cung cấp sản phẩm cao su cho những khách hàng lớn trên thế giới, như: Goodyear, Bridgestone, Michelin, Yokohama, Kumho, Sailun...



2 CÔNG NGHIỆP CAO SU

Tập đoàn hiện có 5 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp: Công ty CPCS Bến Thành, Công ty CP VRG Khải Hoàn, Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru, Công ty CP Chỉ sợi Cao su SADO, Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú và sản phẩm lốp xe mang thương hiệu **★★★★ VRG**.

Các sản phẩm công nghiệp cao su của Tập đoàn hiện nay gồm: Sản xuất lốp xe thương hiệu **★★★★ VRG**; nệm gối cao su (DORUFOAM); găng tay Khải Hoàn (Vglove); bóng thể thao (Geru Star); chỉ sợi cao su (SADO); dây chuyền băng tải (Cao su Bến Thành)... Các sản phẩm này đã, đang khẳng định được uy tín trên thị trường, được khách hàng trong nước và quốc tế tin cậy.

Riêng sản phẩm lốp xe, Tập đoàn đi theo hướng xây dựng thương hiệu trước lúc thực hiện đầu tư nhà máy, đã phát triển sản phẩm lốp xe tải mang thương hiệu **★★★★ VRG**, sản

phẩm đạt tiêu chuẩn JIS D4230 của Nhật Bản và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7533:2005. Từ năm 2018 đến năm 2022, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ **4.837** bộ lốp xe tải thương hiệu **★★★★ VRG** (bao gồm chủng loại 8.25-16 và 9.00-20). Ngoài ra, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ 10 chủng loại lốp xe 2 bánh thương hiệu **★★★★ VRG** với số lượng **31.300** chiếc. Qua quá trình sử dụng, sản phẩm lốp xe thương hiệu **★★★★ VRG** được khách hàng đánh giá là sản phẩm có chất lượng tốt, đúng quy chuẩn, đạt chất lượng về độ bám đường, khả năng chống mài mòn, chịu lực và có giá cả hợp lý.



CAO SU TỜ (RSS)

RSS được xếp theo chất lượng giảm dần từ RSS1, RSS2, RSS3, RSS4, RSS5.



CAO SU LY TÂM

Mủ latex cô đặc theo công nghệ ly tâm và tạo kem, mủ ly tâm HA và LA. Mủ latex ly tâm cô đặc có hàm lượng Protein thấp ULPL HA, ULPL LA.



CAO SU ĐỊNH CHUẨN KỸ THUẬT (TSR)

Cao su thiên nhiên dưới dạng khối (cốm) được ép thành hình chữ nhật với trọng lượng và kích cỡ như sau: 670mm x 330mm x 170mm và cân nặng 33,3 kg hoặc 35 kg $\pm$ 0,5%.



3



LĨNH VỰC CHẾ BIẾN GỖ

Tập đoàn có thế mạnh và nguồn lực lớn về đất đai để phát triển trồng rừng nguyên liệu. Ngoài ra, với diện tích cao su thành lý bình quân dao động 10.000 – 12.000 ha/năm, Tập đoàn có lợi thế lớn trong việc đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu để chế biến, sản xuất các sản phẩm gỗ. Những năm qua lĩnh vực chế biến gỗ của Tập đoàn ngày càng được mở rộng về quy mô và doanh thu.

Trong những năm tới, Tập đoàn tiếp tục tăng công suất các nhà máy chế biến gỗ hiện có, đầu tư các dự án khác; đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm có chứng chỉ, sản xuất những sản phẩm mới phù hợp với khả năng vùng nguyên liệu và thị trường.



Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng năm 2022 các đơn vị chế biến gỗ trực thuộc VRG đã nỗ lực vượt khó hoàn thành các chỉ tiêu như doanh thu, nộp ngân sách và thu nhập cho người lao động. Tổng sản lượng sản xuất trên 1,2 triệu m³ gỗ các loại; doanh thu trên 6.861 tỷ đồng (vượt 1% kế hoạch năm); lợi nhuận sau thuế trên 349 tỷ đồng.

Tính đến nay, Tập đoàn có

18

nhà máy sản xuất gỗ

(14 nhà máy sơ chế, ghép tấm và tinh chế; 4 nhà máy MDF)

4

**LĨNH VỰC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP**

Đầu tư phát triển hạ tầng KCN trên đất cao su là một trong 5 ngành nghề chính của Tập đoàn. Đến nay, Tập đoàn đang đầu tư vào 10 công ty hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN như Nam Tân Uyên, Tân Bình, Long Khánh, Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Rạch Bắp, Thống Nhất, VRG Long Thành, Bình Long, Chí Linh... Các KCN đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận rất lớn cho Tập đoàn.

Tập đoàn và các đơn vị đang thực hiện thủ tục đầu tư và mở rộng thêm diện tích 1.734.53 ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 5.666 ha. Năm 2022 là năm tiếp tục đánh dấu hiệu quả của Tập đoàn trong lĩnh vực đầu tư KCN. Hầu hết diện tích đất thương phẩm, nhà xưởng, kho bãi cho thuê, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này đều vượt kế hoạch đề ra.

Trong giai đoạn 2021 – 2025, bên cạnh việc tập trung thực hiện thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư các KCN/CCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang xin chấp thuận chủ trương đầu tư với diện tích 2.921 ha (bao gồm 1.734.53 ha đang triển khai thủ tục) thì Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cấp thẩm quyền địa phương và bộ ngành để làm tiền đề cho việc triển khai triển khai phát triển thêm 16.592 ha. Trong đó, Tập đoàn làm chủ đầu tư 10.977 ha tại tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu, các đơn vị đầu tư 5.615 ha. Tổng diện tích phát triển KCN/CCN cho tầm nhìn năm 2025 dự kiến là 23.444 ha.

5

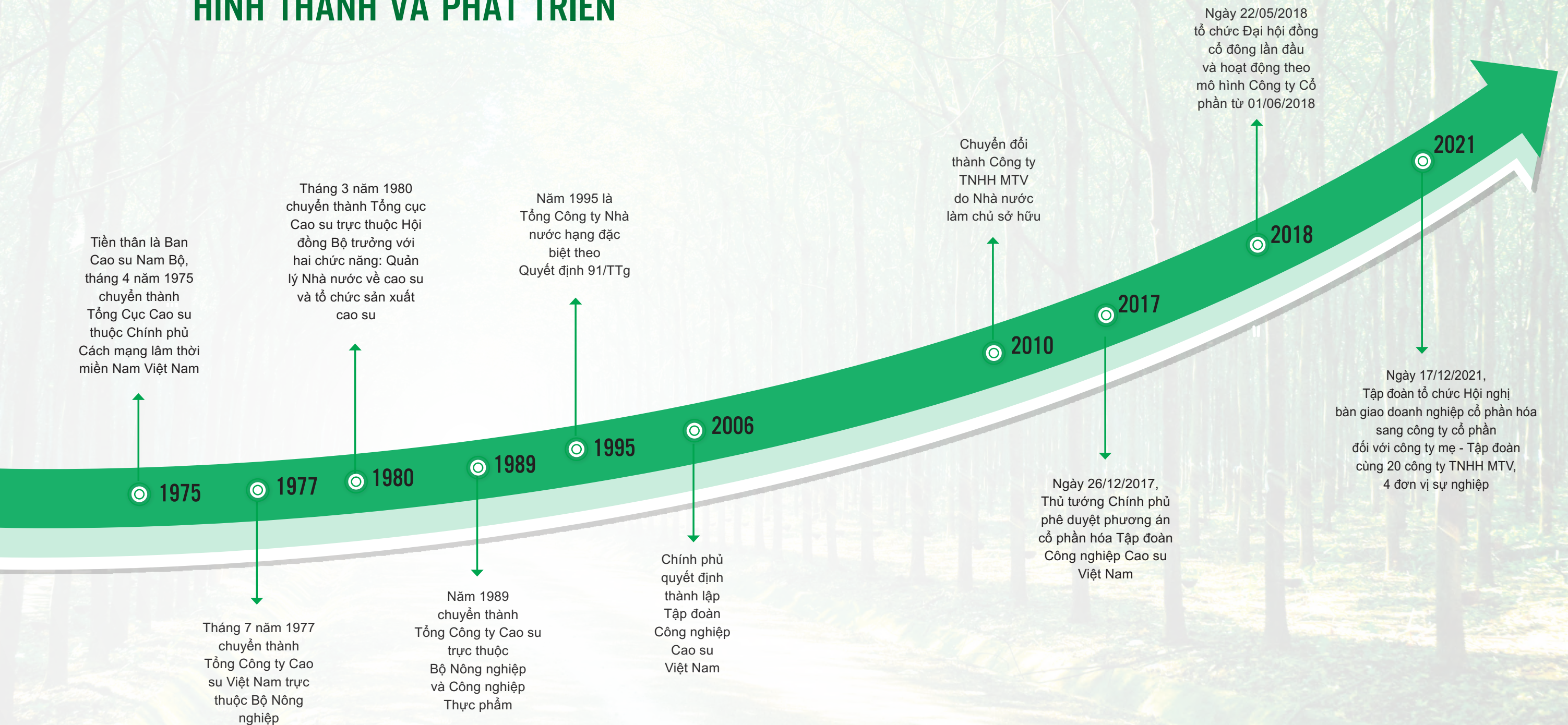
**NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO**

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng là định hướng chiến lược của VRG nhằm tận dụng nguồn đất dồi dào, tăng hiệu quả sử dụng đất. Tập đoàn đang triển khai thực hiện 12 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích là 3.776,67 ha (đã trồng 1.455,90 ha, chiếm 38,55%). Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ yếu là trồng chuối hoặc cây có múi (mít, bưởi, sầu riêng...) do một số đơn vị khu vực miền Đông Nam Bộ hợp tác, liên kết triển khai với đối tác có trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm và thị trường. Dự kiến, Tập đoàn sẽ tiếp tục chuyển những khu vực có nguồn nước, thuận lợi cơ sở hạ tầng sang lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 40.000 đến 50.000 ha.





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





CỦA VRG NĂM 2022

1 CHỦ TỊCH QUỐC HỘI VƯƠNG ĐÌNH HUỆ 3 LẦN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VRG



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ thăm nhà máy chế biến Công ty CP Cao su Việt Lào vào tháng 5/2022

2 BẦU, BỔ NHIỆM NHIỀU CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CẤP CAO

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021 được tổ chức vào ngày 12/1/2022, các đại biểu đã biểu quyết thông qua thành phần HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026. Đại hội đã bầu HĐQT VRG nhiệm kỳ 2021 – 2026 có 8 thành viên, trong đó ông Trần Công Kha – Bí thư Đảng ủy, Phó TGD VRG giữ chức danh Chủ tịch HĐQT, ông Lê Thanh Hưng – Phó TGD giữ chức danh Tổng Giám đốc VRG nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Trong Lễ công bố quyết định về công tác cán bộ được tổ chức vào ngày 1/6, VRG đã công bố và trao các quyết định Phó TGD cho các ông: Đỗ Hữu Phước – Ủy viên BCH Đảng bộ, Trưởng ban XDCB – Khu CN VRG, giữ chức vụ Phó TGD VRG. Ông Huỳnh Kim Nhựt – Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao



Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021 được tổ chức vào ngày 12/1/2022 biểu quyết thông qua thành phần HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026

su Phước Hòa, giữ chức Phó TGD VRG. Ông Lê Đình Bửu Trí – Giám đốc Chi nhánh phía Nam TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Người đại diện vốn Nhà nước tại VRG giữ chức vụ Phó TGD VRG.

Năm 2022, các doanh nghiệp trực thuộc VRG vinh dự được Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ và đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội Việt Nam 3 lần đến thăm và làm việc.

Cụ thể, trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, ngày 17/5, Chủ tịch Quốc hội đã tới thăm Công ty TNHH Cao su Việt Lào. Ngày 22/11, Chủ tịch Quốc hội đã tới thăm, làm việc tại tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia và các công ty cao su trực thuộc VRG trên địa bàn tỉnh. Trong các chuyến đến thăm, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội biểu dương những thành tích to lớn của các đơn vị trực thuộc VRG ở Lào và Campuchia.

Chủ tịch Quốc hội bày tỏ vui mừng khi chứng kiến sự phát triển của các đơn vị trực thuộc VRG tại Lào và Campuchia. Các dự án phát triển cao

su của VRG trên nước bạn đã góp phần thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị giữa Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia. Chủ tịch Quốc hội tin tưởng rằng các đơn vị sẽ tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục vươn lên phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Ngày 1/10, Chủ tịch Quốc hội đã tới thăm và làm việc với Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Thị xã Chơn Thành, Bình Phước. Phát biểu tại buổi làm việc, Chủ tịch Quốc hội cho rằng, VRG là Tập đoàn lớn của Việt Nam, ngoài ngành nghề chính là cao su thì đầu tư KCN, chế biến gỗ cũng là một ngành nghề của Tập đoàn mang lại doanh thu, lợi nhuận tốt trong giai đoạn giá gỗ thấp. Doanh nghiệp của VRG rất có trách nhiệm với cộng đồng, đóng góp nhiều cho an sinh xã hội.



3

HỘI THI BÀN TAY VÀNG THU HOẠCH MỦ CAO SU LẦN THỨ XIII QUY MÔ LỚN NHẤT VÀ KẾT QUẢ CAO NHẤT TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY



Các đồng chí nguyên lãnh đạo VRG qua các thời kỳ, lãnh đạo VRG chụp hình kỷ niệm cùng các đơn vị đạt giải tại Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ cao su lần thứ XIII

Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ cao su năm 2022 được tổ chức tại vườn cây của Nông trường Bến Súc, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng. Hội thi có 64 đoàn với 325 thí sinh tham gia. Kết quả Hội thi với 83 thí sinh đạt danh hiệu Bàn tay vàng, 101 thí sinh đạt danh hiệu Kien tướng. Đây là một kết quả rất ấn tượng, số thí sinh đạt danh hiệu Bàn tay vàng vượt hơn 150% so với hội thi năm 2020. Cao su

Phú Thịnh đạt giải nhất đồng đội. Thí sinh Trần Hữu Thắng – Cao su Chư Sê xuất sắc đạt giải nhất cá nhân nam và thí sinh Nguyễn Thị Phượng – Cao su Đồng Phú xuất sắc đạt giải nhất cá nhân nữ.

Dịp này, VRG đã tổ chức tuyên dương 112 tập thể tiêu biểu, điển hình trong Câu lạc bộ 2 tấn nhằm biểu dương, khích lệ và khen thưởng các đơn vị xuất sắc. Đồng thời vinh danh 36 Bàn tay vàng cấp ngành 2020.

4

HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP GIAO

Năm 2022, VRG triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện thuận lợi, khó khăn đan xen. Tuy nhiên phát huy truyền thống hào hùng của ngành cao su, tập thể NLD đã đoàn kết, thống nhất, ra sức thi đua thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp giao.

Cụ thể: Tổng doanh thu hợp nhất ước đạt 28.360 tỷ đồng, bằng 100,3% kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 5.020 tỷ đồng, vượt 2,4% kế hoạch; Nộp ngân sách Nhà nước 3.200 tỷ đồng, vượt 1,6%. Riêng Công ty Mẹ - Tập đoàn tổng doanh thu ước đạt 3.600 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.400 tỷ đồng (vượt 15,7% kế hoạch).



Các công ty trực thuộc VRG nhận Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp năm 2022

5

18 DOANH NGHIỆP ĐƯỢC VINH DANH TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG; NHIỀU DOANH NGHIỆP NHẬN CÁC GIẢI THƯỞNG UY TÍN



VRG có 18 công ty được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2022

Tại Lễ công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2022 được tổ chức vào ngày 1/12, VRG có 18 công ty được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2021, trong đó Cao su Bình Long xuất sắc nằm trong Top 10 doanh nghiệp bền vững trong lĩnh vực sản xuất.

Ngày 30/3, tại Trung tâm hội nghị Quốc gia, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam đã tổ chức Lễ trao giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2021. VRG có 8 đơn vị được nhận giải thưởng. Gồm có: Công ty CPCS Phước Hòa; Top 100 (Hạng 12); Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng; Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long; Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum; Công ty CPCS Đồng Phú; Công ty CPCS Tân Biên; Công ty CPCS Việt Lào; Công ty CP Khu công nghiệp Tân Bình

Cũng trong ngày 30/3, Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam chính thức công bố Top 10 công ty uy tín ngành bất động sản năm 2022. VRG có 3 khu công nghiệp trong Top 10, bao gồm: Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG, Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, Công ty CP KCN Tân Bình.

Tiếp đó, sản phẩm mủ cao su thiên nhiên của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long vinh dự được trao Top 10 sản phẩm vàng Việt Nam năm 2022. Đồng thời nhãn hiệu Cao su Bình Long được trao Top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2022.

6

KỶ NIỆM 125 NĂM CÂY CAO SU DI NHẬP VÀO VIỆT NAM (1897 - 2022); 93 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM (28/10/1929 - 28/10/2022); 15 NĂM TRIỂN KHAI DỰ ÁN TẠI LÀO VÀ CAMPUCHIA (2007 - 2022)



Lãnh đạo VRG cùng đại biểu khách mời chụp ảnh lưu niệm tại lễ kỷ niệm Kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Chi bộ Đảng Dương Cộng sản Đảng; Ngày truyền thống ngành cao su Việt Nam (28/10/1929 - 28/10/2022).

Ngày 21/10, tại Công ty CPCS Đồng Phú, VRG đã tổ chức Kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Chi bộ Đảng Dương Cộng sản Đảng; Ngày truyền thống ngành cao su Việt Nam (28/10/1929 - 28/10/2022) và Tổng kết, trao thưởng các hoạt động chào mừng. Ngành cao su tự hào có một truyền thống vẻ vang, gắn với công cuộc đấu tranh, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc và xây dựng nước Việt Nam XHCN. Truyền thống đó được tạo dựng, vun đắp từ sự đóng góp bằng tâm sức, sinh mạng, trí tuệ của hàng vạn con người qua nhiều thế hệ.

Tại buổi lễ, VRG đã trao giải thưởng Phú Riêng đỏ cho 17 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, có đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng và phát triển VRG; Trao giải thưởng Cao su Việt Nam cho 1 tập thể và 13 cá nhân có thành tích trong hoạt động lao động sáng tạo. Dịp này, Cao su Việt Nam đã trao giải thưởng cuộc thi viết Cao su - Đất và người; cuộc thi ảnh Nét đẹp lao động trên fanpage.

Năm 2022 cũng tròn 15 năm kể từ khi VRG thực hiện dự án phát triển cây cao su ở miền núi phía Bắc và Vương quốc Campuchia. 15 năm nhìn lại, thời gian đầu triển khai ở vùng đất khó, các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên bằng sự quyết liệt của lãnh đạo VRG, quyết tâm vượt khó của tập thể NLD, đến nay các đơn vị ở hai khu vực này đã bước đầu đạt được kết quả tích cực.

7 HIỆP HỘI CAO SU VIỆT NAM ĐẨY MẠNH HỖ TRỢ HỘI VIÊN VÀ KIẾN NGHỊ THÁO GỖ KHÓ KHĂN VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHO NGÀNH CAO SU



VRA kết hợp tác với Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Công thương

Ngày 31/8, Hiệp hội Cao su VN (VRA) đã tổ chức Hội nghị hội viên năm 2022 khu vực I (TP.HCM và các tỉnh miền Đông Nam bộ) và Lễ ký kết hợp tác giữa VRA và Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Công thương trong hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển “Nhãn hiệu Cao su Việt Nam”. Tính đến tháng 8/2022, Hiệp hội có 118 hội viên hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, cao su thiên nhiên (85 hội viên), sản phẩm cao su (19 hội viên), gỗ cao su (19 hội viên), dịch vụ – hỗ trợ (30 hội viên).

Tại Hội thảo tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy ngành cao su phát triển bền vững tổ chức tại TP.HCM, ngày 8/11 do VRA phối hợp với VRG tổ chức, VRA và VRG đã kiến nghị 4 chính sách hiện nay ngành cao su đang gặp vướng mắc lớn, gồm: Chính sách thuế (Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp). Chính sách tài chính đối với đất đai (Tiền thuê đất đối với diện tích đất cao su trồng tái canh trong thời gian xây dựng cơ bản). Chính sách môi trường (Chính sách môi trường trong chế biến cao su). Chính sách về phát triển thương hiệu ngành cao su. Đại diện các bộ ngành liên quan tại Hội thảo đã ghi nhận và sẽ kiến nghị các cấp để tháo gỡ khó khăn cho ngành cao su.

Ngày 9/12, VRA tổ chức Hội nghị quốc tế ngành Cao su VN; hội thảo về xu hướng và triển vọng ngành cao su thích ứng với những biến động trong tương lai. dịp này, VRA đã vinh danh 19 doanh nghiệp được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cao su Việt Nam” cho 89 sản phẩm thuộc 31 nhà máy chế biến cao su.

8 ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ



Trang web thương mại giới thiệu hàng hóa cao su của Tập đoàn đang được ban thị trường kinh doanh hoàn thiện

Theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/ĐU, ngày 28/10/2021 của Đảng ủy VRG về “Thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị trong VRG đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, mục tiêu thực hiện chuyển đổi số là toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, hình thành nên những mô hình kinh doanh mới, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Năm 2022, VRG đã tích cực đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác với các tập đoàn viễn thông trong nước để tìm hiểu mô hình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số để tập trung chuyển đổi mô hình SXKD nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo ra hiệu quả tối ưu cho việc điều hành đơn vị phát triển bền vững và duy trì tăng trưởng. Đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực cao đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số. Xây dựng hệ thống quản trị tập trung của VRG trên nền tảng công nghệ 4.0.

Song song đó, lãnh đạo VRG đã chỉ đạo các đơn vị trong VRG có chiến lược, kế hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, kỹ năng đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số sáng tạo đáp ứng được mục tiêu chuyển đổi số của từng đơn vị thành viên. Phấn đấu 100% đơn vị lĩnh vực cao su triển khai ứng dụng công nghệ số phù hợp với tình hình của đơn vị, đăng ký mã QR code đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

9 VINH DANH LỰC LƯỢNG TIÊU BIỂU TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19



VRG được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen vì có nhiều thành tích trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, thực hiện tốt “nhiệm vụ kép”

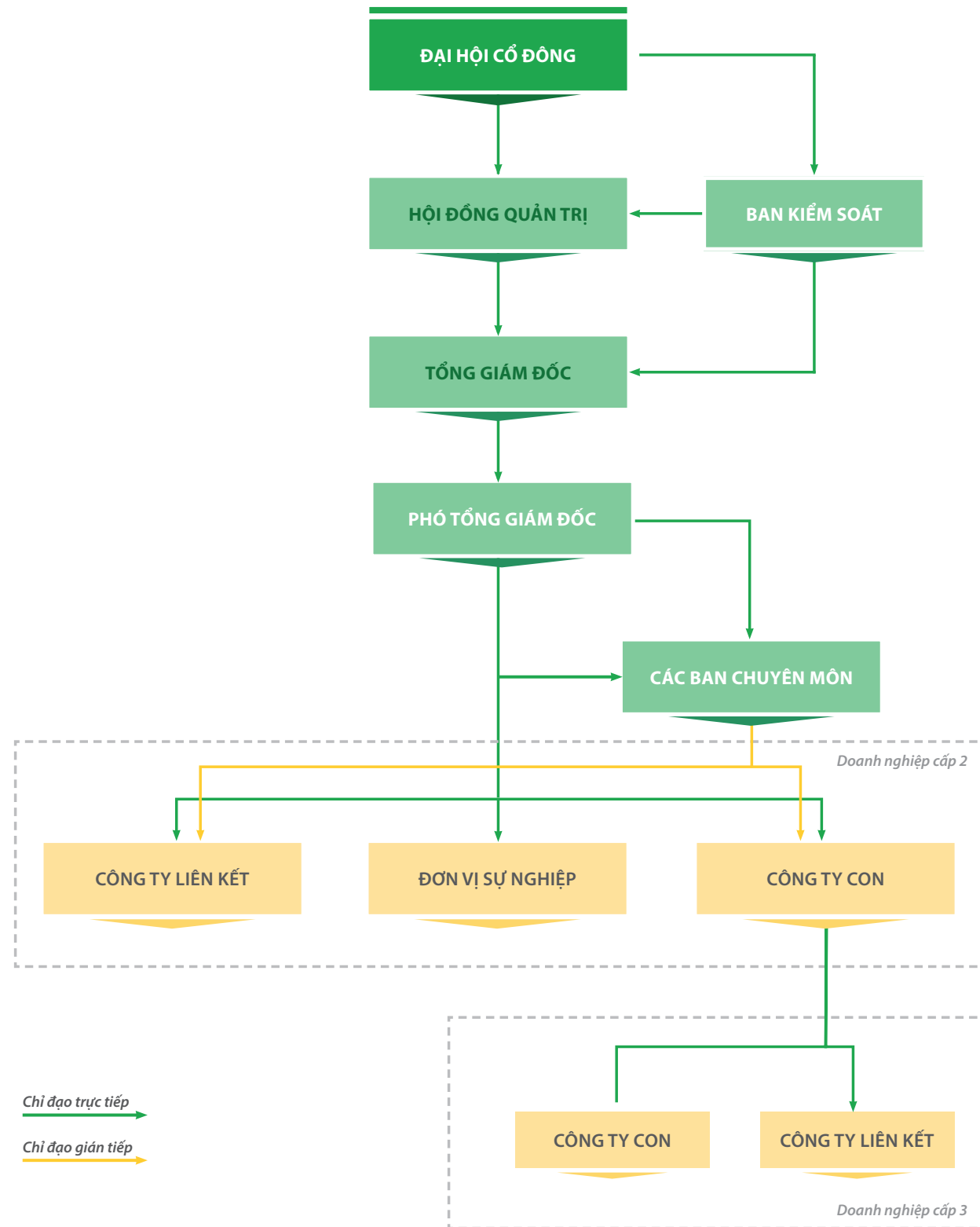
Ngày 25/2, tại hội trường TCT Cao su Đồng Nai, VRG đã tổ chức Lễ kỷ niệm 67 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2/1955 – 27/2/2022) và vinh danh lực lượng tiêu biểu trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 của VRG nhằm tôn vinh “những chiến binh” áo trắng thầm lặng. Tập đoàn đã vinh danh 10 tập thể và 67 cá nhân có thành tích nổi bật trực tiếp tham gia phòng, chống dịch trong thời gian và tổ chức Tọa đàm giao lưu trò chuyện, chia sẻ những vất vả, kỉ niệm khó quên trong công tác phòng chống dịch Covid-19 với 3 bác sỹ của các đơn vị trực thuộc trong ngành.

10 TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI THAO CNVC-LĐ VRG

Sau 1 kỳ gián đoạn do dịch Covid 19, Hội thao CNVC-LĐ ngành cao su năm 2022 đã diễn ra từ ngày 3/8 đến ngày 30/9 năm 2022 tại 5 khu vực: miền núi phía Bắc, Tây Nguyên – Duyên hải miền Trung – Lào, TP. Hồ Chí Minh và các đơn vị thương mại dịch vụ lân cận, Campuchia và miền Đông Nam bộ và Bình Thuận. Hội thao là hoạt động truyền thống của VRG nhằm tạo sân chơi lành mạnh, giao lưu với không khí sôi nổi, tăng cường tình đoàn kết, rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe, tạo động lực hăng say lao động. Hội thao gồm 17 nội dung thi đấu của 7 môn: Bóng đá mini nam, Bóng chuyền nam, Quần vợt, Cầu lông, Kéo co, Cờ tướng, Bóng bàn. Tổng giá trị khen thưởng cho 5 khu vực tham gia Hội thao trên 720 triệu đồng.



Lãnh đạo VRG trao giải đồng đội tại Hội thao CNVC-LĐ ngành cao su khu vực Đông Nam bộ - Bình Thuận



CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có một trăm lẻ một (101) Công ty con
Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết (Xem chi tiết tại trang 122)





The green pathway to growth and sustainability: Sustainable management of rubber plantations

Viet Nam Rubber Group¹

¹[Email: vrg@rubbergroup.vn; <https://vnrubbergroup.com>]



ECONOMIC DEVELOPMENT



ENVIRONMENTAL PROTECTION



CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY (CSR)

VRG



With almost **1,000,000 ha** rubber plantations, Viet Nam is one of the world's largest natural rubber producers. However, sustainable natural rubber productions are still the most critical challenges for rubber stakeholders.

Viet Nam Rubber Group (VRG) is the largest natural rubber producer, with over **410,000 ha** located in Viet Nam, Laos, and Cambodia. VRG is always aware of the responsibility for a sustainable enterprise; VRG's efforts demonstrate an excellent example in promoting rubber sustainability.

VRG is the leading enterprise in implementing the Viet Nam Forest Certification Scheme (VFCS) and PEFC (Programme for the Endorsement of Forest Certification) certificates in the rubber sector. In 2021, about **70,000 ha** rubber plantations and 22 natural rubber processing factories were certified under PEFC-CoC standards; another **60,000 ha** will be certified by the end of 2022.

In economic terms, VRG rubber plantations have an average yield of **1,56 ton/ha/year**, which is much higher than the global average yield, through the focusing on R&D and innovative solutions, especially: new high yielding rubber clones; advanced techniques in harvesting and soil protection; intercropping and Integrated Disease Management.

VRG pays attention to environmental values by applying the best practices to reduce significant carbon emissions: increasing the use of organic fertilizers; installing solar power systems for rubber factories; developing new processing process to reduce **40%** of electric usage and DO oil; using biological waste treatment; and reusing **1.5 million m³/year** (25% of total water usage) of treated wastewater.

VRG demonstrates the social responsibilities and has meaningful contributions to society by improving the living conditions of VRG workers and surrounding communities (infrastructure and health care facility improvement; job and income creation).

VRG strongly considers the sustainable development as the green pathway of the future and business growth; VRG looks forward to sharing the best practices and the importance of industry sustainability leadership.



02

TỔ CHỨC
VÀ NHÂN SỰ

**ÔNG TRẦN CÔNG KHA**

Chủ tịch HĐQT

Vị trí: Chủ tịch HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1974
Học vấn: Tiến sĩ Kinh tế

**Ông LÊ THANH HƯNG**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Vị trí: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1966
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

**ÔNG TRẦN NGỌC THUẬN**

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1960
Học vấn: Kỹ sư Cơ khí Nông nghiệp

**Ông HUỖNH VĂN BẢO**

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1963
Học vấn: Cử nhân Kinh tế

**ÔNG HÀ VĂN KHƯƠNG**

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1970
Học vấn: Thạc sĩ Khoa học nông nghiệp

**Ông PHẠM VĂN THÀNH**

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1962
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

**Ông PHAN MẠNH HÙNG**

Thành viên HĐQT độc lập

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1962
Học vấn: Cử nhân QTKD,
Cử nhân Văn khoa

**Ông NGUYỄN HAY**

Thành viên HĐQT độc lập

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1959
Học vấn: Giáo sư, Tiến sĩ
ngành Cơ khí - Động lực



**Ông LÊ THANH HÙNG**

Tổng giám đốc

Vị trí: Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1966
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

**Ông TRƯỜNG MINH TRUNG**

Phó Tổng giám đốc

Vị trí: Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 01/06/2018
Năm sinh: 1968
Học vấn: Thạc sĩ QTKD

**Ông TRẦN THANH PHỤNG**

Phó Tổng giám đốc

Vị trí: Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 18/02/2020
Năm sinh: 1968
Học vấn: Thạc sĩ QTKD

**Ông LÊ THANH TÚ**

Phó Tổng giám đốc

Vị trí: Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 01/10/2018
Năm sinh: 1963
Học vấn: Cử nhân TCKT



Ông LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ

Phó Tổng giám đốc

Vị trí: Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 01/6/2022
Năm sinh: 1970
Học vấn: Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế



Ông HUỲNH KIM NHỰT

Phó Tổng giám đốc

Vị trí: Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 01/6/2022
Năm sinh: 1973
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



Ông ĐỖ HỮU PHƯỚC

Phó Tổng giám đốc

Vị trí: Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 01/6/2022
Năm sinh: 1968
Học vấn: Thạc sĩ Kỹ thuật





Ông ĐỖ KHẮC THĂNG

Trưởng ban Kiểm soát

Vị trí: Trưởng ban Kiểm soát
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1963
Học vấn: Thạc sĩ QTKD



Ông NGUYỄN MINH ĐỨC

Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Vị trí: Kiểm soát viên
Bổ nhiệm: 12/01/2022
Năm sinh: 08/12/1984
Học vấn: Kỹ sư xây dựng



Ông VÕ VĂN TUẤN

Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Vị trí: Kiểm soát viên
Bổ nhiệm: 12/01/2022
Năm sinh: 19/07/1971
Học vấn: Thạc sĩ Nông nghiệp



03

**BÁO CÁO
CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

The logo of Vietnam Rubber Group is a green circular emblem. Inside the circle is a stylized green leaf with three curved segments. Below the leaf, the text "Vietnam Rubber Group" is written in a green, sans-serif font.

Vietnam Rubber Group

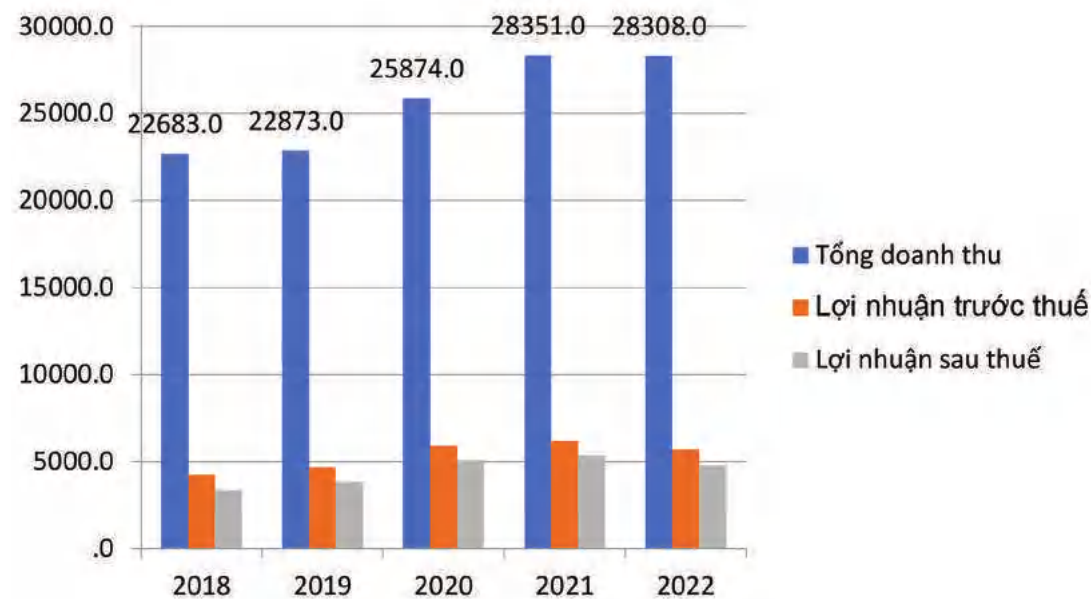
THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN QUA CÁC NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018
Tổng doanh thu	28.308	28.351	25.874	22.873	22.683
Lợi nhuận trước thuế	5.701	6.213	5.911	4.655	4.252
Lợi nhuận sau thuế	4.753	5.340	5.076	3.833	3.334

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 5 năm gần đây



Tuy có nhiều khó khăn trong thời điểm bị ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, cuộc chiến thương mại và xung đột quân sự giữa các nước lớn làm ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm, giá cả của hầu hết các loại nguyên liệu đầu vào tăng mạnh. Bằng nhiều biện pháp khác nhau, doanh thu và lợi nhuận chung toàn Tập đoàn được duy trì ở mức tương đối.

II. Tình hình tài chính:

1. Cơ cấu tài sản và tổng nguồn vốn:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2022	Tại ngày 31.12.2021	Tăng (giảm) %	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019
Tổng tài sản	78.377	79.014	99,19	80.278	78.517
Tài sản ngắn hạn	23.396	22.769		22.167	21.070
Tài sản dài hạn	54.981	56.245		58.111	57.447
Tổng nguồn vốn	78.377	79.014	99,19	80.278	78.517
Tổng nợ phải trả	24.911	27.074	92,01	28.847	27.920
Nợ ngắn hạn	10.368	10.867		11.015	9.728
Nợ dài hạn	14.543	16.207		17.832	18.192
Vốn chủ sở hữu	53.466	51.940	102,94	51.431	50.597

- Vốn bằng tiền: Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh mang lại, Tập đoàn luôn duy trì giá trị vốn bằng tiền ở mức ổn định và quản lý dòng tiền một cách có hiệu quả và an toàn. Đảm bảo nguồn lực duy trì hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông gia.

- Về tài sản:

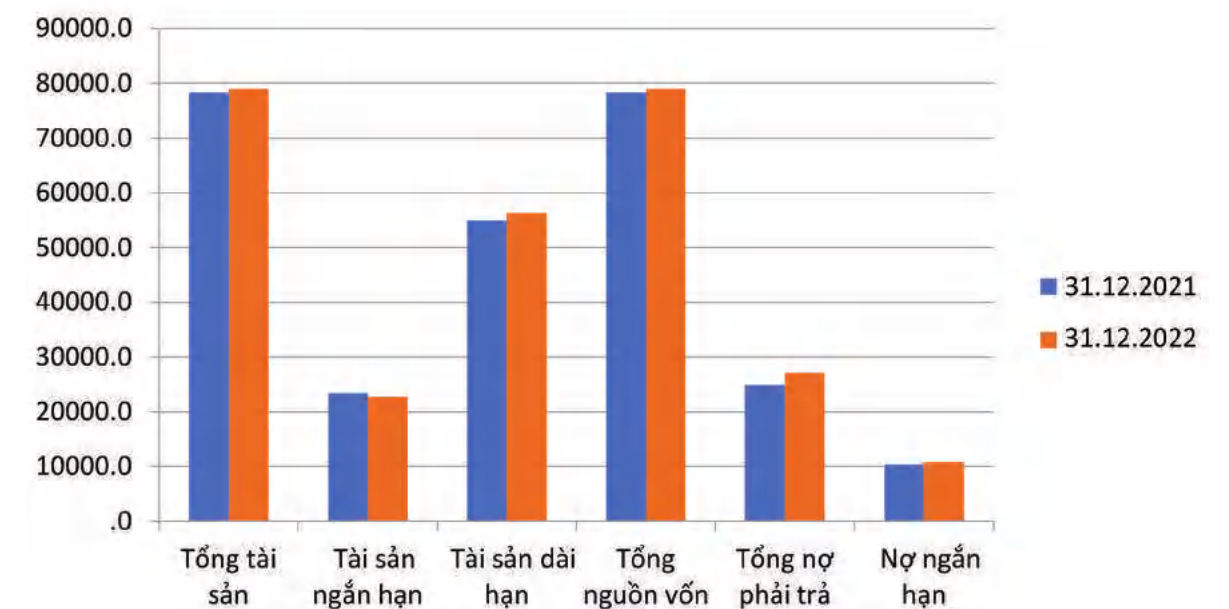
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tổng tài sản của Tập đoàn đạt 78.377 tỷ đồng bằng 99,19% so đầu năm.

Tài sản dài hạn của Tập đoàn chủ yếu là các vườn cây cao su, các nhà máy chế biến và giá trị của các khu công nghiệp. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tập đoàn, chiếm 70,15% tổng tài sản.

- Về nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả tại ngày cuối năm 2022 là 24.911 tỷ đồng, bằng 92,01% so với đầu năm và chiếm tỉ lệ 31,78% trên tổng nguồn vốn, một tỷ lệ thấp. Tập đoàn giám sát chặt chẽ các khoản nợ phải trả, đặc biệt là nợ vay ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn và sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp ở ngưỡng phù hợp.

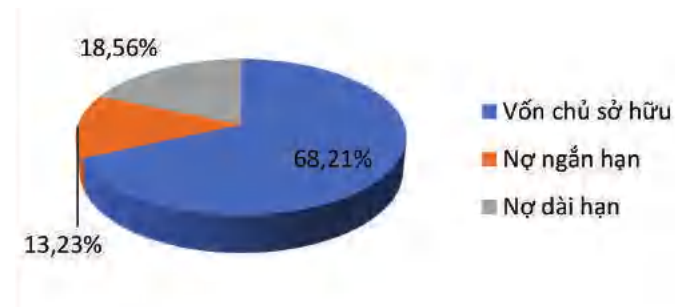
- Tổng nợ cuối năm giảm 7,99% so với đầu năm, trong khi tổng tài sản chỉ giảm 0,81% so với đầu năm. Điều này nói lên là các đơn vị thành viên của Tập đoàn đã huy động các nguồn lực nội tại để trả nợ vay và các khoản nợ khác làm tổng nợ giảm đáng kể so với mức độ giảm của Tổng tài sản.



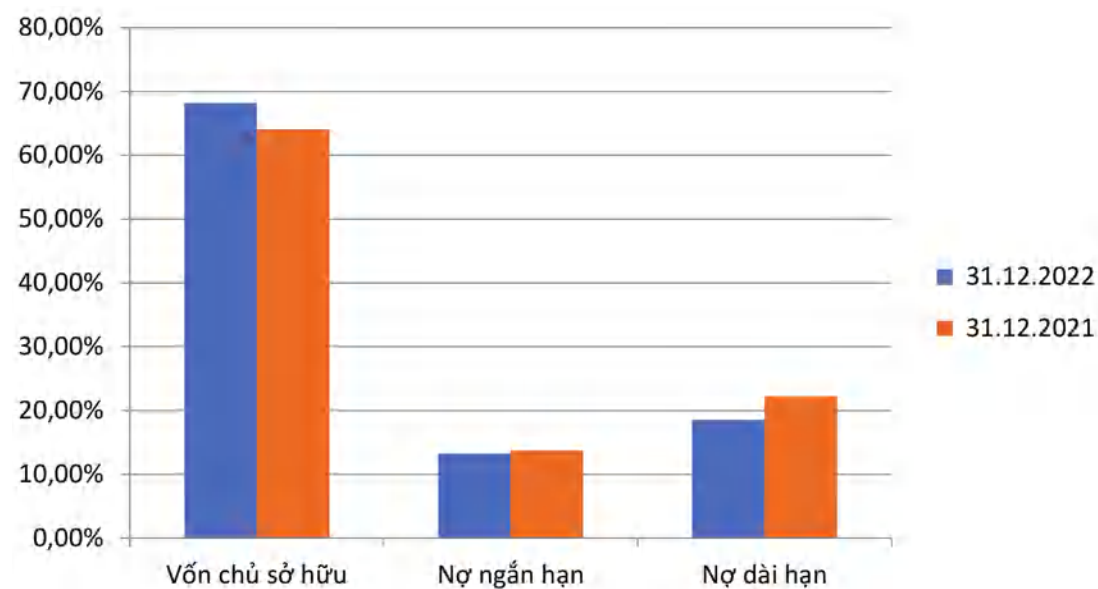
- Về cơ cấu tổng nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2022	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019	Tại ngày 31.12.2018
Vốn chủ sở hữu	68,21%	65,74%	64,07%	64,44%	64,12%
Nợ ngắn hạn	13,23%	13,75%	13,72%	12,39%	12,99%
Nợ dài hạn	18,56%	20,51%	22,21%	23,17%	22,89%

Cơ cấu vốn tại ngày 31.12.2022



So sánh với đầu năm



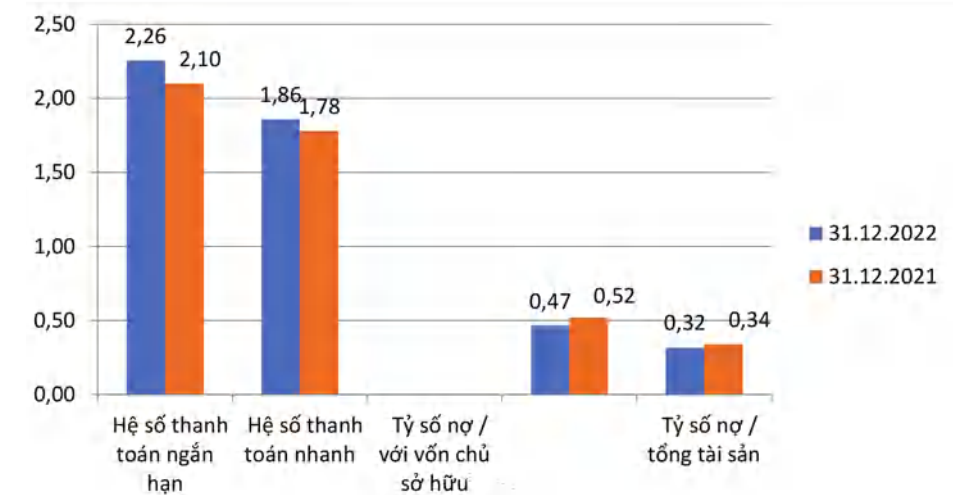
Vốn chủ sở hữu chiếm hơn 65,74% trong cơ cấu tổng nguồn vốn, cho thấy Tập đoàn tận dụng tối đa nguồn vốn sẵn có của mình để phát triển sản xuất kinh doanh, việc vay mượn được cân nhắc và chọn lọc sao cho tối thiểu hóa chi phí liên quan và không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các chỉ số tài chính của Tập đoàn.

Trong năm Vốn chủ sở hữu tăng 1,67% so với đầu năm sau khi đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông và tỷ lệ nợ dài hạn giảm, cho thấy việc bảo toàn vốn và kiểm soát nợ vay của Tập đoàn ở mức tốt.

2. Khả năng thanh toán và cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2022	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019	Tại ngày 31.12.2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,26	2,10	2,01	2,16	1,83
Hệ số thanh toán nhanh	1,86	1,78	1,48	1,81	1,51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)					
Tỷ số nợ / với vốn chủ sở hữu	0,47	0,52	0,56	0,55	0,56
Tỷ số nợ / tổng tài sản	0,32	0,34	0,36	0,36	0,36

Hệ số thanh toán và hệ số nợ cuối năm so với đầu năm



Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn của Tập đoàn đều có hệ số lớn hơn 1, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh và khả năng đáp ứng tốt việc thanh toán các khoản nợ phải trả.

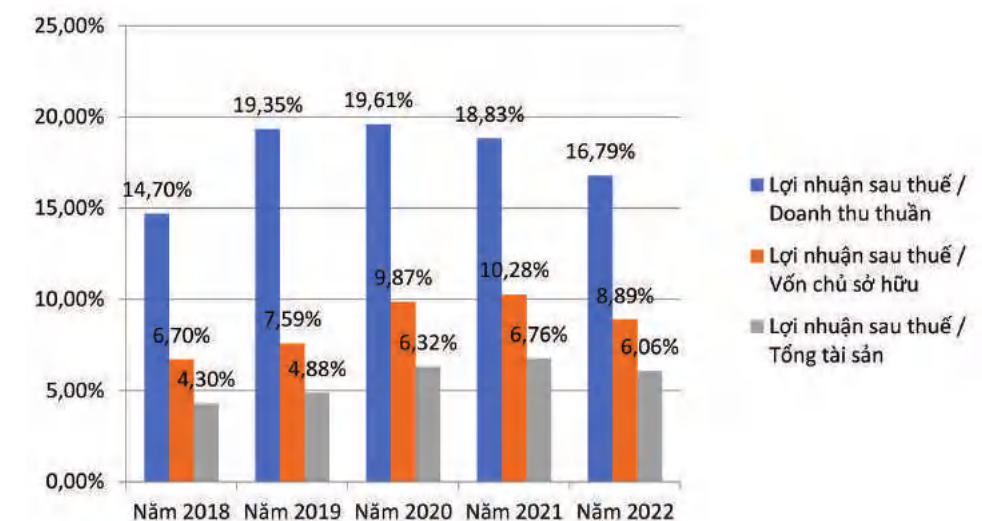
Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu đều nhỏ hơn 1, Tập đoàn luôn ưu tiên việc sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện đầu tư, kiểm soát nợ phải trả ở mức an toàn, sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp, đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số thanh toán nợ cuối năm cải thiện đáng kể so với đầu năm, trong khi hệ số nợ trên tài sản và vốn chủ sở hữu giảm càng thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn tốt hơn so với đầu năm và thể hiện việc cẩn trọng, công tác quản trị tài chính luôn được Tập đoàn xuyên suốt xem trọng.

3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	16,79%	18,83%	19,61%	19,35%	14,7%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	8,89%	10,28%	9,87%	7,59%	6,7%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	6,06%	6,76%	6,32%	4,88%	4,3%

So sánh giữa năm 2022 với cùng kỳ năm trước





QUYẾT TÂM VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ CHĂM LO TỐT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2022 là một năm có rất nhiều khó khăn, trở ngại và thách thức ngoài dự báo đối với hoạt động của nền kinh tế nói chung và ngành cao su nói riêng do ảnh hưởng của xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine bùng phát, kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; lạm phát tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia và hậu quả của đại dịch Covid-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh và nhu cầu thị trường giảm gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thu nhập, việc làm và đời sống người lao động của Tập đoàn.

1. Khối các công ty cao su

Hậu quả dịch Covid - 19 đã tác động nặng nề đến các ngành nghề, trong đó có các công ty cao su. Do vật tư đầu vào tăng đột biến, đứt gãy chuỗi cung ứng và cách ly ở thị trường Trung Quốc làm hàng hóa bán chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD. Tuy nhiên các đơn vị đã nỗ lực, xây dựng các kịch bản điều hành sản xuất kinh doanh linh động, phù hợp - Nhờ đó, năm 2022 là năm Tập đoàn tiếp tục về trước kế hoạch sản lượng.

Sản lượng khai thác toàn Tập đoàn đạt trên 429.852 tấn, đạt 107% kế hoạch, tăng gần 30.000 tấn so với năm 2021. Thu mua đạt trên 80.150 tấn đạt 100% kế hoạch; Tiêu thụ khoảng 501.322 tấn, đạt 100% kế hoạch năm; giúp khối các công ty cao su có doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch được giao.



2. Chế biến gỗ



Là mảng kinh doanh bị tác động khá mạnh, Nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh gây khó khăn cho hoạt động của các công ty gỗ. Sản lượng gỗ các loại đạt 1.263.534 m³; doanh thu các công ty gỗ ước đạt 7.512 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế ước đạt 341 tỷ đồng, riêng MDF ít lệ thuộc vào thời vụ thu hoạch gỗ nguyên liệu nên vẫn đạt xấp xỉ 100% kế hoạch tương đương 1.010.000 m³, vượt 35% công suất thiết kế các nhà máy. Mảng gỗ MDF nỗ lực vượt trội đã giúp ngành gỗ cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

3. Công nghiệp Cao su

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp đều bị ảnh hưởng nặng, đặc biệt sản lượng giảm tay y tế giảm do nhu cầu thị trường nên hầu hết các sản phẩm còn lại không đủ bù khoản thiếu hụt doanh thu - Doanh thu các sản phẩm công nghiệp ước 1.237 tỷ đồng, bằng 60% kế hoạch năm

4. Khu Công nghiệp



Lĩnh vực đầu tư hạ tầng trên đất cao su của Tập đoàn năm 2022 tiếp tục khó khăn, nhiều nhà đầu tư nước ngoài không thể đến Việt Nam tìm hiểu và đáng giá thực tế nên các Khu công nghiệp khó cho thuê đất mới. Thêm vào đó, các doanh nghiệp đang thuê đất gặp khó khăn được miễn, giãn, hoãn tiền thuê đất làm giảm doanh thu hoạt động. Cuối năm nhu cầu thị trường ảm đạm, giá cho thuê tăng tuy nhiên tất cả các dự án mở rộng đều vướng thủ tục nên không có diện tích để cho thuê, diện tích cho thuê chỉ đạt

13% kế hoạch. Mặc dù doanh thu cuối năm chỉ đạt 75% kế hoạch nhưng chỉ tiêu lợi nhuận vẫn đạt...

5. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NN ƯDCNC)



Tính đến năm 2022, Tập đoàn đã phê duyệt thực hiện 2 khu NN ƯDCNC tại Cao su Phước Hòa, Cao su Đồng Phú và 13 dự án NN ƯDCNC với tổng diện tích 4.370 ha. Đến nay, các đơn vị thành viên đã thực hiện được 5 dự án chiếm 38,4% tổng số dự án được chấp thuận. Các loại cây đầu tư rất đa dạng như: chuối, sachi, dưa lưới, dứa, bưởi da xanh, các loại cây có múi khác... kể cả chuỗi sản phẩm sau thu hoạch. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại cây chuối vẫn là cây chủ lực với 403 ha chiếm 82,9% và mít 83 ha chiếm 17,1%. Theo thống kê của VRG, lợi nhuận cố định khi thực hiện trồng cây NN ƯDCNC thu được trong khoảng từ 25 - 30 triệu/ ha/năm ngay từ năm thực hiện đến hết thời gian dự án mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh.

Mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn, Tập đoàn cùng Công đoàn Cao su Việt Nam thực hiện chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người LĐ toàn Tập đoàn. Đã phát động Tháng Công nhân với chủ đề “Công nhân Việt Nam tiên phong, sáng tạo, trách nhiệm, an toàn, thích ứng” vinh danh 233 “Công nhân cao su Việt Nam ưu tú”; tặng quà cho công nhân bị tai nạn lao động từ 31% trở lên, thực hiện chương trình ánh sáng công đoàn và thiết chế văn hóa cơ sở, trao tặng 70 căn nhà mái ấm Công đoàn, hỗ trợ sửa chữa 12 căn nhà, hỗ trợ 29 trường hợp bệnh hiểm nghèo; tổ chức khám và phát thuốc miễn phí cho 1.215 lao động nữ là đồng bào dân tộc thiểu số tại các đơn vị miền núi phía Bắc; hỗ trợ 4 đơn vị khu vực Trung ảnh hưởng bão với tổng kinh phí cho các hoạt động gần 6,5 tỷ đồng. Tổ chức đón Tết ấm cúng, nghĩa tình với nhiều hoạt động thiết thực, Tết Nguyên Đán 2022 các đơn vị thành viên đã thực hiện chi trả kịp thời, đầy đủ lương, thưởng cho người lao động và các khoản phúc lợi; tổ chức thăm hỏi, tặng quà, chúc Tết đầu năm và các hoạt động chăm lo khác với kinh phí trên 312,7 tỷ đồng.



Ông Lê Thanh Hưng – Tổng giám đốc Tập đoàn

CHỦ ĐỘNG THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT, QUYẾT TÂM HOÀN THÀNH CAO NHẤT KẾ HOẠCH NĂM 2023

VRG và các đơn vị thành viên triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Thị trường thế giới chưa có chuyển biến tích cực so với năm 2022, với cơ cấu sản phẩm chủ yếu là xuất khẩu, các nhóm ngành sản xuất chính của VRG dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn hơn năm 2022.

Thị trường tiêu thụ mủ cao su được dự đoán sẽ gặp nhiều khó khăn do giá bán giảm và có khả năng giá bán bình quân sẽ thấp hơn năm 2022; Sản phẩm gỗ phối cao su bị tồn kho lớn tác động lớn đến giá trị thu hoạch gỗ cây cao su của các công ty cao su thành viên; Sản phẩm găng tay y tế giá giảm sâu do cung vượt nhu cầu lớn, không bảo đảm được đơn hàng sản xuất làm tăng giá thành; Chi phí đầu vào tăng; Các dự án mở rộng, đầu tư mới khu công nghiệp đều vướng cơ chế; Việc chuyển dịch lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ gây áp lực trong việc giữ chân và tuyển dụng lao động. Bên cạnh đó

là những dự báo về thời tiết bất thuận sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình tổ chức sản xuất của các đơn vị.

Trước tình hình trên, lãnh đạo VRG nhận định dự địa cho tăng trưởng của VRG năm 2023 được dự báo là không tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn thì VRG và các đơn vị thành viên có những thuận lợi nhất định. Thứ nhất, là kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của các đơn vị trực thuộc đều rất khả quan. Đây là nền tảng tốt để các đơn vị vững tin, tiếp tục nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ 2023. Thứ hai, từ tình hình thực tế những năm gần đây, năm nào cũng có những khó khăn nhất định, do đó lãnh đạo đơn vị rất năng động, sáng tạo và chủ động tổ chức sản xuất phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

Về vấn đề lao động, có một số đơn vị chịu sự cạnh tranh lao động rất gắt gao với các doanh nghiệp trên địa bàn. Để chủ động trong vấn đề này, thời gian qua đã có nhiều đơn vị đã có mô hình thu tuyển lao động

Tôi tin tưởng rằng, bằng những bài học từ thực tiễn, bằng kinh nghiệm đúc rút được trong những năm qua, bằng sự năng động sáng tạo trong công tác điều hành quản lý, bằng tình yêu ngành, yêu nghề, tập thể người lao động VRG sẽ phát huy truyền thống 94 năm xây dựng và phát triển của ngành để nỗ lực, thi đua lao động sản xuất, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2023.

sáng tạo, thu hút lao động bằng những đãi ngộ tốt trong công việc.

Thêm vào đó, trong những năm qua, VRG đã có định hướng, hỗ trợ các đơn vị trong lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu vườn cây, ứng dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật trên vườn cây nhằm nâng cao năng suất vườn cây, năng suất lao động. Đặc biệt, công tác chuyển đổi số của VRG và các đơn vị đã bước đầu có kết quả tích cực. Về chương trình phát triển bền vững, VRG kiên định phát triển trên ba trụ cột Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Việc ngày càng có nhiều diện tích của các đơn vị được cấp chứng chỉ rừng bền vững và chuỗi hành trình sản phẩm CoC cho các nhà máy giúp thương hiệu sản phẩm mủ Cao su Việt Nam có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

VRG đang tổ chức sản xuất trong điều kiện khó khăn, thuận lợi đan xen, do đó VRG phấn đấu xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 ở mức tối thiểu tương đương với thực hiện năm 2022. Để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, VRG chủ động xây dựng nhiều phương án để thích ứng với điều kiện thị trường còn nhiều phức tạp, trên nguyên tắc đảm bảo các mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và thu nhập của NLD.

Ban Tổng giám đốc Tập đoàn đã xây dựng các giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Đối với hoạt động SXKD, VRG chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện các giải pháp đã thực hiện có hiệu quả trong năm 2022 như đẩy mạnh việc trồng xen, trồng luân canh, hợp tác phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây nguyên liệu gỗ... để tăng hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng các tiêu chí về phát triển bền vững.

Hoàn thành cơ bản việc số hóa trong quản lý đất đai, cây trồng thông qua việc triển khai hệ thống GIS ở các công ty cao su để thực hiện tốt các giải pháp về quản lý chất lượng vườn cây, sản phẩm và giảm lao động quản lý trung gian; Huy động tối đa cổ tức, lợi nhuận được chia về Công ty mẹ - Tập đoàn nhằm đảm bảo sự tăng trưởng của Công ty mẹ - Tập đoàn, giữ vững thương hiệu, giá trị cổ phiếu GVR của Tập đoàn trên sàn giao dịch chứng khoán.

Đối với công tác đầu tư phát triển dự án, VRG quyết liệt hoàn thành thủ tục mở rộng, đầu tư mới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm tạo nguồn thu thay thế các lĩnh vực đang gặp khó khăn; triển khai đúng tiến độ nhà máy MDF Bình Phước

DỰ KIẾN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Chỉ tiêu hợp nhất:

- Doanh thu và thu nhập khác: 27.527 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 4.855 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 4.000 tỷ đồng.

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn:

- Doanh thu và thu nhập khác: 3.792 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 1.395 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 1.420 tỷ đồng.

giai đoạn 3 công suất 600.000 m3/năm, phấn đấu đưa vào sản xuất cuối năm 2023, đầu năm 2024; triển khai thí điểm nhà máy chế biến gỗ ở Lào, Campuchia với công suất phù hợp với nguồn nguyên liệu; Tiếp tục hoàn tất thủ tục các khu công nghiệp nằm trong quy hoạch phát triển khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 của các địa phương để có quỹ đất kinh doanh trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các Bộ ngành, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để có quy hoạch phù hợp trong việc sử dụng quỹ đất trồng cao su đến năm 2030 nhằm có kế hoạch sử dụng và tổ chức sản xuất phù hợp, bảo đảm tăng hiệu quả sử dụng đất của Tập đoàn.

Các đơn vị phải có giải pháp thích hợp để bảo đảm nguồn lao động, nhất là các đơn vị ở khu kinh tế trọng điểm, bị tranh chấp nguồn lao động với lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Song song với các công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD, lãnh đạo VRG chỉ đạo các đơn vị phải chăm lo tốt đời sống, đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách cho NLD. Đồng thời, các tổ chức đoàn thể phát động phong trào thi đua ngay từ đầu năm, tạo động lực, khí thế thi đua sôi nổi trong toàn ngành, hướng đến mục tiêu xây dựng đơn vị và VRG phát triển bền vững.

VRG đã chỉ đạo các đơn vị chủ động thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất ngay từ đầu năm, thi đua từ ngày đầu tháng đầu, quyết tâm hoàn thành cao nhất kế hoạch năm 2023 và những năm tiếp theo, xây dựng VRG phát triển bền vững.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO TRONG ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ



Có thể nói, năm 2022 là một năm có rất nhiều khó khăn, trở ngại và thách thức đối với hoạt động của các ngành nghề nói chung và ngành cao su nói riêng do ảnh hưởng của xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine bùng phát, kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; lạm phát tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia và hậu quả của đại dịch Covid-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế khu vực lẫn toàn cầu. Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh gây nên nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, thu nhập, việc làm và đời sống của người lao động.

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tác động trong nước và thế giới, nhưng tính đến hết năm 2022, Tập đoàn đã đạt được những thành tích rất nổi bật, tất cả các chỉ tiêu đều thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch năm đã được Ủy ban điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù hoạt động SXKD của Tập đoàn. Kết quả

này có sự đóng góp không nhỏ trong công tác điều hành, quản lý, năng động, sáng tạo và kịp thời của Ban Tổng giám đốc.

Căn cứ quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc, Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Theo sự điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã xây dựng, triển khai có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc, trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong việc định hướng, chỉ đạo công việc thông qua các cuộc họp hàng quý và khi được yêu cầu để có những chỉ đạo kịp thời, cụ thể trong từng trường hợp.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng giám đốc luôn chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh để xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị. Song song đó, Tổng giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh, chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành quản lý. Đồng thời có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để có những chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 của Tập đoàn, tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung của các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt hệ thống tổ chức kiểm soát và quản lý kiểm soát rủi ro của Tập đoàn, thực hiện đầy đủ, phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Tập đoàn đề nghị Ban Tổng giám đốc tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, năng động, sáng tạo và linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để tiếp tục đưa Tập đoàn gặt hái được những thành tựu mới.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN TẬP TRUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP PHÁT HUY TỐI ĐA NGUỒN LỰC CỦA VRG

Năm 2023 tiếp tục được dự báo là một năm tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức cả trong nước và quốc tế. Thêm vào đó, những thay đổi bất lợi về thời tiết, thị trường giá cả của cao su chưa có chuyển biến tích cực so với năm 2022... sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong quá trình thực hiện tất cả các nhiệm vụ.

Tuy nhiên, theo yêu cầu của các cấp, các doanh nghiệp, ngành nghề đều cần cố gắng có sự tăng trưởng trong kết quả hoạt động sản xuất. Do đó, ngay từ đầu năm, Tập đoàn bắt tay ngay vào việc xây dựng kế hoạch, các phương án và giải pháp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2023, đảm bảo mức tăng trưởng chung khoảng từ 3% - 5% trở lên so với năm 2022 về doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu khác của toàn Tập đoàn và của riêng Công ty mẹ - Tập đoàn.

Tập đoàn tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển bền vững trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Nâng cao diện tích vườn cây, nhà máy đạt các chứng chỉ rừng bền vững quốc tế FSC, PEFC/VFCS-FM, chuỗi hành trình sản phẩm Coc... Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn. Tiếp tục áp dụng các biện pháp trong quản lý và kỹ thuật để tăng năng suất, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2023, Ban TGD Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong

Tập đoàn tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng sau:

Thứ nhất, nhóm đại diện vốn nhà nước tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, HĐQT, Ban Điều hành của Tập đoàn trong công tác điều hành hoạt động SXKD; đảm bảo sự thống nhất, đoàn kết, trong Bộ máy Lãnh đạo Tập đoàn, tiếp tục là động lực cho mọi sự phát triển, tăng trưởng của toàn Tập đoàn trong giai đoạn tới.

Thứ hai, phát huy, tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đại diện vốn tại doanh nghiệp và người đứng đầu trong việc thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, nhất là quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực đất đai có hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước. Khẩn trương rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy chế nội bộ của Tập đoàn, đảm bảo tính hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Thứ ba, hoàn thiện, trình Ủy ban phê duyệt kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2023 của Tập đoàn trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác kết quả thực hiện

Kế hoạch SXKD năm 2022 và sát với thị trường năm 2023; xây dựng các giải pháp khả thi, cụ thể đối với từng ngành nghề, lĩnh vực, khu vực hoạt động chính của Tập đoàn. Đặc biệt các ngành, lĩnh vực theo khối kinh doanh, đơn vị của Tập đoàn giảm sâu về doanh thu, lợi nhuận kế hoạch năm 2022 và chưa có hiệu quả. Góp phần phục hồi, phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP và 68/NQ-CP của Chính phủ.

Tập trung xây dựng kế hoạch, giải pháp phát huy tối đa nguồn lực của Tập đoàn, trong đó phải chú trọng ưu tiên để triển khai được một số dự án Khu công nghiệp, cụm công nghiệp khả thi, cơ bản đã hoàn tất thủ tục ngay trong Quý I hoặc Quý II/2023.

Thứ tư, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ủy ban và các đơn vị chức năng của Ủy ban khẩn trương rà soát, hoàn thiện Tờ trình, Báo cáo thẩm định để lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan về Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021 – 2025; trình Ủy ban phê duyệt trong Quý I/2023. Sắp xếp mô hình tổ chức sản xuất,

xây dựng phương án quản lý tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả ở các đơn vị thành viên phù hợp đặc điểm của từng vùng miền, từng doanh nghiệp (Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc, Lào - Campuchia).

Chủ động rà soát, có giải pháp xử lý dứt điểm các tồn tại kéo dài về tài chính, thoái vốn, đất đai tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, gắn chặt với việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý đất đai theo Nghị định số 118, 167 và 67 của Chính phủ.

Thứ năm, tiếp tục phát triển Tập đoàn trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Thực hiện tốt chương trình phát triển bền vững, nâng cao diện tích vườn cây, nhà máy đạt các chứng chỉ rừng bền vững quốc tế FSC, PEFC/VFCS-FM. Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn.

Thứ sáu, tích cực đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật trong hoạt

động SXKD và quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thứ bảy, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của ngành cao su Việt Nam, tiếp tục nỗ lực vượt khó, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua. Có những chế độ, chính sách khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu để làm động lực thúc đẩy NLĐ ra sức thi đua, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn năm 2023 và những năm tiếp theo.

Thứ tám, chăm lo tốt đời sống NLĐ, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho NLĐ. Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội phải có nhiều hơn nữa các hoạt động chung tay cùng chuyên môn tổ chức đời sống cho NLĐ, có các thiết chế Công đoàn, nhà Mái ấm Công đoàn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Làng công nhân cao su... để đảm bảo đời sống tinh thần, vật chất giúp NLĐ yên tâm công tác, gắn bó với ngành.



I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS

Trong năm 2022, Ban kiểm soát thực hiện 05 kỳ họp theo qui định, số lượng thành viên Ban kiểm soát tham dự họp: 03 người đạt 100%.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Tập đoàn để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Thực hiện Báo cáo tổng kết năm 2021 của Ban kiểm soát trình ĐHCĐ năm 2022 và Thẩm định Báo cáo hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Tập đoàn.
- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần: Đã thực hiện và gửi Báo cáo thẩm định cho HĐQT Tập đoàn.
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn; việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các Quy chế, Quy định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tập đoàn; các Thông báo, Quyết định điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội cổ đông 2022.
- Giám sát công tác xây dựng và giao kế hoạch của Tập đoàn cho các đơn vị trong năm 2022.
- Giám sát công tác lao động, tiền lương công ty mẹ-Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
- Giám sát công tác thoái vốn đầu tư ngoài ngành, tái cơ cấu các đơn vị thành viên.
- Giám sát tình hình mua và sử dụng phân bón tại một số đơn vị.
- Giám sát hoạt động kinh doanh mủ cao su tại công ty mẹ Tập đoàn.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường của Tập đoàn theo đúng quy định của Luật Chứng khoán; của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thực hiện giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2022 một số đơn vị Khu vực Đông Nam bộ, Tây nguyên, Duyên Hải Miền Trung , Tây Bắc, Cam puchia.
- Phối hợp với HĐQT Tập đoàn trong việc HĐQT Tập đoàn giao kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022 cho KSV 20 Công ty do Tập đoàn góp vốn 100%.
- Các công tác khác.



III. KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022

Trong năm 2022, Tập đoàn đã thực hiện các nghị quyết được ĐHCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Kết quả kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn (số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỉ lệ TH/KH (%)
Hợp nhất toàn Tập đoàn				
1	Doanh thu và thu nhập	28.280	28.308	100,10
2	Lợi nhuận sau thuế	3.880	4.753	122,51
Riêng Công ty mẹ				
1	Doanh thu và thu nhập	3.580	3.845	107,41
2	Lợi nhuận sau thuế	1.210	1.731	143,03

+ Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 (Hợp nhất) đạt 4.753 tỷ đồng (đạt 122,51% so với kế hoạch năm).

+ Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 (Công ty mẹ) đạt 1.731 tỷ đồng (đạt 143,03% so với kế hoạch năm).

Năm 2022 tiếp tục là một năm bị ảnh hưởng chung dịch covid19; chiến tranh Nga – Ucraina; giá bán mủ cao su thấp so với năm 2021; một số cơ chế chính sách vẫn chưa hoàn thiện khi Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đã 05 năm. Tuy nhiên, do sự chỉ đạo đúng đắn, quyết liệt và kịp thời của Lãnh đạo Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên về SXKD cùng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV Tập đoàn nên kết quả năm 2022 Tập đoàn đã thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu khá cao như trên.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính. Thẩm định số liệu trong báo cáo tài chính năm 2021 và báo cáo tài chính năm 2022

2.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn và đã được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHCĐCSVN ngày 17/6/2022.

2.2 Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng năm 2022

Báo cáo tài chính riêng cho chu kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán do Ban điều hành Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - Công ty cổ phần cung cấp. Báo cáo tài chính được sử dụng để thẩm định đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.



2.2.1 Công tác hạch toán kế toán

Việc hạch toán trên báo cáo quyết toán tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành cũng như các quy định, các văn bản pháp quy, các hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Trên cơ sở kiểm tra cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

2.2.2 Thẩm định số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính riêng đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét thông tin tại Báo cáo số 240323.003/BCTC.HCM ngày 24 tháng 3 năm 2023 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a) Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn

Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn:

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.646.895.442.163	4.553.571.392.299
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	471.031.758.711	646.721.075.534
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.191.856.493.051	2.025.795.397.161
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.822.322.787.831	1.728.656.225.226
IV. Hàng tồn kho	59.865.098.033	51.094.444.714
V. Tài sản ngắn hạn khác	101.819.304.537	101.304.249.664
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	39.195.886.516.125	39.140.717.831.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.797.029.518.092	2.468.736.572.278
II. Tài sản cố định	113.448.748.416	113.361.880.573
III. Tài sản dở dang dài hạn	-	1.213.590.909
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	36.282.349.574.958	36.554.719.874.692

V. Tài sản dài hạn khác	3.058.674.659	2.685.913.430
TỔNG TÀI SẢN	43.842.781.958.288	43.694.289.224.181
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	502.895.233.304	428.638.346.121
I. Nợ ngắn hạn	424.751.283.982	318.979.780.891
II. Nợ dài hạn	78.143.949.322	109.658.565.230
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	43.339.886.724.984	43.265.650.878.060
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.609.242.678.060	931.490.791.957
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.730.644.046.924	2.334.160.086.103
+ LNST chưa phân phối kỳ này	1.730.644.046.924	2.334.160.086.103
TỔNG NGUỒN VỐN	43.842.781.958.288	43.694.289.224.181

b) Một số chỉ tiêu đánh giá dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2022

- Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid 19 tiếp tục bùng phát khó dự báo nhất là ở Trung Quốc thị trường lớn của Tập đoàn, chiến tranh Nga- Ucraina ảnh hưởng xấu tới hoạt động SXKD chung của cả nước và Tập đoàn. Tuy nhiên Tập đoàn vẫn nỗ lực trong hoạt động SXKD đạt doanh thu và thu nhập 3.845.227.500.259 đồng, đạt 107,41% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 44,57%, doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm 55,18%.

- Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh là 1.730.644.046.924 đồng, thực hiện đạt 143,03% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 thấp hơn so với năm 2021. Nguyên nhân chính là do cổ tức được chia giảm; do trích lập dự phòng giá trị đầu tư các dự án đầu tư tại Lào giảm vì đồng kíp mất giá.

- Tập đoàn đã bảo toàn vốn cổ đông năm 2022: Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2022 là 41.609.242.678.060 đồng; vốn chủ sở hữu góp là 40.000.000.000.000 đồng. Hệ số bảo toàn vốn $H > 1$. Tập đoàn đã bảo toàn và phát triển được vốn của cổ đông.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 10,8 lần. Hệ số nằm ở mức cao. Khả năng thanh toán nhanh, xử lý các khoản nợ ngắn có mức an toàn cao, tự chủ trong hoạt động tài chính. Tập đoàn hiện đang hoàn toàn chủ động được về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và tài chính, đảm bảo thanh toán nhanh từ nguồn tiền mặt và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn hiện có.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản ROA là 3,95 %. Sau 5 năm chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Tập đoàn đã ổn định tổ chức, hoạt động đã có hiệu quả. Việc đầu tư, sử dụng và khai thác tài sản có hiệu quả.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE là 4%. Việc sử dụng vốn chủ sở hữu có hiệu quả, đã mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, cho thấy việc chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức cổ phần phát huy hiệu quả tốt. Năm 2022 vốn chủ sở hữu tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh đã mang lại 4 % lợi nhuận sau thuế, thấp hơn năm 2021. Nguyên nhân chính là do lợi nhuận sau thuế năm 2022 thấp hơn năm 2021 nêu trên.

3. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

3.1. Giám sát đối với Hội đồng quản trị

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị của Tập đoàn trong năm 2022, Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị.

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong các phiên họp Hội đồng Quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng Quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh, đầu tư theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và quy định của pháp luật.

3.2. Giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác quyết liệt và kịp thời.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành và tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động của Ban kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện hoạt động của Ban. Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tập đoàn, đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các việc ban hành chủ trương; quyết định và công tác quản trị; điều hành phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Tập đoàn.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2023

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn.
2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn.
3. Giám sát việc xây dựng kế hoạch và đăng ký các chỉ tiêu hoạt động SXKD của Tập đoàn năm 2023.
4. Thẩm định các báo cáo tài chính bán niên và năm theo qui định.
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
6. Các vấn đề khác khi cần thiết.



Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trải rộng trên nhiều địa bàn kể cả ở nước ngoài, một số sản phẩm chiếm thị phần lớn ở thị trường trong nước. Vì vậy, có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Các nhóm rủi ro sau được phân loại và đánh giá có khả năng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn, do đó được tập trung theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các biện pháp để phòng quản lý rủi ro một cách hợp lý

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ và thay đổi các chính sách pháp luật. Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật dân sự, Luật đất đai, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật có liên quan. Các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang có nhiều bất cập và trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Nhằm đảm bảo tính tuân thủ khi có sự thay đổi trong các chính sách pháp luật và quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn đã xây dựng bộ phận pháp chế luôn thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có, ngoài ra từng bộ phận chuyên môn được giao nhiệm vụ cập nhật, nguyên cứu các vấn đề pháp lý liên quan có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để

kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Tập đoàn để xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Phần lớn sản phẩm chính của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn xuất khẩu hoặc là nguyên liệu cho sản phẩm xuất khẩu, giá cả các sản phẩm có sự liên thông chặt chẽ với thị trường thế giới và biến động thường xuyên; chịu sự tác động của các quỹ đầu tư hàng hóa, các thông tin về biến động kinh tế, chính trị, quân sự... của thế giới. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến khả năng tiêu thụ, lợi nhuận, dòng tiền... và khả năng thu hồi vốn đầu tư. Một số sản phẩm được tiêu thụ vào một vài thị trường nhất định là tiềm ẩn rủi ro trong chiến lược kinh doanh lâu dài.

Tập đoàn đã và đang triển khai hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học – Kỹ thuật – Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm trong tất cả các đơn vị trực thuộc Tập đoàn. Tập đoàn đã và luôn kiểm soát việc đầu tư theo chiến

lược có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, không đầu tư dàn trải, chi phí đầu tư đảm bảo ở mức phù hợp để có giá thành đủ sức cạnh tranh để duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Việc áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kì hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước đang được áp dụng.

Việc phát triển sản phẩm cao su mang thương hiệu VRG đã được Tập đoàn triển khai đã và đang sử dụng thống nhất thương hiệu này cho tất cả các sản phẩm mủ cao su được các đơn vị thành viên của Tập đoàn sản xuất, để mở rộng việc nhận dạng thương hiệu của Tập đoàn trên toàn cầu và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.

Ngoài sản phẩm chính là mủ, gỗ cao su, nhằm tận dụng lợi thế sẵn có, Tập đoàn đã và tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm để giúp Tập đoàn luôn có lợi nhuận đảm bảo ở mức phù hợp của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngành kinh doanh cho thuê khu công nghiệp, hạ tầng, công nghiệp sản xuất các sản phẩm cuối cùng từ gỗ đang

được mở rộng sẽ mang lại tỷ suất lợi nhuận cao, góp phần vào việc duy trì và phát triển tỷ suất lợi nhuận của Tập đoàn.

RỦI RO TỶ GIÁ

Việc biến động của tỷ giá ngoại tệ so với đồng Việt Nam luôn được Tập đoàn xem là một trong những vấn đề cần phải giám sát và quản lý để có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, để phòng những ảnh hưởng có thể khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra, dù rằng trong những năm gần đây, đồng tiền Việt Nam không biến động nhiều so với các loại đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là đồng đô la Mỹ và luôn nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước. Mặt khác, hoạt động nhập khẩu của Tập đoàn chiếm tỷ trọng không đáng kể, nên nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Là một Tập đoàn hoạt động chính trong lĩnh vực nông nghiệp một trong những ngành nghề chính là trồng, khai thác chế biến mủ cao su nên thời gian triển khai từ lúc bắt đầu dự án cho đến khi hoàn thành và có sản phẩm thường là 7 năm. Trong các công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp

lý về đất đai, môi trường, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc này sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án, làm chậm tốc độ quay vòng vốn, ảnh hưởng chất lượng cây trồng và sản lượng thu hoạch, tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên, với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án ở từng khu vực và ngành nghề khác nhau, Tập đoàn luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Việc triển khai dự án không thực hiện dàn trải mà được chia ra thành từng giai đoạn, từng dự án thành phần, theo khả năng nguồn vốn nên việc quay vòng vốn kinh doanh không bị ảnh hưởng cho từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO TỰ NHIÊN VỐN CỐ

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn liền với thiên nhiên, điều kiện thời tiết thay đổi, dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn... các rủi ro này luôn tiềm ẩn và có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn đã và đang tăng cường công tác giám sát, đề phòng dịch bệnh có thể xảy ra cho cây trồng. Viện nghiên cứu cao su, bộ phận kỹ thuật của Tập đoàn

được đào tạo từ các trường có uy tín trong và ngoài nước có thể đảm bảo việc dự đoán, phòng ngừa và trị các loại dịch bệnh nếu có xảy ra. Bên cạnh đó, các đơn vị Tập đoàn được quán triệt tinh thần đề phòng và bảo đảm tài sản khi có sự cố xảy ra. Tùy từng loại hình hoạt động, các loại tài sản được mua bảo hiểm đầy đủ và phù hợp cho từng loại rủi ro.

RỦI RO LÃI SUẤT

Dù sử dụng nguồn vốn vay khá thấp, Tập đoàn vẫn chịu rủi ro về lãi suất theo những thay đổi của lãi suất thị trường do các khoản vay chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tuy trong bối cảnh điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ hiện nay có thể đánh giá mức rủi ro lãi suất là không lớn để có thể làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn, Tập đoàn vẫn đang tập trung quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn. Ngoài ra, việc thực hiện cơ cấu lại nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của từng dự án phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh đang được Tập đoàn rà soát để có thể điều chỉnh cho phù hợp.

CÁC CÔNG TY KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ

THẮNG LỢI TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Năm 2022, các đơn vị khu vực Đông Nam bộ đạt được những thành tựu nổi bật về hoạt động SXKD và chăm lo đời sống NLD. Bên cạnh đó, công tác tái cơ cấu và phát triển bền vững đều có những kết quả ấn tượng, khẳng định là những đơn vị top đầu toàn ngành về tăng trưởng, xứng danh “anh cả miền Đông”.



Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng nhận cờ thi đua xuất sắc năm 2022 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch

Với những chủ trương và giải pháp quản lý khoa học của HĐQT, Ban TGD, cùng với sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể NLD, Cao su Phú Riềng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2022. Ông Lê Tiến Vượng – TGD công ty cho biết, năm 2022, công ty khai thác vượt 13,3% kế hoạch (KH), năng suất bình quân trên 2,3 tấn/ha; 16 năm liên tục nằm trong Câu lạc bộ 2 tấn; thu mua vượt 28% KH; Tổng doanh thu 1.600 tỷ đồng (vượt 10,4% KH); lợi nhuận trước thuế 400 tỷ đồng (vượt 14,3% KH).

Với lợi thế trong lĩnh vực nông nghiệp, có tiềm lực mạnh về tài chính và khoa học kỹ thuật, công ty đã thực hiện rất tốt việc phát triển liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với nông dân

góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao. Hàng năm, công ty tổ chức thu mua trên 10.000 tấn mủ cao su của các hộ nông dân, góp phần tạo ra sự ổn định về thị trường, bảo đảm lợi ích của người dân. Đồng thời, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước.

TCT Cao su Đồng Nai được lãnh đạo VRG đánh giá là đơn vị có sự tiến bộ vượt bậc trong năm 2022 về năng suất vườn cây, năng suất lao động. Bằng những giải pháp đồng bộ trong quản lý điều hành, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa trong lao động sản xuất và phát động có hiệu quả phong trào thi đua, TCT đã thắng lợi lớn khi đưa năng suất vườn cây từ 1,87 tấn/ha (2021) lên 2,23 tấn/ha vào năm 2022.



Công ty CP Cao su Phước Hòa nhận cờ thi đua xuất sắc năm 2022 của VRG



Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long nhận cờ thi đua xuất sắc năm 2022 của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp

10/10 nông trường đều đạt năng suất vườn cây trên 2 tấn. Năng suất lao động bình quân đạt 12,3 tấn/người. TCT đã về trước kế hoạch sản lượng 38 ngày. Tổng doanh thu cả năm ước đạt 1.769 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 398 tỷ đồng.

Phát biểu tại Lễ công bố hoàn thành kế hoạch, ông Trần Ngọc Thuận – Thành viên HĐQT VRG, Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam đã chúc mừng những kết quả vượt bậc của TCT Cao su Đồng Nai, ông nhấn mạnh: “Năm nay vườn cây của TCT Cao su Đồng Nai đạt bình quân trên 2,2 tấn/ha. Đó là sự vươn lên đáng tự hào của đơn vị, tôi đề nghị, TCT tiếp tục duy trì và phát huy kết quả này. Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp điều hành, quản lý để hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt, tôi đề nghị TCT tiếp tục quan tâm, chăm lo đến đời sống NLD, đảm bảo tiền lương và thu nhập tốt để NLD yên tâm gắn bó với đơn vị”.

Năm 2022, tình hình SXKD của Cao su Phước Hòa gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết không thuận lợi, gió lốc làm gãy đổ trên 2.000 cây cao su, tình trạng thiếu hụt lao động... đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên,

Ban TGD công ty đã xây dựng những kịch bản phù hợp, kịp thời điều chỉnh tăng đơn giá tiền lương và gắn với việc phát động các phong trào thi đua theo từng giai đoạn cụ thể, kèm theo thưởng vật chất để động viên, khích lệ NLD tăng năng suất, tăng sản lượng mủ, bảo đảm ngày giờ công và hăng hái thi đua, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Nhờ đó, kết thúc năm 2022, công ty khai thác vượt 10,64% KH; tiêu thụ 31.797 tấn mủ thành phẩm các loại, giá bán bình quân 40 triệu đồng/tấn. Tổng doanh thu hơn 2.132 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 904,6 tỷ đồng; chi cổ tức tỷ lệ 40%/mệnh giá. Tiền lương bình quân trên 9 triệu đồng/lao động/tháng.

Năm 2022 là một năm thành công của Cao su Lộc Ninh khi các chỉ tiêu SXKD đều đạt và vượt so với kế hoạch. Sản lượng khai thác vượt trên 10% KH, năng suất vườn cây đạt 1,82 tấn/ha. Sản lượng chế biến vượt 10,1 % KH, tiêu thụ vượt hơn 17% KH, giá bán bình quân vượt 3% KH. Tổng doanh thu đạt hơn 822,8 tỷ đồng, vượt 20% KH. Lợi nhuận trước thuế là 164,5 tỷ đồng, vượt 2%. Thu nhập bình quân đạt 7,3 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Thu nhập NLD ở top cao trong toàn ngành

Với kế hoạch sản lượng khai thác năm 2022 được giao 10.400 tấn, ngày 10/11, Cao su Đồng Phú đã hoàn thành kế hoạch, về trước 51 ngày. Kết thúc năm 2022, sản lượng khai thác của công ty đạt 12.400 tấn (vượt 20% kế hoạch), 17 năm liên tục tham gia Câu lạc bộ 2 tấn của Tập đoàn. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ đều thực hiện hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Công ty đã trích 61 tỷ đồng vào quỹ phúc lợi trong năm 2022 để chăm lo tốt nhất cho NLD.

Theo ông Hồ Cường – Bí thư Đảng ủy, TGD Cao su Đồng Phú, để bảo đảm phát triển ổn định và bền vững, công ty luôn xác định hoạt động kinh doanh phải gắn liền với trách nhiệm xã hội và môi trường. Trong đó, bao gồm 3 thành tố: Lợi nhuận, môi trường và nguồn lực xã hội đi kèm bảo vệ, cải thiện môi trường.

“Do vậy, công ty luôn tích cực ủng hộ cộng đồng xã hội thông qua hỗ trợ tài chính, vật chất và tinh thần, góp phần không nhỏ trong tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương cũng như sự phát triển của Bình Phước. Bên cạnh đó, Cao su Đồng Phú cũng lấy việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho NLD làm mục tiêu hàng đầu. Hiện đời sống người lao động công ty được nâng cao ở 3 tiêu chí: Thu nhập từ lương thưởng, nhà ở cùng các

công trình phúc lợi và việc thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến NLĐ” - ông Hồ Cường, cho biết.

Công ty giải quyết việc làm ổn định cho lực lượng lao động gần 3.000 người, thu nhập bình quân trên 10,3 triệu đồng/người/tháng. Ngoài thu nhập từ tiền lương, Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo các đơn vị động viên, tạo điều kiện để công nhân phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống một cách hiệu quả.

Cao su Phú Riềng hiện có 5.151 lao động, trong đó, nữ là 2.341 người, lao động đồng bào dân tộc thiểu số 948 người. Thu nhập bình quân năm 2022 đạt 11,8 triệu đồng/người/tháng (vượt 18% KH và cao hơn 1,1% so với năm 2021); thu nhập từ kinh tế gia đình trên 35 triệu/hộ/năm.

Nhằm bảo đảm thực hiện đạt và vượt kế hoạch SXKD, Cao su Dầu Tiếng đã đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong CB, CNLĐ, trọng tâm là phong trào “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo”, “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật”, thi đua nước rút 3 tháng cuối năm kết hợp tổ chức trao thưởng phong trào thi đua hoàn thành, vượt mức kế hoạch sản lượng hàng quý tạo không khí thi đua sôi nổi, góp phần cùng đơn vị hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đảm bảo nhiệm vụ SXKD, công ty luôn chú trọng chăm lo đời sống vật chất tinh thần NLĐ. Trong dịp lễ, Tết, công ty luôn tổ chức thăm hỏi, tặng quà công nhân có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, thương binh liệt sỹ... và tổ chức các hoạt động vui đón Tết cho NLĐ. Trong năm, Công đoàn Cao su Dầu Tiếng phối hợp với Công đoàn Cao su Việt Nam tổ chức trao 4 căn nhà “Mái ấm công đoàn” cho NLĐ khó khăn về nhà ở. Các hoạt động khuyến học khuyến tài luôn được công ty tổ chức thường xuyên, khen thưởng con em NLĐ vượt khó học giỏi, ứng tiền học phí cho con em NLĐ khó khăn và tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa nhân các ngày lễ lớn, tạo không khí phấn khởi, giúp NLĐ an tâm công tác.

Năm 2022, Cao su Hòa Bình đã vượt qua khó



Ông Lê Thanh Tú - Phó TGD VRG trao thưởng cho các nông trường thuộc Cao su Lộc Ninh về trước kế hoạch sản lượng

khăn để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch, sản lượng, đảm bảo mức thu nhập bình quân NLĐ đạt gần 8 triệu đồng/người/tháng. Tính đến ngày 20/12, công ty khai thác được trên 2.605 tấn mủ, đạt 100,2% kế hoạch, sản lượng chế biến của công ty đạt trên 5.500 tấn, đạt 91,7% kế hoạch. Công ty đã thu mua được 1.660 tấn mủ, vượt 38,3% kế

hoạch năm 2021. Với những chỉ tiêu, kế hoạch sản lượng như trên, năm qua doanh thu công ty đã đạt trên 203 tỷ đồng, đạt 118,5% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế là 6.484 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt trên 6 tỷ đồng.

Để đạt được những kết quả trên, Công đoàn đã phối hợp cùng với chính quyền đề ra những kế hoạch cụ thể trong SXKD, hướng đến hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế. Phát động nhiều phong trào thi đua thiết thực như: phong trào thi đua vượt sản lượng hàng tháng, hàng quý, phong trào thi đua lao động sản xuất giỏi, vượt kế hoạch sản lượng. Công ty đặc biệt chú trọng và tập trung vào phong trào rèn luyện tay nghề, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả khai thác.

Năm qua, Cao su Bà Rịa đã duy trì được chất lượng sản phẩm, xây dựng mối quan hệ bền chặt với những khách hàng trong và ngoài nước, tìm kiếm đối tác tiêu thụ tiềm năng. Đảm bảo sản xuất đến đâu, tiêu thụ đến đó. Tính đến hết ngày 20/12/2022, công ty đã khai thác được trên 8.000 tấn mủ, chế biến và gia công trên 13.000 tấn. Doanh thu đạt trên 295 tỷ đồng. Thu nhập bình quân NLĐ trên 10 triệu đồng/người/tháng.

Trước tình trạng thiếu lao động, Cao su Tân Biên đã bố trí chế độ cạo phù hợp. Đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc chăm sóc, khai thác vườn cây; chú trọng quản lý, chăm sóc và phòng trị bệnh trên toàn bộ diện tích vườn cây cao su khai thác; tổ chức khai thác đúng quy trình kỹ thuật; phối hợp với công an địa phương thực hiện công tác phòng chống mất cắp mủ trên địa bàn đồng thời tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất, kịp thời khen thưởng động viên các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Với những giải pháp đồng bộ, đến ngày 2/12, công ty khai thác đạt 3.125 tấn (đạt 100,16% kế hoạch). Công ty về trước kế hoạch 29 ngày. Dự kiến hết năm 2022, sản lượng khai thác đạt 3.351 tấn (vượt 7,4% KH). Trong đó, sản lượng tự khai thác 2.630 tấn (vượt 9,63% KH) và nhượng quyền khai thác 721 tấn (đạt 100% KH).

Thực hiện tốt chương trình phát triển bền vững

Năm 2022, toàn VRG có 18 đơn vị trực thuộc được công nhận Doanh nghiệp bền vững. Trong đó tất cả các công ty cao su khu vực Đông Nam bộ đều được công nhận, Cao su Bình Long vinh dự nằm trong Top 10. Để được chứng nhận Doanh nghiệp bền vững, các công ty trực thuộc VRG đã đáp ứng Bộ Chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI năm 2022 với 130 chỉ tiêu, trong đó có 68% chỉ tiêu liên quan đến yêu cầu tuân thủ pháp luật - là yêu cầu bắt buộc cho tất cả doanh nghiệp, 32% là các chỉ tiêu liên quan đến sáng kiến kinh doanh bền vững.

Cao su Bình Long về trước kế hoạch sản lượng năm 2022 32 ngày. Sản lượng khai thác tính đến hết năm vượt trên 11% so với kế hoạch. 6/8 nông trường đạt năng suất vườn cây trên 2,0 tấn/ha. Năng suất lao động bình quân công ty đạt 9,04 tấn/người, cao hơn năm 2021 hơn 0,2 tấn/người. Trong đó, Nông trường Minh Hưng đạt năng suất lao động bình quân cao nhất, trên 12,40 tấn/người.

Lãnh đạo công ty cho biết, để đạt được kết quả này, ban lãnh đạo các đơn vị đã sâu sát, kịp thời đưa ra phương án linh hoạt để ổn định sản xuất. Áp dụng các chế độ cạo khai thác phù hợp trên từng đối tượng vườn cây: tận thu tốt thanh lý tái canh, vườn cây quy hoạch. Các chế độ, chính sách của NLĐ luôn được bảo đảm và kịp thời. Đặc biệt là sự phấn đấu

bền bỉ của 2.100 công nhân khai thác mủ ngoài vườn cây đã trực tiếp lao động, không quản ngại khó khăn chịu từng giọt mồ hôi giao về nhà máy tạo nên thành quả hôm nay. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng lãnh đạo công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân, thu nhập bình quân 11,0 triệu đồng/người/tháng. Trong đó, thu nhập bình quân của công nhân khai thác đạt 11,3 triệu đồng/người/tháng.

Năm 2022, Cao su Tây Ninh thực hiện kế hoạch SXKD với những thuận lợi và khó khăn đan xen. Trong điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát cao, khó khăn tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ SXKD và giá bán cao su giảm, Cao su Tây Ninh đã có nhiều giải pháp tăng năng suất vườn cây, giảm giá thành và tăng cường gia công mủ cho các đơn vị bên ngoài, góp phần hoàn thành doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2022. Tính đến hết năm, sản lượng toàn công ty ước đạt 8.655 tấn, vượt 955 tấn (vượt 12,4% kế hoạch).

Công ty lấy mục tiêu phát triển ổn định, bền vững là kim chỉ nam đối với mọi hoạt động SXKD, luôn đề cao hình ảnh thương hiệu, giữ vững uy tín với khách hàng thông qua chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; chương trình cải tiến Kaizen với nhiều giải pháp, sáng kiến được công nhận. Hiện công ty đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC cho toàn bộ diện tích cao su, tiếp tục duy trì chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm CoC cho hai nhà máy Hiệp Thạnh và Bến Củi. Đặc biệt, việc áp dụng chương trình sản xuất tinh gọn - LEAN giúp công ty tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm lãng phí trong SXKD, tạo môi trường sản xuất ổn định và bền vững.



Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Cao su Đồng Phú trao thưởng cho các cá nhân xuất sắc

CÁC ĐƠN VỊ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

THẮNG LỚN TRONG NÔNG NGHIỆP

Điều kiện thời tiết thuận lợi và nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp nên các đơn vị Tây nguyên năm 2022 có thể coi tiếp tục đạt thắng lợi trong công tác nông nghiệp. Điển hình là nhiều đơn vị về trước kế hoạch trên 30 ngày và dẫn xuất hiện trong Câu lạc bộ 2 tấn.



Ông Võ Toàn Thắng - TGD Cao su Chư Prông trao thưởng cho nông trường về trước kế hoạch

Xuất sắc về đích sớm trên 30 ngày

Tính đến hết tháng 11, những “ông lớn” ở khu vực Tây Nguyên đã hoàn thành kế hoạch sản lượng giao, kể cả kế hoạch điều chỉnh tăng. Trong đó, sớm nhất là Cao su Ea H’leo về đích sớm 53 ngày, Cao su Chư Prông hoàn thành trước thời gian 52 ngày, Cao su Mang Yang 46 ngày, Sa Thầy 44 ngày, Cao su Chư Sê và Kon Tum cùng hoàn thành sớm 37 ngày, Chư Mom Ray 36 ngày, Cao su Krông Buk 32 ngày...

Phát biểu tại buổi lễ mừng công hoàn thành kế hoạch sản lượng của các công ty Tây Nguyên, ông Trần Thanh Phụng - Phó TGD VRG phụ trách khu vực nhấn mạnh, để đạt được kết quả ấn tượng này là nhờ các đơn vị đã thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó đáng chú ý là giải pháp quản lý và giải pháp kỹ thuật nhằm ứng phó phù hợp với khó khăn, thách thức, đặc biệt là dịch Covid -19 vào những tháng đầu năm.

Ngoài yếu tố điều kiện thời tiết thuận lợi, ngay

từ đầu năm các công ty đã tổ chức sản xuất và thực hiện đồng bộ các giải pháp từ khâu tuyển dụng, đào tạo, bố trí lao động, trang bị vật tư, chăm sóc vườn cây, cho đến các chế độ về tiền lương. Cùng với đó là tăng cường thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật nhằm từng bước nâng cao năng suất sản lượng cho vườn cây khai thác.

Ông Ngô Văn Môn - Phó TGD Cao su Kon Tum cho biết: “Tình hình dịch Covid - 19 vào đầu năm diễn biến phức tạp, số lượng lao động trực tiếp bị nhiễm phải cách ly ở nhà khá nhiều, thời tiết mưa nhiều vào các tháng 7, 8, kết hợp ảnh hưởng của một số cơn bão đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thu hoạch mủ của công ty.

Trong bối cảnh đó, công ty đã thể hiện quyết tâm, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bằng nhiều giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế từng đơn vị, triển khai các giải pháp một cách quyết liệt, đồng bộ, kịp thời tạo sự thống nhất cao từ công ty đến



Lãnh đạo Cao su Chư Păh trao thưởng cho nông trường giải nhất Hội thi Bàn tay vàng năm 2022



Nông trường Suối Cát (Cao su Sa Thầy) được vinh danh trong Câu lạc bộ 2 tấn năm 2020 - 2021

nông trường. Trong đó, trọng tâm là giải pháp quản lý và kỹ thuật, cùng phát động các phong trào thi đua”.

Các đơn vị đã bám sát và xây dựng kế hoạch SXKD kỹ lưỡng theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn và theo chiều hướng tích cực trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để tăng nguồn thu và tiết giảm chi phí nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Trao đổi về tình hình sản xuất của công ty trong năm qua, ông Trương Minh Tiến - TGD Cao su Mang Yang cho hay: “Ngay từ đầu năm công ty đã phát động sâu rộng phong trào thi đua lao động sản xuất, quyết liệt triển khai công tác phòng trị bệnh trên vườn cây, đặc biệt bệnh phấn trắng, công tác bón phân được quan tâm, tuyển dụng đủ lao động, không bỏ trống phần cây. Ngoài ra, chúng tôi đã chỉ đạo quyết liệt, thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, xây dựng các kịch bản điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh với phương châm vừa phòng

chống dịch, bảo đảm sức khỏe cho NLĐ vừa sản xuất kinh doanh hiệu quả”.

Nhiều công ty, nông trường và tổ sản xuất gia nhập CLB 2 tấn/ha

Năm 2022 Cao su Sa Thầy, Chư Mom Ray và Ea H’leo chính thức tham gia CLB 2 tấn/ha của VRG, trong đó đáng chú ý là Cao su Sa Thầy với 4/4 đơn vị trực thuộc đều có năng suất bình quân trên 1,8 tấn/ha (tính đến ngày 17/11), kết thúc năm năng suất bình quân toàn công ty đạt 1,95 tấn/ha, đặc biệt Đội sản xuất cao su Thanh niên có năng suất đạt trên 2,2 tấn/ha.

Hết ngày 31/12, vườn cây của Cao su Chư Mom Ray đạt năng suất bình quân khoảng 1,9 tấn/ha, trở thành đơn vị tiếp theo trên vùng Tây Nguyên cùng Cao su Ea H’leo và Sa Thầy gia nhập CLB 2 tấn/ha của VRG. Theo ông Trần Xuân Thịnh - TGD công ty, hiện nay, công ty có 3/4 nông trường đạt năng suất bình quân trên 1,8 tấn/ha, trong đó vườn cây Nông trường Mo Rai II đạt khoảng 2,2 tấn/ha. Ở cấp tổ có 8/27 tổ năng suất hơn 2 tấn/ha, 11/27 tổ đạt năng suất bình quân 1,8 tấn/ha trở lên.

Để có được vườn cây năng suất cao theo ông Thịnh, trong nhiều năm qua công ty đã làm tốt công tác chăm sóc vườn cây như bón phân theo chuẩn nghiệm dưỡng của Viện nghiên cứu cao su Việt Nam, công ty còn chú trọng công tác bảo vệ thực vật và kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt là công tác phòng trị bệnh phấn trắng.

Là một đơn vị nhiều năm ổn định về kế hoạch sản lượng, Cao su Ea H’leo đã và đang là thành viên tích cực trong CLB 2 tấn/ha với năng suất bình quân toàn công ty đạt 1,88 tấn/ha. Đặc biệt, công ty có 11 tổ đạt năng suất trên 1,8 tấn/ha, 6 tổ năng suất trên 2,3 tấn/ha, nhất là Đội sản xuất Ea Wy 12 năm liên tục là thành viên CLB 2 tấn/ha của VRG.

Với Cao su Chư Prông, ở cấp nông trường thì toàn công ty có 4/7 đơn vị đạt năng suất vườn cây từ 1,8 tấn/ha trở lên, cụ thể: Nông trường Thống Nhất đạt 2,22 tấn/ha, Thanh Bình đạt 2,21 tấn/ha, Đoàn Kết đạt 1,96 tấn/ha và Nông trường An Phú đạt năng suất bình quân 1,8 tấn/ha.

Cũng như Cao su Chư Prông, năng suất vườn cây của Cao su Chư Păh cũng đã tiệm cận với mục tiêu trở thành thành viên CLB 2 tấn/ha với năng suất hiện tại đạt khoảng 1,7 tấn/ha. Ở cấp độ nông trường, công ty cũng có nhiều đơn vị đạt năng suất cao, điển hình như vườn cây Nông trường Ia Nhin đạt xấp xỉ 2,2 tấn/ha; Nông trường Hà Tây năng suất trên 1,9 tấn/ha.

CÁC CÔNG TY CAO SU KHU VỰC CAMPUCHIA

TĂNG TRƯỞNG TỐT VÀ ỔN ĐỊNH

Vượt khó, các công ty cao su khu vực Campuchia đều có sự tăng trưởng tốt hơn và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu của Tập đoàn. Bên cạnh sản xuất kinh doanh, các công ty đã tích cực chăm lo người lao động về vật chất, tinh thần. Đây là một thành quả rất đáng tự hào trong bối cảnh bức tranh kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn.



Ông Trương Minh Trung – Phó TGD VRG (bìa phải) cùng ông Trần Công Kha – Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT VRG đón nhận quà tặng của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ.

Chiếm hơn 35% sản lượng toàn Tập đoàn

Năm 2022, tình hình SXKD của các công ty gặp nhiều khó khăn do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, lượng mưa ít, phân bố không đều trong năm và giữa các vùng, thời tiết khô hạn kéo dài. Giá xăng dầu tăng mạnh, kéo theo sự tăng giá của nhiều mặt hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Đặc biệt giá mủ những tháng cuối năm liên tục giảm, giá bán bình quân năm 2022 của các công ty khu vực Campuchia giảm 6% so với năm 2021, ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, với sự đoàn kết một lòng, cùng nhau vượt khó, các công ty đều cố gắng trong việc tiêu thụ sản phẩm, ổn định tài chính, hoàn thành nhiệm vụ.

Với 83.084 ha cao su khai thác, năm 2022, các công ty đều có tăng trưởng tốt hơn và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu của Tập đoàn. Sản lượng của các công ty ước đạt 125.364 tấn mủ cao su (vượt 8% so với KH); năng suất bình quân gần 1,6 tấn. Doanh thu 4.677 tỷ đồng (vượt 7,6% KH); lợi nhuận 698 tỷ đồng (vượt 33% KH); nộp ngân sách 193 tỷ đồng (vượt 9% KH). Tiền lương bình quân của



ÔNG TRƯƠNG MINH TRUNG – PHÓ TGD VRG:

DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG SẼ TĂNG TRUNG BÌNH 10% NĂM

“Năm 2022, vườn cây cao su kinh doanh chiếm 95% diện tích và năm 2023 toàn bộ diện tích cao su sẽ được đưa vào khai thác. Tổng sản lượng khu vực Campuchia năm 2021 chiếm 30% sản lượng toàn Tập đoàn, năm 2022 hơn 35% sản lượng toàn Tập đoàn và dự kiến những năm tiếp theo sản lượng sẽ tăng trung bình 10% năm. Đến năm 2025, Campuchia sẽ là khu vực có sản lượng lớn nhất của Tập đoàn. Tới nay, Tập đoàn đã xây dựng 7 nhà máy chế biến mủ cao su với tổng công suất đạt 88.900 tấn/năm. Doanh thu các dự án đạt 160 triệu USD và lợi nhuận gần 38 triệu USD”

Trả lời phỏng vấn Đài Truyền hình Quốc hội Việt Nam tại Văn phòng Phó Thủ tướng vào ngày 7/11, ông Yim Chhayly - Phó Thủ tướng, kiêm Chủ tịch Hội đồng Khôi phục và Phát triển nông nghiệp nông thôn Campuchia đánh giá cao sự đóng góp tích cực của VRG trong quá trình thực hiện thỏa thuận của hai Chính phủ Việt Nam – Campuchia và ghi nhận kết quả đạt được đã phủ xanh 90.000 ha đất hoang hoá trước đây, trở thành những rừng cao su bạt ngàn xanh thắm tại 7 tỉnh. Những dự án cao su tại các vùng biên giới, vùng sâu vùng xa hẻo lánh, góp phần ổn định, nâng cao đời sống của người dân ở các vùng khó khăn. Các công ty đã thực sự đóng góp rất nhiều, rất có ý nghĩa về việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Không chỉ cung cấp việc làm mà còn xây dựng hệ thống điện, đường, trường, trạm hỗ trợ cho cuộc sống của người dân. VRG đã góp phần thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị keo sơn giữa hai nước.

NLD trên 8,1 triệu đồng/người/tháng (vượt 8% KH).

Các công ty đã đóng góp lớn vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Tập đoàn. Nhiều đơn vị đạt kết quả nổi bật, là điểm sáng của toàn ngành, đạt doanh thu và lợi nhuận cao, điển hình như: Chư Sê Kampong Thom đạt doanh thu 994 tỷ đồng, lợi nhuận 218 tỷ đồng; Tân Biên Kampong Thom đạt doanh thu 529 tỷ đồng, lợi nhuận 150 tỷ đồng; Bà Rịa Kampong Thom đạt doanh thu trên 376 tỷ đồng, lợi nhuận 113 tỷ đồng; Đồng Phú Kratie đạt doanh thu 271 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế trên 58 tỷ đồng...

Năm 2022, khu vực Campuchia tiếp tục có 3 công ty (Cao su Bà Rịa Kampong Thom, Tân Biên Kampong Thom và Chư Sê Kampong Thom), 8 nông trường (NT Ou Tuek Thla, Ou Thum của Cao su Bà Rịa Kampong Thom. NT Santuk 1, 2, 3 của Cao su Tân Biên Kampong. NT 1, 2, 3 của Chư Sê Kampong Thom) và 3 Tổ/Đội tham gia Câu lạc bộ 2 tấn của VRG.

Định hướng phát triển bền vững

Năm 2023, đa số các công ty đều bước sang năm thứ 15 của dự án, chính vì vậy, bên cạnh các giải pháp duy trì vườn cây năng suất cao, các đơn vị cũng xây dựng định hướng phát triển bền vững trong thời gian tới. Là lá cờ đầu toàn diện của khu vực Campuchia nhiều năm nay, ông Nguyễn Duy Linh – TGD Công ty CPCS Chư Sê Kampong Thom, chia sẻ: “Năm 2022, công ty đã đưa toàn bộ diện tích hơn 16.268 ha vườn cây vào khai thác, dự kiến sản lượng đạt 25.544 tấn (vượt 4% KH). Thời gian tới, công ty sẽ duy trì vườn cây luôn đạt năng suất trên 1,8 tấn/ha và gia công



Lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và VRG tham quan vườn cây khai thác của các công ty cao su tại tỉnh Kampong Thom, ngày 21/9

trên 20.000 tấn mỗi năm. Công ty đã chuẩn bị cho công tác tái canh chu kỳ 2 cây cao su tại dự án, từ khâu chọn giống đến lập vườn nhân, vườn ương và thanh lý các diện tích nhằm chủ động trong công tác tái canh. Dự kiến sẽ tái canh trồng mới bắt đầu từ năm 2027 - 2044. Bên cạnh đó, để chủ động trong công tác sản xuất khi vườn cây đi vào tái canh, công ty cũng đã quy hoạch xây dựng nhà máy gỗ. Dự kiến năm 2026 sẽ đi vào hoạt động, mỗi năm chế biến từ nguồn nguyên liệu là gỗ cây cao su với diện tích



Ông Nguyễn Duy Linh –
TGD Công ty CPCS Chư Sê
Kampong Thom thăm hỏi
NLĐ ở Làng công nhân



Ông Hoàng Hữu Tuấn –
TGD Công ty CPCS Bà Rịa
Kampong Thom thăm
nhà máy chế biến mủ
của công ty

1.000 ha/năm”.

Chỉ trong năm 2022, Cao su Chư Sê Kampong Thom đã xây dựng chùa để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của NLĐ và gia thuộc với tổng chi phí 215.000 USD. Công ty cũng xây dựng một siêu thị Green Mart trong rừng cao su cung cấp hơn 100 mặt hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ NLĐ tại dự án. Hàng tháng, công ty hỗ trợ cho mỗi công nhân 20 kg gạo/người/tháng...

Bên cạnh đó, đẩy mạnh chăm lo cho NLĐ, các công ty cũng đã ký kết hợp tác toàn diện với Công ty Viễn thông Metfone (Viettel Cambodia) để lắp đặt các trụ sóng 4G trong vùng dự án. Đồng thời, kéo đường cáp quang Internet đến trụ sở và khu làm việc của các nông trường, nhà máy chế biến nhằm tạo thuận lợi trong công việc chuyên môn và chia sẻ, hỏi thăm gia đình thông qua điện thoại thông minh. Phần nào nâng cao

đời sống tinh thần cho NLĐ làm việc xa nhà.

Những thành quả các công ty cao su đạt được trong năm 2022 tiếp tục là một minh chứng sống động cho mối quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị bền chặt giữa Việt Nam - Campuchia.

Trong chuyến thăm và làm việc với các công ty cao su trực thuộc VRG tại Công ty TNHH PTCS Tân Biên Kampong Thom, ngày 22/11, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ ghi nhận và đánh giá cao thành quả 15 năm gầy dựng, có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước Campuchia. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội biểu dương những thành tích to lớn của các đơn vị trực thuộc VRG ở Campuchia và tin tưởng rằng các đơn vị sẽ tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vươn lên phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

CÁC ĐƠN VỊ KHU VỰC LÀO

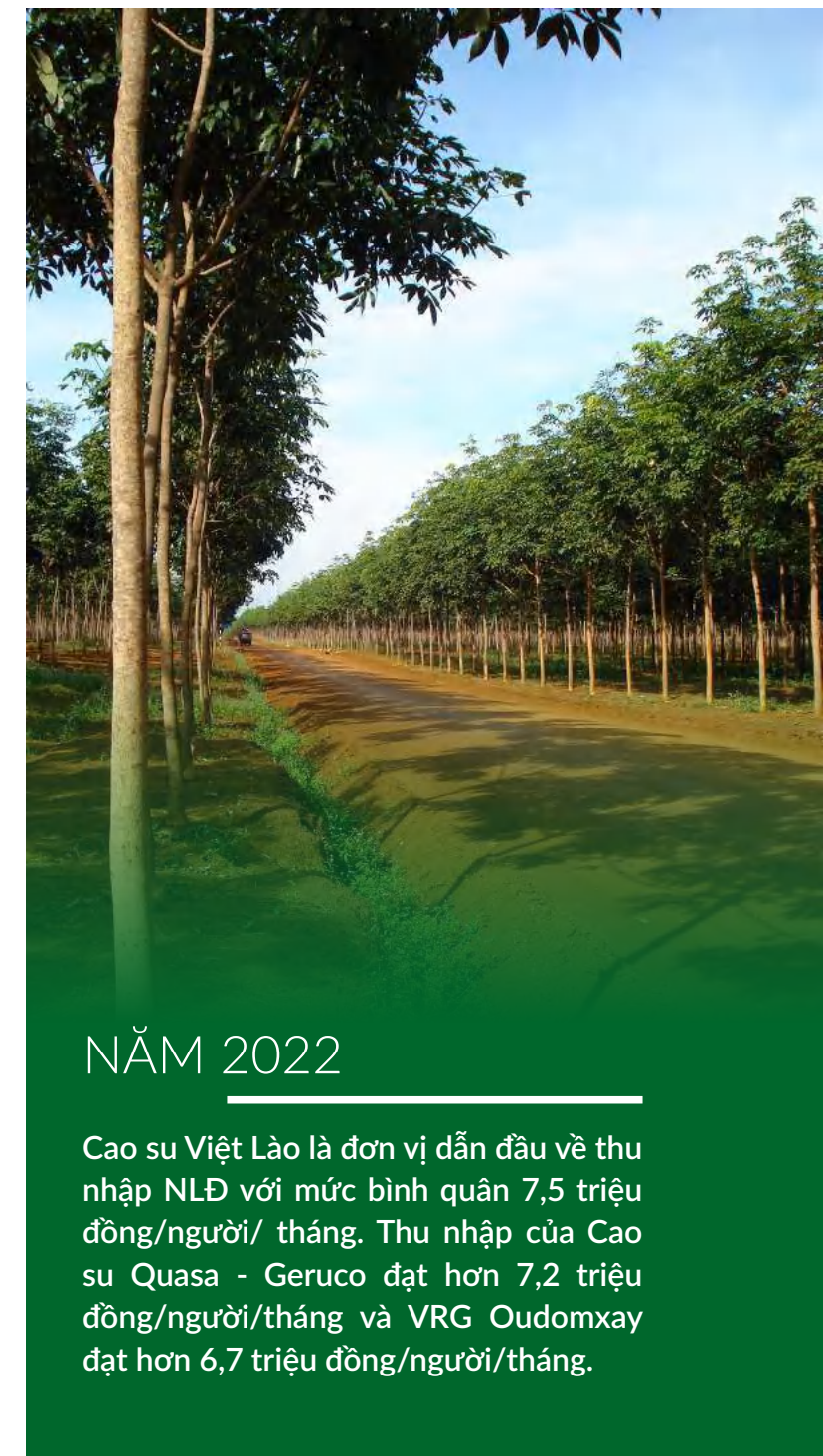
HOÀN THÀNH TỐT CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

VRG hiện có 6 công ty tại Lào, gồm có: Công ty TNHH Cao su Việt Lào, Công ty TNHH Cao su Dầu Tiếng – Việt Lào, Công ty TNHH Quasa Geruco, Công ty TNHH Bolykhamxay Hà Tĩnh, Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay, Công ty TNHH Cao su Quavan trải dài tại 5 tỉnh biên giới giữa Lào và Việt Nam. Năm 2022, VRG giao kế hoạch nông nghiệp cho các đơn vị khu vực này là 36.296 tấn với tổng diện tích vườn cây kinh doanh 21.554 ha.

Cũng như nhiều đơn vị khác, năm nay các đơn vị khu vực Lào cũng gặp không ít khó khăn do thời tiết không thuận lợi, giá mủ cao su giảm đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của đơn vị. Tuy nhiên, các đơn vị đã nỗ lực vượt khó để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cụ thể, Cao su Việt Lào khai thác được 18.000 tấn, vượt gần 3%, 8 năm liền vườn cây đạt năng suất 2 tấn/ha. Cao su Quasa – Geruco khai thác được 8.800 tấn, vượt 6% so với kế hoạch. Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay nỗ lực về trước kế hoạch sản lượng 46 ngày. Doanh thu đạt hơn 6 tỷ đồng, vượt hơn 3%.

Để đạt được thành quả đó, ngay từ đầu năm các đơn vị đã triển khai kế hoạch cụ thể bằng các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị. Tổ chức ra quân khai thác kết hợp với phát động Tháng Công nhân. Phát động có hiệu quả phong trào thi đua nước 4 tháng cuối năm, thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Bên cạnh hoạt động SXKD, lãnh đạo các đơn vị đặc biệt chú trọng đến việc làm và thu nhập NLĐ. Tổng số lao động thực hiện tại các dự án là 5.580 người. Năm 2022, Cao su Việt Lào là đơn vị dẫn đầu về thu nhập NLĐ với mức bình quân 7,5 triệu đồng/người/ tháng. Thu nhập của Cao su Quasa – Geruco đạt hơn 7,2 triệu đồng/người/ tháng và VRG Oudomxay đạt hơn 6,7 triệu đồng/người/ tháng.



NĂM 2022

Cao su Việt Lào là đơn vị dẫn đầu về thu nhập NLĐ với mức bình quân 7,5 triệu đồng/người/ tháng. Thu nhập của Cao su Quasa - Geruco đạt hơn 7,2 triệu đồng/người/tháng và VRG Oudomxay đạt hơn 6,7 triệu đồng/người/tháng.



CÁC ĐƠN VỊ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

BƯỚC ĐẦU KHỞI SẮC, ỔN ĐỊNH VIỆC LÀM, THU NHẬP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2022 đánh dấu tròn 15 năm VRG triển khai đầu tư phát triển cao su miền núi phía Bắc (MNPB). Những khó khăn ban đầu dần lùi xa, cao su định hình trên vùng đất khó đã có những tín hiệu vui, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho bà con đồng bào rẻo cao. Hoạt động của các đơn vị dần đi vào ổn định, có lợi nhuận, đảm bảo được quyền lợi cho cổ đông và người lao động, kết quả đó đã củng cố thêm niềm tin của chính quyền địa phương và bà con thôn bản về dự án phát triển cao su của VRG.

Khắc phục khó khăn để ổn định tổ chức sản xuất

Khối thi đua MNPB hiện có 10 đơn vị, trong đó có 9 đơn vị đứng chân trên địa bàn 6 tỉnh MNPB và Công ty Cao su VRG – Oudomxay tại nước bạn Lào. Các đơn vị trong Khối có nhiều nét tương đồng về điều kiện sản xuất như khí hậu, thời tiết, địa hình, dân tộc, phong tục tập quán, kinh tế - xã hội, đặc thù không quá khác biệt. Do đó, các đơn vị có thể trao đổi, học tập và áp dụng được những kinh nghiệm, sáng kiến lẫn nhau để áp dụng vào công tác quản lý, điều hành các hoạt động SXKD.

Bên cạnh những thuận lợi, các đơn vị trong Khối thi đua còn gặp vô vàn khó khăn, thách thức do thời tiết tại khu vực Miền núi Phía Bắc rất khắc nghiệt, đầu năm thời tiết khô hạn, từ tháng 5 đến hết tháng 10 mưa lớn kéo dài, mùa đông rét đậm, rét hại, có nhiều sương muối, nhiệt độ xuống thấp ảnh hưởng đến quy trình SXKD, sản lượng khai thác, quá trình chăm sóc và sinh trưởng, phát triển của vườn cây. Thêm vào đó lực lượng lao động đã có nhiều cải thiện, ổn định song chất lượng lao động còn nhiều hạn chế như tay nghề và tác phong lao động. Tất cả



Lãnh đạo tỉnh Điện Biên và VRG trao thưởng cho Cao su Điện Biên trong Lễ mừng công hoàn thành kế hoạch sản lượng năm

những yếu tố trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của từng đơn vị nói riêng và cả Khối nói chung.

Năm 2022, Khối MNPB được VRG giao quản lý 29.674 ha. Trong đó, vườn cây KTCB là 9.067 ha; diện tích khai thác là 20.743 ha. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn song năm 2022 với sự đoàn kết, quyết tâm cao của toàn NLD, toàn khối đã vượt qua mọi khó khăn thực hiện đạt kết quả cao trên mọi lĩnh vực sản xuất.

Tính đến hết ngày 31/12/2022, toàn Khối đã khai thác được ước đạt 20.126 tấn. Trong đó, một số đơn vị nổi bật như VRG Oudomxay về trước kế hoạch sản lượng 46 ngày, Cao su Lai Châu 2 khai thác vượt 50 tấn, Cao su Điện Biên vượt 100 tấn... Về doanh thu của toàn Khối ước đạt 717,56 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 7,59 tỷ đồng.

Đánh giá về những kết quả của các đơn vị Khối thi đua MNPB, ông Huỳnh Kim Nhựt – Phó TGD VRG cho biết: “So với các khu vực khác, các đơn vị khu vực MNPB gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên các đơn vị đã có rất nhiều nỗ lực trong việc triển khai tổ chức hoạt động SXKD và chăm lo đời sống NLD. Tôi ghi nhận và biểu dương sự cố gắng của tập thể NLD các đơn vị. Tính từ khi VRG triển khai dự án tại MNPB đến nay đã được 15 năm, hành trình đó có nhiều vất vả, gian khó nhưng hiện tại khó khăn đã dần lùi xa, các đơn vị đã dần ổn định sản xuất, hoạt động có hiệu quả và chăm lo tốt đời sống cho NLD”.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động

Mặc dù thị trường cao su chưa ổn định giá vẫn ở mức thấp; doanh thu lợi nhuận thấp song các đơn vị trong khối đã rất quan tâm tạo điều kiện và thực hiện tốt mọi chế độ chính sách đối với người lao động, Tạo việc làm ổn định thường xuyên cho 4.015 NLD và 825 hộ nhận khoán trong toàn Khối. Thu nhập bình quân toàn Khối ước đạt 5,4 triệu đồng/người/tháng, cao hơn năm trước 11%. Những đơn vị có mức lương bình quân cao nhất gồm: VRG Udomxay ước đạt 6,73 triệu đồng/người/tháng; Cao su Mường Nhé - Điện Biên ước đạt 6,3 triệu đồng/người/tháng; Cao su Dầu Tiếng – Lai Châu ước đạt 6,3 triệu đồng/người/tháng; Cao su Sơn La ước đạt 6,09 triệu đồng/người/tháng; Các đơn vị còn lại ước đạt từ 4,3 – 5,8 triệu đồng/người/tháng. Chế độ, chính sách cho NLD được thực hiện đảm bảo và kịp thời.

Toàn khối hiện có 4.015 đoàn viên công đoàn và 1.142 đoàn viên đoàn thanh niên. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được NLD hưởng ứng nhiệt tình, sôi nổi, nhất là các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao nhiều phong trào thi đua chào mừng những ngày lễ lớn của Đất nước, ngành, địa phương và của các Công ty. Tích cực tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các đợt tuyên truyền, vận động và giáo dục tại các đơn vị. Từ đó, tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, ý thức trách nhiệm với công việc của đại bộ

phận NLD toàn Khối ngày càng được nâng lên.

Để động viên, khích lệ NLD trong các phong trào thi đua, các đơn vị đã bình xét công bằng, công khai, khen thưởng đúng đối tượng. Tập thể nhỏ, lao động trực tiếp, lao động dân tộc thiểu số trong các phong trào tại các công ty được khen thưởng chiếm tỷ lệ cao vượt trội. Trong năm toàn Khối đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân, giá trị hiện vật khen thưởng đạt gần 460 triệu đồng.

Chúng tôi đến thăm Cao su Sơn La vào dịp cuối năm, nhìn qua bảng lương tháng 12 của NLD, chúng tôi rất ấn tượng bởi có nhiều công nhân thu nhập lên tới 20 - 26 triệu đồng. Phần khởi nhận tiền lương sau một tháng tích cực lao động sản xuất, công nhân Tòng Văn Tĩnh chia sẻ: “Tôi nhận cạo mủ 11 phần cây, công việc tuy có vất vả phải dậy sớm, nhưng với mức thu nhập hàng tháng ổn định hơn 20 triệu đồng, so với những công việc khác thì làm công nhân cao su lương cao, gia đình có tiền tích lũy, lo cho các cháu học hành chu đáo. Ngoài ra, công ty còn có thưởng cho những công nhân vượt sản lượng giao hàng

tháng, đây cũng là động lực để chúng tôi yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với cây cao su”.

Trao đổi với chúng tôi trong ngày đầu xuân mới, ông Nguyễn Bá Quý - Phó Giám đốc Cao su Sơn La cho biết: “Bước sang năm mới 2023, cùng với tập trung thực hiện các giải pháp ổn định việc làm, từng bước nâng cao thu nhập cho NLD, công ty tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những vướng mắc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để bảo đảm quyền lợi cho người dân góp đất trồng cao su. Đặc biệt, công ty đã xây dựng kế hoạch, cân đối tiền lương tháng 13, tiền thưởng cuối năm và chia cổ tức, bảo đảm cho NLD có điều kiện đón Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 chu đáo, trọn vẹn”.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm qua, năm 2023 các đơn vị trong Khối tiếp tục phấn đấu thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra. Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả và nâng cao đời sống NLD.



CÁC ĐƠN VỊ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG (DHMT)

VƯỢT KHÓ, HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ



Các thợ giỏi của Cao su Quảng Nam nhận giải thưởng tại Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ cao su lần thứ XIII, năm 2022

Trong năm qua, bên cạnh dịch bệnh Covid 19 vẫn còn nhiều diễn biến khó lường thì giá phân bón, vật tư, xăng dầu... cũng đồng loạt tăng cao; tình hình thời tiết nắng nóng, mưa bão liên tục, dịch bệnh trên vườn cây... ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD của các đơn vị Khối DHMT, đa số các công ty đều có tình trạng thiếu lao động và còn nhiều biến động.

Tuy còn nhiều khó khăn song nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo VRG, cũng như sự phấn đấu, nỗ lực của toàn thể NLD, hầu hết các đơn vị thành viên trong Khối đã thực hiện tốt các chỉ tiêu đề ra trong năm 2022. Các đơn vị vượt trội trong Khối về hoạt động SXKD như: Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh với tỷ lệ sản lượng đạt 114%, doanh thu đạt 100%; Cao su Quảng Trị sản lượng đạt 110% và doanh thu đạt 137%, các đơn vị Cao su Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Quasa - Geruco... đều hoàn thành sản lượng năm 2022.

Phát biểu tại hội nghị Khối thi đua các đơn vị Duyên hải miền Trung, ông Huỳnh Kim Nhựt - Phó TGD VRG chia sẻ những khó khăn chung và ghi nhận sự cố gắng của 10 đơn vị DHMT. Đồng thời, đánh giá cao hoạt động của Khối trong năm 2022 với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực.

Trong năm 2022, Cao su Quảng Nam là một trong những đơn vị đạt kết quả khá tốt tại Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ cao su năm 2022. Với sự nỗ lực

và quyết tâm, các “chú ong chăm chỉ”, anh Đỗ Đình Nga - Nông trường Hiệp Đức đạt danh hiệu Bàn tay vàng và 4 thợ giỏi bao gồm anh Trần Viết Tàu, anh Lương Văn Vinh, anh Huỳnh Đức Hùng - Nông trường Nông Sơn, chị Đỗ Thị Thà - Nông trường Phước Sơn đều đạt danh hiệu Kien tướng.

Ông Thái Bảo Tri - TGD công ty cho biết, nhiều năm qua, do tình hình SXKD của công ty chưa ổn định, tập trung sản xuất vào các tháng cuối năm nên công ty chỉ tham gia Hội thi các năm trước theo hình thức cá nhân. Năm 2022, với quyết tâm gầy dựng trở lại phong trào “Luyện tay nghề - Thi thợ giỏi”, và hướng đến thành lập Câu lạc bộ Bàn tay vàng, Kien tướng; Câu lạc bộ Nông trường, tổ sản xuất 2 tấn cấp công ty. Công ty sẽ tiếp tục tuyên dương, nhân rộng các tấm gương điển hình trong phong trào này đến các tổ sản xuất và công nhân, hộ nhận khoán nhằm lan tỏa tinh thần vượt khó, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao”.

LĨNH VỰC KINH DOANH HẠ TẦNG CÓ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VƯỢT TRỘI

Hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) của VRG phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả cao và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận. Đây là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, góp phần gia tăng và phát huy hiệu quả sử dụng đất. Kết quả sản xuất kinh doanh của VRG có sự đóng góp rất lớn của KCN.



Cao su Phú Riềng khởi công dự án Cụm công nghiệp Minh Hưng 2, vào ngày 3/11

Nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động

Để thúc đẩy đầu tư, nâng cao hiệu quả SXKD, tạo đà phát triển cho những năm sau đại dịch Covid-19, ngay từ đầu năm 2022, các KCN đã linh hoạt áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp, tạo những “cú hích” vượt khó hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Các giải pháp tập trung thay đổi phương thức xúc tiến đầu tư nhằm thích ứng với tình hình mới của dịch bệnh; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp (DN) khôi phục sản xuất, hỗ trợ tháo gỡ “nút thắt” về lao động; thực hiện việc miễn/giảm/giãn thời gian thanh toán phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý cho các DN... Ngoài ra, các KCN còn đẩy mạnh tăng cường dịch vụ phụ trợ đa dạng, tạo ma trận hỗ trợ mới trong thời kỳ sau đại dịch gắn liền đẩy mạnh hoạt động sản xuất (khu dịch

vụ, khu trung tâm thương mại, bãi đậu xe công, dịch vụ hỗ trợ Logistic...), nhằm phục vụ và đáp ứng tốt hơn nữa cho các DN hoạt động.

Song song đó, các KCN cũng mở rộng các hoạt động nhằm tăng nguồn thu, như: mở rộng nhà xưởng cho thuê nhằm nâng cao hiệu quả SXKD; nâng cao nguồn thu từ các dịch vụ cho thuê khác: bến bãi, mặt bằng đặt máy ATM, cho thuê đặt bảng quảng cáo...

Chính vì vậy, năm 2022, các chỉ tiêu của khối KCN vượt cao so với kế hoạch, đóng góp không nhỏ vào doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn. Cụ thể: doanh thu ước thực hiện hơn 6.679 tỷ đồng (vượt 21,4% KH); lợi nhuận sau thuế trên 1.344 tỷ đồng (vượt 34% KH); tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 66% (vượt gần 24% KH); nộp ngân sách Nhà nước trên

“



ÔNG ĐỖ HỮU PHƯỚC - PHÓ TGD VRG:

**ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN
2021 - 2025 VRG PHÁT TRIỂN
TỪ 15.000 HA ĐẾN 20.000 HA
DIỆN TÍCH KCN**

Về tình hình thực hiện mở rộng, thành lập mới các khu/cụm CN, theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐQTCSVN ngày 10/7/2020 tổng diện tích dự kiến quy hoạch giai đoạn 2021-2030 là 39.177,24 ha (trong đó: KCN là 37.387,29 ha; Cụm CN là 1.789,95 ha). Định hướng giai đoạn 2021 - 2025, VRG đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành, trong đó phát triển từ 15.000 ha đến 20.000 ha diện tích KCN, thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư, kinh doanh KCN trên đất trồng cao su chuyển đổi. Tập đoàn thường xuyên cập nhật công tác quy hoạch giai đoạn 2021- 2030 của địa phương miền Đông Nam bộ để làm việc với cấp thẩm quyền thống nhất chủ trương cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên được làm chủ đầu tư các dự án khu/cụm CN và nhà ở xã hội trên đất cao su.

406 tỷ đồng (vượt hơn 21% KH); thu nhập bình quân trên 13,6 triệu đồng/người/tháng (vượt gần 9% KH). Những năm qua, các KCN chia cổ tức bình quân trên 30%, một số KCN trên 60%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân trên 60%.

Dịch vụ hỗ trợ đa dạng, linh hoạt

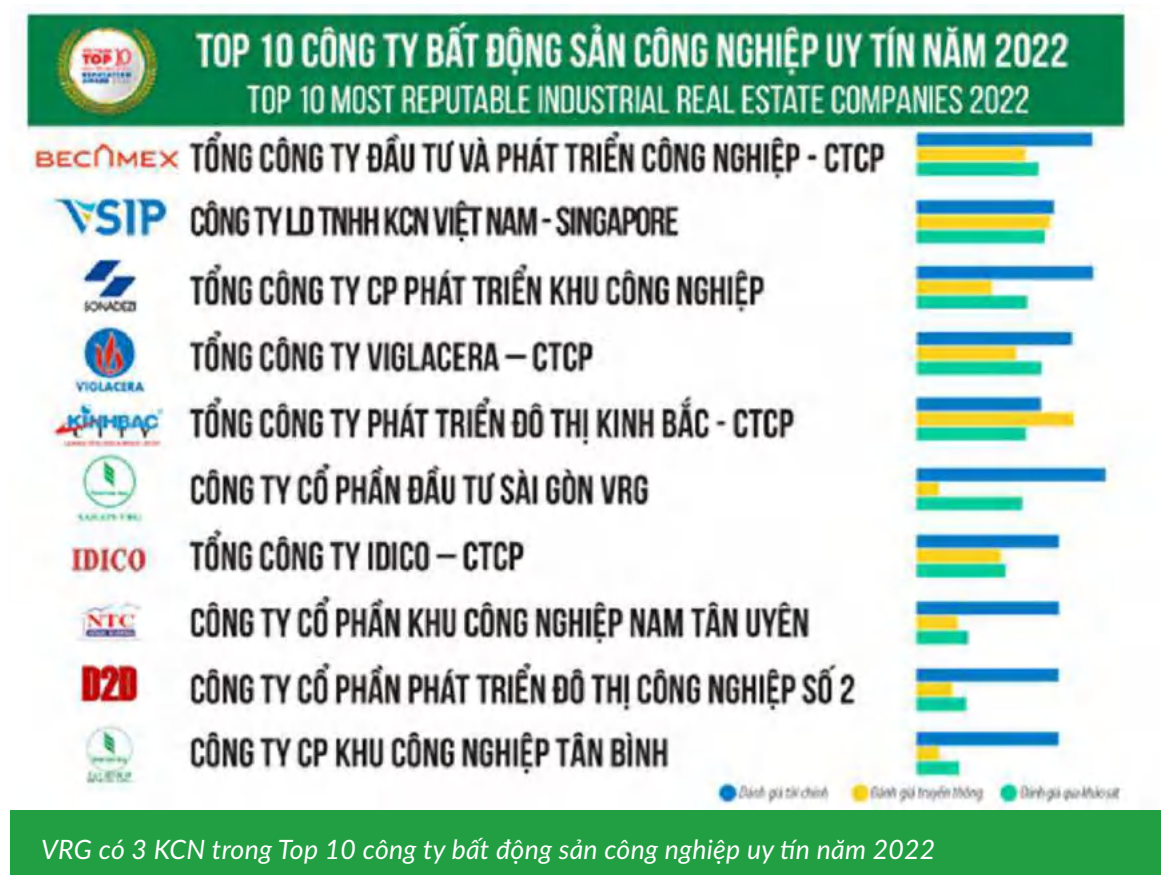
Là KCN thành lập đầu tiên của VRG, trải qua 17 năm hoạt động, Công ty CP KCN Nam Tân Uyên là một trong những đơn vị dẫn đầu về doanh thu và lợi nhuận nhiều năm liền. Năm 2022, ước đạt doanh thu trên 429 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 246 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 102%; nộp ngân sách Nhà nước 106 tỷ đồng, thu nhập bình quân trên 14,5 triệu đồng/người/tháng.

Luôn tạo thuận lợi tối đa cho DN, nhà đầu tư, ông Hà Trọng Bình - TGD Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, chia sẻ: “Bên cạnh việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, mở rộng xúc tiến đầu tư với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, sử dụng công nghệ và dữ liệu trong hình thức trực tuyến xây dựng hình ảnh giới thiệu môi trường đầu tư tại KCN... Ngoài ra, sắp tới đây, công ty sẽ tăng cường dịch vụ phụ trợ đa dạng: khu dịch vụ chuẩn bị thành lập bệnh viện (Medical VN), khu trung tâm thương mại (Lê Minh), bãi đậu xe công, dịch vụ hỗ trợ Logistic, đẩy mạnh hội

thảo hội nghị xúc tiến... nhằm phục vụ và đáp ứng tốt hơn nữa cho các DN hoạt động”.

Trải qua 10 năm thành lập, KCN Tân Bình đã gặt hái được những thành công ngoài mong đợi. Trong 3 năm liên tiếp (2019, 2020, 2021), Tân Bình đạt Chứng chỉ doanh nghiệp bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam cấp. Đặc biệt, TBIP vinh dự nhận giải Sao Vàng Đất Việt năm 2021, góp phần công nhận những đóng góp nỗ lực trong suốt thời gian qua.

Ông Nguyễn Anh Tuấn - TGD Công ty CP KCN Tân Bình, cho biết: “Trong quá trình hoạt động, Tân Bình luôn đẩy mạnh áp dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển KCN xanh, bền vững. Hiện giai đoạn 1 của dự án với diện tích 352,5 ha đã lấp đầy. Bên cạnh lợi thế nằm ở vị trí đắc địa, Tân Bình còn tạo nên lợi thế cạnh tranh bằng chính sách kinh doanh linh hoạt, dịch vụ hỗ trợ đa dạng, thực hiện thủ tục hỗ trợ DN nhanh chóng; làm tốt công tác chăm sóc khách hàng và thực hiện tốt cam kết với nhà đầu tư để nhà đầu tư tiếp tục giới thiệu đối tác của họ đến KCN tham quan tìm hiểu cơ hội đầu tư. Ngoài ra, khi đầu tư tại Tân Bình, DN sẽ được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư miễn thuế 2 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo”.



VRG ĐANG ĐẦU TƯ VÀO

11 CÔNG TY

hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN (8 công ty thành viên: Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh, Đầu tư Sài Gòn VRG, KCN Cao su Bình Long và 3 công ty liên kết).

với **16 DỰ ÁN**

TỔNG DIỆN TÍCH

HƠN 6.566 HA,

nằm tập trung tại các tỉnh/thành: TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Gia Lai.



Công ty CP KCN Tân Bình là 1 trong 8 đơn vị trực thuộc VRG nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2021

Nhiều năm qua, Công ty CP KCN Dầu Giây luôn dẫn đầu về thu nhập của NLD trong khối KCN. Năm 2022, KCN Dầu Giây đạt doanh thu trên 151 tỷ đồng (vượt 4% KH), lợi nhuận sau thuế hơn 73 tỷ đồng (vượt 10% KH), tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 82% (vượt 38% KH); nộp ngân sách Nhà nước 47 tỷ đồng (vượt 1% KH), thu nhập bình quân trên 22 triệu đồng/người/tháng (vượt 21% KH).

Linh động nhiều giải pháp vượt khó hoàn thành các chỉ tiêu trong năm 2022, ông Nguyễn Văn Phước – Phó TGD Công ty CP KCN Long Khánh, chia sẻ: “Từ đầu năm, công ty đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 2) nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động xử lý nước thải. Đẩy nhanh việc thực hiện dự án nhà xưởng cho thuê nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Nâng cao nguồn thu cho công ty từ các dịch vụ cho thuê khác, như: bến bãi, mặt bằng đặt máy ATM, cho thuê đặt bảng quảng cáo... Sắp xếp, bố trí, điều chuyển lao động phù hợp, không tuyển dụng thêm lao động nhằm đảm bảo thu nhập cho NLD công ty”.

Nhờ vậy, năm vừa qua, KCN Long Khánh đạt doanh thu trên 123 tỷ đồng (vượt 1% KH), lợi nhuận sau thuế hơn 54 tỷ đồng (vượt 0,4% KH), tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ hơn 45% (vượt 0,04% KH); nộp ngân sách Nhà nước 21 tỷ đồng (vượt 44% KH), thu nhập bình quân trên 15 triệu đồng/người/tháng (vượt 0,3% KH).

Đẩy mạnh mở rộng quy mô

VRG hiện đang sở hữu quỹ đất khoảng 407.800 ha. Lĩnh vực đầu tư KCN đang được Tập đoàn đẩy mạnh phát triển. Với định hướng tập trung chuyển đổi đất cao su thành KCN, quỹ đất của Tập đoàn có

Hai năm liên tục 2021- 2022, VRG có 3 KCN nằm trong top 10 Công ty Bất động sản Công nghiệp uy tín do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam bình chọn: Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG, Công ty CP KCN Nam Tân Uyên và Công ty CP KCN Tân Bình.

lợi thế tiết kiệm thời gian và chi phí đền bù so với các KCN khác, nằm ở các khu vực kinh tế phát triển năng động; chi phí đầu tư rẻ; hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh; giá thuê đất cạnh tranh... Trong những năm tới, VRG tập trung khai thác hiệu quả các KCN hiện có, đồng thời mở rộng giai đoạn II các khu thuận lợi đã có quy hoạch.

Về phía các công ty KCN, để khẳng định vị thế của mình, đã và đang thực hiện các thủ tục để đầu tư mở rộng thêm trên 5.000 ha, trong đó KCN Tân Bình thực hiện mở rộng giai đoạn II lớn nhất trong các đơn vị còn lại với 1.055,83 ha. Tại Bình Dương, VRG triển khai các dự án KCN Tân Lập 1 (400 ha), KCN Hội Nghĩa (560 ha) và KCN Minh Hưng 2 mở rộng (590 ha). Tại Bình Phước, triển khai hai dự án gồm KCN Bắc Đồng Phú mở rộng và KCN Nam Đồng Phú mở rộng với tổng diện tích 800 ha. Các dự án còn lại bao gồm KCN Dầu Giây mở rộng (75 ha), KCN Long Khánh mở rộng (500 ha) tại Đồng Nai và KCN Nam Pleiku mở rộng (200 ha).

Ông Huỳnh Văn Thi – Phó TGD Công ty CP KCN Bình Long, cho biết: “Hiện nay quỹ đất cho thuê của KCN hiện đã lấp đầy, không còn quỹ đất để cho thuê, KCN tập trung chủ yếu vào công tác chăm sóc khách hàng hiện hữu. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn tất thủ tục trong công tác mở rộng KCN giai đoạn II với diện tích 577 ha, tạo quỹ đất có thể khai thác cho thuê, hiện tại đã có nhiều nhà đầu tư hiện hữu có nhu cầu thuê thêm đất để mở rộng dự án, cũng như nhu cầu thuê từ các dự án mới”.

Với tiềm năng, thế mạnh về hạ tầng, vị trí thuận lợi, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư đa dạng, nguồn lao động ổn định sau đại dịch Covid-19... các KCN thuộc VRG sẽ phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới.



Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng năm 2022 các đơn vị chế biến gỗ trực thuộc VRG đã nỗ lực vượt khó hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu như doanh thu, nộp ngân sách và thu nhập cho người lao động.

Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang đạt 111,55% so với kế hoạch.

Năm 2022, thị trường tiêu thụ gỗ nội thất gặp nhiều khó khăn.

NGÀNH GỖ NỖ LỰC VƯỢT KHÓ

Khó khăn từ thị trường tiêu thụ

Năm 2022, thế giới có nhiều biến động lớn về tình hình kinh tế xã hội do ảnh hưởng trực tiếp từ cuộc chiến giữa Nga và Ucraina, nhiều quốc gia vỡ nợ, kinh tế châu Âu chìm trong khủng hoảng, giá cả hàng hóa tăng phi mã... Đặc biệt các nguyên liệu như ure, methanol, melamine, axit, axit citric, keo dính, nguyên liệu gỗ tăng từ 20% đến 60% so với năm 2021. Đây là nguyên nhân chính làm cho ngành chế biến, kinh doanh gỗ của VRG nói riêng giảm mạnh về sản lượng tiêu thụ cũng như lợi nhuận.

Đối với Công ty gỗ MDF VRG Quảng Trị, dù 4 tháng đầu năm, sản lượng tiêu thụ đạt 104.761m³, cao gấp đôi năng lực sản xuất của công ty nhưng bước qua tháng 5, tình hình tiêu thụ bắt đầu giảm sâu, các đơn đặt hàng của nhà máy sản xuất mang tính nhỏ giọt. Chính vì vậy sản lượng tiêu thụ chỉ

bằng 60% so với các tháng trước, và từ tháng 6 đến cuối năm tiếp tục giảm thêm 20%.

Là đơn vị điển hình trong lĩnh vực chế biến gỗ tinh chế, năm 2022 Công ty CP chế biến gỗ Thuận An cũng gặp khó khăn tương tự. Trong 6 tháng đầu năm, đơn hàng của công ty 85% so với kế hoạch cả năm, nhưng 6 tháng cuối năm nhiều đơn hàng không thực hiện được do các đối tác gặp nhiều khó khăn trong vấn đề tiêu thụ.

Như vậy, đa số các doanh nghiệp trong ngành gỗ đều có sự giảm sút về doanh thu và lợi nhuận. Chỉ tính riêng 8 đơn vị trong khối thi đua chế biến gỗ gồm: Gỗ MDF VRG Quảng Trị, Kiên Giang, Dongwha; Gỗ Trường Phát, Thuận An, Tây Ninh, Dầu Tiếng và Đồng Nai có tổng lợi nhuận sau thuế trên 349 tỷ đồng. Trong 8 đơn vị này chỉ có Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang đạt 111,55% so với kế hoạch.

Gỗ MDF vượt trội

Là đơn vị đi sau trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh gỗ MDF, nhưng năm 2022 Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang đã nổi lên với những chỉ số rất khả quan như: sản lượng thực hiện 127.000 m³, vượt trên 28% KH; doanh thu 865 tỷ đồng, vượt 15% KH; lợi nhuận sau thuế 28 tỷ đồng, vượt 11,55% KH; thu nhập bình quân đạt 8,9 triệu đồng/người/tháng, vượt 19,56% KH.

Đối với Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị, mặc dù gặp nhiều khó khăn những sản lượng thực hiện 240.000 m³, đạt 100% kế hoạch; doanh thu 1.284,97 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế 40 tỷ đồng, vượt; thu nhập bình quân đạt 12 triệu đồng/người/tháng, vượt 7,27% so với kế hoạch.

Nhìn chung 8 đơn vị chế biến gỗ đã từng bước khắc phục khó khăn, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu như: tổng sản lượng sản xuất trên 1,220 triệu m³ gỗ các loại, đạt 98,25% kế hoạch năm; doanh thu trên 6.861 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế trên 349 tỷ đồng; thu nhập bình quân trên 10,6 triệu đồng/người/tháng.

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng trong năm 2022, các đơn vị chế biến gỗ trực thuộc VRG vẫn không

ngừng chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Cụ thể như: thu nhập Công ty CP gỗ MDF VRG Dongwha gần 23,5 triệu đồng/người/tháng, vượt 4,63% so với kế hoạch; Gỗ MDF VRG Quảng Trị 12 triệu đồng/người/tháng, vượt 7,27%; MDF VRG Kiên Giang vượt 19,56%; Gỗ Dầu Tiếng vượt gần 7% so với kế hoạch.

Đánh giá tại Hội nghị tổng kết Khối thi đua chế biến gỗ, ông Huỳnh Kim Nhựt – Phó TGD VRG cho rằng, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng năm 2022, các đơn vị chế biến gỗ cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đề ra như sản lượng, doanh thu, thu nhập người lao động. Riêng về lợi nhuận, các đơn vị chế biến gỗ đã đóng góp 9% vào tổng lợi nhuận sau thuế toàn tập đoàn.

Cũng theo ông Huỳnh Kim Nhựt, dự báo năm 2023 vẫn còn những khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng giữa Nga – Ucraina cũng như giá nguyên, nhiên vật liệu vẫn có dấu hiệu tăng nên các đơn vị phải chủ động nhận diện những khó khăn vướng mắc hiện có, cũng như đánh giá những thế mạnh, cơ hội tiềm năng để xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả.

CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

NỖ LỰC

HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ

Trong một năm được đánh giá là có rất nhiều khó khăn, thị trường trong nước và thế giới có nhiều bất ổn, thì việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo đời sống NLĐ là một nỗ lực rất lớn của các công ty sản xuất công nghiệp trực thuộc VRG.

Năm 2022, Công ty Cổ phần CN&XNK Cao su (Rubico), Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru (Geru Sport), Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su đã dần phục hồi sau 2 năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19. Các công ty đi vào ổn định sản xuất, từng bước tăng tốc phát triển.

Tính đến hết tháng 12 Công ty Geru Sport đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và lương của NLĐ đều đạt và vượt so với cùng kỳ. Cụ thể sản xuất được trên 1,080 triệu quả bóng các loại, vượt 12,5% so với cùng kỳ, tiêu thụ 1,078 triệu quả bóng, vượt 12,29% kế hoạch (KH). Tổng doanh thu trên 88 tỷ đồng, đạt 114,80% KH, lợi nhuận trước thuế trên 1,6 tỷ đồng, đạt 106,72% KH. Thu nhập bình quân NLĐ trên 11 triệu đồng/người/tháng, bằng 22% so với năm 2021.

Ông Trần Văn Hạnh - TGD công ty cho biết: “Để đạt được những kết quả khả quan như trên là cả một quá trình cố gắng không ngừng nghỉ của toàn thể NLĐ. Hướng đến 2023, tập thể lãnh đạo, Ban điều hành công ty sẽ phát huy cao độ trong công tác SXKD. Tăng cường các sản phẩm mới, phát triển thị trường phía Bắc, đẩy mạnh gia công các loại bóng từ đối tác ngoài công ty. Công ty lấy thành công của năm nay để tạo tiền đề cho năm tới và các năm tiếp theo.”

Với Công ty CP Cơ khí Cao su, hiện vẫn duy trì lắp ráp, bảo trì thiết bị cho các đơn vị thuộc VRG trong nước và cả trên nước bạn Lào và Campuchia. Năm nay dù có những khó khăn nhất định, nhưng công ty cũng đã hoàn thành các chỉ tiêu VRG giao. Tính đến thời điểm hiện tại các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận nộp ngân sách, thu nhập NLĐ đều đạt và vượt bình quân từ 15 đến 30% so với KH. Các hợp đồng



Sản xuất bóng thể thao tại Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

lớn công ty đã triển khai sản xuất, lắp đặt và hoàn thành theo đúng yêu cầu của đối tác trong và ngoài ngành.

Doanh thu công ty trên 108 tỷ đồng, lợi nhuận trên 6,5 tỷ đồng, nộp ngân sách gần 3 tỷ đồng, đảm bảo mức thu nhập bình quân NLĐ toàn công ty trên 14 triệu đồng/người/tháng.

Tính đến tháng 12/2022, khối lượng sản xuất của Công ty Cổ phần CN&XNK Cao su đa phần đã đạt và vượt kế hoạch sản lượng. Doanh thu toàn công ty ước đạt trên 41,1 tỷ đồng, lợi nhuận ước đạt trên 3 tỷ đồng, vượt 5,8% so KH. Dự kiến đến hết tháng 12 các chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách và một số chỉ tiêu khác cũng sẽ được hoàn thành. Để thực hiện nhiệm vụ năm tới, công ty sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn, cơ cấu lại sản xuất theo chỉ đạo của VRG, duy trì ổn định sản xuất, tiếp tục chăm lo tốt đời sống cho NLĐ, đảm bảo mức thu nhập bình quân là 10 triệu đồng/người/tháng.

NỆM ĐỒNG PHÚ

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ BẰNG UY TÍN, CHẤT LƯỢNG



Lãnh đạo VRG tham quan gian hàng của Dorufoam

Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường, Công ty CP Kỹ thuật Đồng Phú (Dorufoam) liên tục ra mắt dòng sản phẩm mới, thu hút khách hàng. Đặc biệt, trong năm 2022, Công ty CP Kỹ thuật Đồng Phú đã tổ chức lễ khai trương Công ty TNHH Đầu tư Dorufoam (Campodia) tọa lạc tại thủ đô Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Là đơn vị chịu trách nhiệm phân phối độc quyền các sản phẩm nệm gối cao su thiên nhiên Dorufoam tại thị trường Campuchia.

Đây là sự kiện đánh dấu bước phát triển vươn tầm và củng cố định vị thế, uy tín, chất lượng của sản phẩm nệm gối cao su Đồng Phú. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty TNHH Đầu tư Dorufoam (Cambodia) sẽ tiếp tục mở rộng trụ sở, chi nhánh trên khắp lãnh thổ Campuchia để mang các sản

phẩm nệm gối cao su thiên nhiên Đồng Phú chất lượng đến với đông đảo người tiêu dùng trên đất nước chùa Tháp.

Ông Đàm Duy Thảo – TGD Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú, cho biết, năm 2022, về sản phẩm nệm, công ty sản xuất 12.850 tấm (vượt 8% KH) và tiêu thụ 15.500 tấm (vượt 13% KH). Về sản phẩm gối, công ty sản xuất 50.000 cái (vượt 38% KH) và tiêu thụ 52.000 cái (vượt 36% KH). Tổng doanh thu 79 tỷ đồng (vượt 9% KH); nộp ngân sách nhà nước 10 tỷ đồng (vượt 138% KH). Nhằm tạo điều kiện cho NLĐ trong Tập đoàn sử dụng các sản phẩm do Dorufoam sản xuất với những chính sách ưu đãi nhất, công ty đã triển khai nhiều chính sách bán hàng với giá ưu đãi kèm nhiều quà tặng, thời gian thanh toán linh hoạt, giao hàng tận nơi.



NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

LỢI NHUẬN CỐ ĐỊNH TRONG KHOẢNG TỪ 14 – 32 TRIỆU ĐỒNG/HA/NĂM

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNƯĐCNC) là 1 trong 5 lĩnh vực, ngành nghề chính của VRG được Chính phủ cho phép đầu tư. Các dự án NNƯĐCNC đã triển khai như ở một số đơn vị đã có hiệu quả tốt, góp phần vào việc tăng doanh thu lợi nhuận cho đơn vị, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Điều này minh chứng rằng, chủ trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện NNƯĐCNC của VRG là một chủ trương đúng đắn để phát triển bền vững.



Sau khi thu hoạch, chuối được chuyển về nhà xưởng phân loại theo tiêu chuẩn

Từ năm 2017, khi triển khai thực hiện các dự án cho đến nay bằng việc thử nghiệm trồng chuối cấy mô tại Cao su Dầu Tiếng và Phước Hòa. Và sau này đến các đơn vị khác thì hình thức được lựa chọn nhiều nhất là liên kết, hợp tác với các đối tác. Tuy nhiên, định hướng của lãnh đạo VRG trong thời gian tới, tầm nhìn đến năm 2030 các đơn vị phải làm chủ công nghệ, nắm bắt quy trình thực hiện và tiến tới làm chủ đầu tư các dự án NNƯĐCNC.

Tính đến năm 2022, VRG đã phê duyệt thực hiện tổng cộng 16 dự án tại các công ty thành viên thuộc khu vực Đông Nam bộ và Tây Nguyên với tổng diện tích là 4.857,8 ha. Tuy nhiên khu vực Đông Nam bộ mới triển khai được 26% và khu vực Tây Nguyên là 98,6%. Các loại cây trồng chủ đạo là chuối cấy mô (91%), mít changai, bưởi, cây có múi, sầu riêng...

Về hình thức thực hiện, 100% các dự án NNƯĐCNC đều là dự án hợp tác liên kết trong đó, có vốn chi phối là 117,08 ha (dự án chuối cấy mô của Cao su Dầu Tiếng góp 51%) còn lại là các dự án còn lại có tỷ lệ vốn góp từ 10 – 30%. Số dự án đã được lập để thực hiện trong khu NNƯĐCNC, đã được UBND tỉnh ra Quyết định thành lập là 5 dự án tại các công ty: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Phú Riềng với tổng diện tích là 1.411 ha.



Cao su Bình Long thực hiện trồng chuối công nghệ cao xen canh trong vườn cây kiến thiết cơ bản

Hầu hết các dự án hợp tác liên kết có thời hạn từ 10 - 20 năm, riêng các dự án tại Dầu Tiếng, Lộc Ninh có thời hạn 20 năm. Các đơn vị thu khoản lợi nhuận cố định trong khoảng từ 14 – 32 triệu đồng/ha/năm ngay từ năm thực hiện đến hết thời gian dự án không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh đã góp phần giải quyết các khó khăn trong việc đa dạng hóa cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Trong định hướng giai đoạn từ nay đến 2025, VRG sẽ tiếp tục đầu tư mạnh về lĩnh vực này, phấn đấu đạt mục tiêu tối thiểu 10.000 ha diện tích chuyển đổi mục đích từ trồng cao su sang phát triển các loại cây trồng theo hướng NNƯĐCNC và sẽ tiếp tục mở rộng quy mô phù hợp với quy hoạch của các địa phương trong tầm nhìn dài hạn đến 2030.

CÔNG ĐOÀN CAO SU VIỆT NAM CHĂM LO TỐT ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG



Lãnh đạo VRG và Công đoàn CSVN ký kết Thỏa ước lao động tập thể ngành

Trong năm 2022, Công đoàn Cao su Việt Nam (CD CSVN) đã hoàn thành các nhiệm vụ chính trị và chỉ tiêu được giao. Phong trào công nhân và hoạt động công đoàn luôn luôn đổi mới, sáng tạo, các hoạt động được tổ chức một cách sát thực, hiệu quả hướng về cơ sở, hướng về người lao động (NLĐ). Đời sống vật chất, tinh thần của NLĐ được quan tâm, chăm lo bằng nhiều việc làm cụ thể đã tạo ra niềm tin, sức lan tỏa lớn đối với NLĐ. Công đoàn các cấp luôn đồng hành, vào cuộc cùng doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chủ động, sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm. Công đoàn thực sự trở thành cầu nối đại diện cho NLĐ phản ánh và giải quyết những tâm tư, tình cảm cũng như nguyện vọng của NLĐ đến với người sử dụng lao động một cách có hiệu quả, đồng thời xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, góp phần duy trì và phát triển bền vững của doanh nghiệp và Tập đoàn.

Tổng số lao động năm 2022 là toàn Tập đoàn gần 80.000 người, lao động nữ là 35.502 người, lao động dân tộc thiểu số là 33.376 người. Trong đó có một số

đơn vị do tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn không chiếm tỷ lệ chi phối nên tổ chức công đoàn không trực thuộc Công đoàn Cao su Việt Nam. Tại 62 công đoàn cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc CD CSVN có tổng số lao động là 55.993 người, trong đó lao động nữ là 25.393 người, chiếm 45,35% tổng số lao động; lao động đồng bào dân tộc thiểu số là 17.476 người; lao động là người Việt Nam tại các dự án của Tập đoàn ở Lào và Campuchia là 1.190 người.

Tiền lương bình quân năm 2022 toàn Tập đoàn trên 7,6 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân người lao động toàn Tập đoàn trên 8,5 triệu đồng/người/tháng. Các chế độ, chính sách của người lao động cơ bản được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định... Ngoài tiền lương, người lao động còn tăng gia sản xuất, chăn nuôi, đặc biệt Công đoàn các đơn vị đã chủ động phát động phong trào phát triển kinh tế gia đình giúp người lao động tăng thêm thu nhập.

CD CSVN đã chủ động tổ chức các hoạt động phù hợp trong tình hình mới. Chú trọng chăm lo Tết cho NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, NLĐ ở vùng sâu vùng xa. Tập trung chỉ đạo CD các cấp phát động thi đua từ những ngày đầu tháng đầu, tạo khí thế thi đua sôi nổi ngay từ đầu năm.

Về công tác chăm lo Tết nguyên đán Nhâm Dần 2022 cho NLĐ, Tập đoàn đã soát xét và chi hỗ trợ 6 tỷ 993 triệu đồng từ nguồn quỹ phúc lợi tập trung để thưởng Tết cho NLĐ tại các đơn vị không có nguồn khen thưởng. Ban TGD Tập đoàn và Ban Thường vụ CD CSVN đã tặng 3.521 phần quà, mỗi phần quà trị giá 1 triệu đồng bằng tiền mặt, tổng giá trị 3 tỷ 521 triệu đồng để động viên CNVCLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức chương trình “Tết Sum vầy – Xuân bình an” cho 301 NLĐ trong ngành không có điều kiện về quê ăn Tết ở khu vực TP. Hồ Chí Minh và các vùng lân cận với số tiền 391,3 triệu đồng. Công



Ông Phan Mạnh Hùng
- Chủ tịch Công đoàn
CSVN trao danh hiệu
Bàn tay vàng cho các
thợ giỏi tại Hội thi
năm 2022

đoàn các cấp đã chủ động đề xuất với người sử dụng lao động chi thêm tiền thưởng, thù lao khác, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho NLĐ. Tổng số tiền các đơn vị đã chi cho NLĐ trong dịp tết nguyên đán Nhâm Dần là 312,707 tỷ đồng.

Ngoài ra, các đơn vị cũng đã quan tâm chăm lo cho NLĐ nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm như: Tết Dương lịch 2022, các đơn vị đã chi hơn 20 tỷ đồng tiền thưởng cho CNVCLĐ; Nhân dịp kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4 và Ngày quốc tế Lao động 1/5, các đơn vị cũng đã trích từ quỹ phúc lợi để chi thưởng cho người lao động gần 41 tỷ 251 triệu đồng; Nhân dịp Lễ Quốc khánh 2/9 các đơn vị đã chi thưởng với tổng số tiền 28 tỷ 328 triệu đồng.

Nhằm thực hiện chế độ, chính sách cho NLĐ, các đơn vị tùy theo tình hình SXKD của đơn vị và công tác phòng, chống dịch Covid-19 đã chi tiền, tổ chức tham quan, nghỉ mát cho người lao động. Đã có 26.286 NLĐ của 29 đơn vị tổ chức cho NLĐ đi tham quan, nghỉ mát với tổng số tiền là gần 67,9 tỷ đồng. Các đơn vị cũng đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ với số người được khám là 43.775 người, chiếm tỷ lệ 82,33% tổng số lao động. Về việc thực hiện Nghị quyết 7c/NQ-BCH ngày 25/02/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về chất lượng bữa ăn ca, đã có 30 đơn vị đã thực hiện ăn giữa ca. Trong đó có 17 đơn vị hỗ trợ một phần chi phí vào lương; 6 đơn vị tổ chức ăn tại chỗ với giá từ 10.000 đồng đến 35.000 đồng/bữa; Đã hỗ trợ 11.759 đoàn viên, NLĐ khó khăn với

số tiền hơn 5,7 tỷ đồng, hỗ trợ vốn cho 1.484 gia đình công nhân lao động với số tiền khoảng 13,6 tỷ đồng.

Hoạt động nổi bật nhất của CD CSVN trong năm 2022 đó là tổ chức thành công Tháng công nhân (TCN) với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng hướng về NLĐ, hướng về cơ sở với những hoạt động lấy NLĐ làm trung tâm. Đây là năm thứ 11, CD CSVN tổ chức chương trình Tháng công nhân, các hoạt động được đổi mới về nội dung, tập trung vào việc đảm bảo quyền và lợi ích cho NLĐ bằng nhiều hoạt động như vinh danh Công nhân cao su ưu tú, tặng nhà Mái ấm Công đoàn, xây dựng thiết chế văn hóa, tặng quà cho NLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, NLĐ bị tai nạn lao động trên 31%.

CD CSVN cũng đã chỉ đạo CD các cấp thực hiện tốt chương trình Tháng Công nhân và hưởng ứng Tháng hành động Vì sự an toàn vệ sinh lao động. Có thể khẳng định, chương trình Tháng Công nhân đã được CD các cấp tổ chức có hiệu quả và được NLĐ tham gia hưởng ứng sôi nổi.

Nhiều hoạt động nổi bật trong TCN năm 2022 như: Tuyên dương 233 “Công nhân cao su ưu tú”; Ký kết chương trình phúc lợi đoàn viên với Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch & Thương mại TST; Trao 60 căn nhà “Mái ấm Công đoàn” cho đoàn viên công đoàn, CNVC – LĐ có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 3 tỷ đồng, hỗ trợ sửa chữa 10 căn nhà với số tiền 240 triệu đồng, hỗ trợ 19 trường hợp bệnh hiểm nghèo với số tiền 190 triệu đồng cho các đơn vị; Thăm hỏi,



Năm 2022, CĐ CSVN đã phối hợp với VRG tổ chức thành công Hội thao CNVC - LĐ



Ông Trần Ngọc Thuận - TV HĐQT VRG, Chủ tịch Hiệp hội CSVN, Chủ tịch Quỹ khuyến học 28.10 trao học bổng cho HSSV

Nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho CB.CNVC - LĐ, năm 2022, CĐ CSVN và Ban TGD VRG đã ký kế hoạch liên tịch tổ chức Hội thao CNVC - LĐ tại 5 khu vực, diễn ra từ đầu tháng 8 đến hết tháng 9 với 6 bộ môn: bóng đá mini, cầu lông, quần vợt, bóng bàn, cờ tướng, kéo co với sự tham gia của 1.450 vận động viên, tổng chi phí thực hiện hơn 2,5 tỷ đồng. Dịp này, CĐ CSVN đã chi gần 900 triệu đồng (40%) để tổ chức Hội thao CNVC - LĐ.

động viên 92 công nhân bị tai nạn lao động với tỷ lệ thương tật trên 31%, với số tiền 92 triệu đồng; Thực hiện chương trình “Ánh sáng Công đoàn” với số tiền 1 tỷ đồng cho 17 đơn vị, trong đó ưu tiên thực hiện các công trình về nước sạch, pin năng lượng mặt trời nhằm hỗ trợ đời sống NLĐ tại vùng sâu, vùng xa nơi chưa có nguồn điện và nước sạch sinh hoạt. Thăm hỏi, động viên và tặng quà cho công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại 76 đơn vị, dự án, mỗi đơn vị 5 triệu đồng, với tổng số tiền 380 triệu đồng. Thực hiện quy chế phối hợp với các LĐLĐ có công ty cao su đứng chân, CĐ CSVN trao tặng 02 căn nhà “Mái ấm Công đoàn” cho LĐLĐ tỉnh Gia Lai và LĐLĐ tỉnh Quảng Trị, 02 căn nhà cho LĐLĐ tỉnh Bình Phước, 01 căn cho công nhân khó khăn tại Công ty Than Núi Béo thuộc Tập đoàn Than Khoáng sản VN với số tiền 50 triệu đồng/căn. Công đoàn Than - Khoáng sản VN cũng đã trao tặng Công đoàn Cao su Việt Nam 02 căn nhà Mái ấm Công

đoàn trị giá mỗi căn là 60 triệu đồng.

Tổng kết TCN năm 2022, BTV CĐ CSVN đã trao thưởng cho 30 đơn vị với số tiền 35,7 triệu đồng; khen thưởng chương trình 1 triệu sáng kiến cho 13 tập thể với số tiền 15,5 triệu đồng, 10 cá nhân với số tiền 20 triệu đồng. Tổng kinh phí cho các hoạt động trong TCN của cấp công đoàn ngành đã thực hiện trên 7 tỷ đồng.

Ở cấp cơ sở, các đơn vị đã chi hơn 24 tỷ đồng cho các hoạt động điển hình trong TCN như: tuyên truyền, vận động NLĐ tích cực hưởng ứng các hoạt động của TCN, các chương trình VHVN - TDTT; Tổ chức thăm hỏi, tặng quà 296 CNLĐ bị tai nạn lao động với tỷ lệ thương tật dưới 31%, tổng số tiền 162,7 triệu đồng; thăm hỏi, tặng quà cho 2.097 CNLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với số tiền gần 1,2 tỷ đồng và 2.041 CNLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, số tiền gần 1,2 tỷ đồng; trao 30 căn nhà và sửa chữa 17 căn nhà “Mái ấm Công đoàn”, 04 căn nhà mái ấm tình thương cho đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với tổng số tiền gần 2 tỷ đồng và xây dựng 78 công trình thiết chế văn hóa với số tiền gần 1,6 tỷ đồng nhằm chăm lo tốt hơn đời sống tinh thần cho CNVCLĐ.

Bão số 4 Noru (cơn bão số 4) đổ bộ vào khu vực miền Trung vào cuối tháng 9/2022 đã gây ảnh hưởng nặng nề tới 04 đơn vị trong ngành: CTCS Quảng Nam, CTCS Nam Giang - Quảng Nam, CTCS Quảng Ngãi, CTCP Phát triển Cao su Nghệ An bị lũ quét sau bão. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã chi hỗ trợ cho mỗi đơn vị 100 triệu đồng. CĐ CSVN cũng trích từ Quỹ Mái ấm Công đoàn chi hỗ trợ cho các gia đình

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN:

Kết nạp được 5.896/1.500 đoàn viên, đạt 393,1%.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG:

Giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam 633/280 đoàn viên đạt 226,1%

Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp: 18/18 đơn vị, đạt 100%. Kiểm tra tài chính tại công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước: 5/5 đơn vị, đạt 100%. Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc tại doanh nghiệp nhà nước 45/45, đạt 100%.

bị ảnh hưởng bão: CTCS Quảng Nam 60 triệu đồng và CTCS Nam Giang - Quảng Nam 30 triệu đồng, CTCP Phát triển Cao su Nghệ An 63 triệu đồng. Các đơn vị đã hỗ trợ xây mới và sửa chữa 85 căn nhà “Mái ấm công đoàn” chi phí hơn 3,6 tỷ đồng; hỗ trợ 76 trường hợp bệnh hiểm nghèo với số tiền 345,3 triệu đồng.

6 tháng cuối năm, ngành cao su gặp nhiều khó khăn do giá mủ cao su giảm mạnh, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD và thu nhập của NLĐ. Trước tình hình đó, CĐ CSVN phối hợp với chính quyền phát động phong trào thi đua hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD, Thi đua nước rút 4 tháng cuối năm, lập thành tích chào mừng Kỷ niệm 93 năm ngày truyền thống ngành và chào mừng Đại hội CĐ các cấp... Có thể nói phong trào thi đua đã đẩy lên tinh thần thi đua sôi nổi, tạo ra khí thế thi đua rộng khắp trên các lĩnh vực, ngành nghề trong toàn VRG, góp phần giúp các đơn vị nói riêng và VRG nói chung hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

CĐ CSVN cũng đã tập trung phát động có hiệu quả phong trào Luyện tay nghề - Thi thợ giỏi, phối hợp với chính quyền tổ chức thành công Hội thi Bàn tay vàng lần thứ XIII. Kết quả của Hội thi cho thấy hiệu quả thiết thực của phong trào Luyện tay nghề - Thi thợ giỏi, đó là trình độ tay nghề của NLĐ ngày càng nâng lên rõ rệt, các thợ giỏi đã góp phần to lớn vào thắng lợi giòn giã của lĩnh vực nông nghiệp với việc năm 2022 nhiều đơn vị về đích trước kế hoạch, góp phần vào kết quả chung, giúp VRG về đích trước 15 ngày.

Về công tác xã hội, trong năm 2022, các đơn vị đã thực hiện công tác xã hội với số tiền gần 5 tỷ đồng nhằm hỗ trợ các địa phương nơi đơn vị đóng chân

để chăm lo cho người dân trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần, ủng hộ các quỹ tại địa phương, và hoạt động phòng chống dịch Covid-19 và chăm sóc 27 bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Một số nhiệm vụ trọng tâm hoạt động năm 2023:

Năm 2023, tập trung tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới; Rà soát, đánh giá các chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội công đoàn các cấp, Nghị quyết Đại hội VIII Công đoàn Cao su Việt Nam; Vận động đoàn viên, công nhân viên chức lao động đoàn kết, đồng lòng, phát huy tinh thần trách nhiệm, vai trò tiên phong, gương mẫu, tích cực tham gia và tổ chức thành công đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội IX Công đoàn Cao su Việt Nam và Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Đảng ủy Tập đoàn về chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ, tổ chức phong trào công nhân và hoạt động công đoàn thiết thực, đi vào chiều sâu.

Đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiếp tục đổi mới, sáng tạo, tìm tòi nhiều giải pháp nhằm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ, tuyên truyền, giáo dục, vận động NLĐ ra sức thi đua lao động, sản xuất, nâng cao năng suất lao động, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ về SXD, nhiệm vụ chính trị của đơn vị góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của Tập đoàn trong năm 2023.



04

PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



Đại diện lãnh đạo Cao su Bình Long (thứ 3 từ phải qua) nhận thưởng Top 10 Doanh nghiệp bền vững lĩnh vực sản xuất

VRG THỰC HIỆN TỐT QUẢN LÝ RỪNG CAO SU BỀN VỮNG

VRG luôn xác định vai trò tiên phong và điển hình trong việc phát triển bền vững ngành cao su và chứng chỉ quản lý rừng bền vững đối với rừng cao su. Phát triển bền vững cũng là một trong những chủ trương quan trọng của VRG nhằm thực hiện đồng thời 3 mục tiêu: Phát triển kinh tế – Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Mở rộng diện tích cao su được quản lý bền vững và cấp chứng chỉ rừng

Năm 2022 là năm thứ tư Tập đoàn thực hiện Chương trình Phát triển bền vững giai đoạn 2019 – 2024. Nổi bật là tiến trình tái kết nối với FSC vẫn được tiếp tục vì có ý nghĩa quan trọng, tác động tích cực đến thương hiệu của Tập đoàn. VRG đã tích cực triển khai các bước trong lộ trình tái kết nối với FSC theo điều

khoản tham chiếu (ToR). Hiện nay đã hoàn thành bước “Xây dựng phương pháp luận lập bản đồ số GIS”, Tập đoàn đang tiến hành trao đổi với bên thứ 3 độc lập do FSC chỉ định để thực hiện bước 2 và 3 trong điều khoản tham chiếu. Dự kiến sau khi được tái kết nối, VRG tiếp tục thực hiện song hành các yêu cầu theo lộ trình đã được FSC phê duyệt.

Về việc thực hiện Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS/FM) và Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC/CoC) cho các đơn vị thành viên. Tính đến nay, Tập đoàn có 21 công ty thành viên đã hoàn thành Phương án QLRBV đạt 249.169,6 ha (86% trên tổng diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam). 17 công ty thành viên VRG được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia VFCS/PEFC-FM với trên 109.102 ha cao su. Trong đó, số lượng các công ty

“

Tập đoàn tiếp tục kiên trì và phối hợp với FSC để có được chứng nhận FSC trong thời gian sớm nhất

đạt 100% diện tích có chứng chỉ là 08 công ty: Bà Rịa, Bình Long, Phú Riềng, Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Phú, Bình Thuận, Sa Thầy. Có 28 nhà máy chế biến cao su thiên nhiên và 2 nhà máy chế biến gỗ đã được cấp chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế PEFC-CoC. Theo đó hàng năm có thể cung cấp sản lượng lớn mủ cao su có chứng chỉ PEFC. Năm 2023 các công ty thành viên Tập đoàn đã cung cấp hơn 41.500 tấn mủ cao su có chứng nhận PEFC với giá trị bằng và cao hơn so với chủng loại cùng thời điểm.

Đến nay, Công ty CP Cao su Chư Sê - Kampong Thom tại Vương quốc Campuchia cũng đã hoàn thành đánh giá cấp chứng nhận PEFC-CoC- CS (nguồn có kiểm soát) cho toàn bộ diện tích của công ty.

Năm 2022 là năm thứ tư liên tiếp các công ty thành viên Tập đoàn triển khai thực hiện Chứng nhận doanh nghiệp bền vững do Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp tổ chức. Tập đoàn có 18 Công ty thành viên đạt Top 100, trong đó, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long đã xuất sắc đạt Top 10; Tổng Công ty cao su Đồng Nai đạt giải thưởng phụ về “Doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm tôn trọng quyền con người và quyền trẻ em”.

VRG luôn thân thiện môi trường và hỗ trợ cộng đồng

VRG xác định doanh nghiệp phát triển bền vững là một trong những chủ trương quan trọng trong hoạt động của ngành Cao su Việt Nam, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Tập đoàn xây dựng các chính sách, chương trình phát triển bền vững giai đoạn 2019 – 2024 với 10 mục tiêu cụ thể là nền tảng và định hướng cho hoạt động phát triển bền vững của toàn Tập đoàn. Chiến lược phát triển bền vững của VRG cũng xác định trách nhiệm xã hội của VRG và các thành viên đã và sẽ được thực hiện trong suốt quá



trình phát triển VRG. Quyền lợi hợp pháp, thu nhập và đời sống của người lao động luôn được đảm bảo theo quy định của pháp luật và gắn kết với thành quả sản xuất kinh doanh.

VRG luôn quán triệt các đơn vị thành viên của VRG trả lương đúng, đủ cho người lao động theo quy định. Người lao động đều được ký hợp đồng lao động, cấp trang phục, vật dụng bảo hộ và an toàn lao động, trường hợp các công nhân làm việc dài hạn và gia thuộc còn được cấp nhà ở và điện, nước. Hiện nay, người lao động tại công ty thành viên tại Việt Nam, Lào và Campuchia đều đạt mức lương bình quân cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại địa phương.

Mức thu nhập bình quân năm 2022 toàn Tập đoàn là 8,44 triệu đồng/người/tháng. Tại Việt Nam, thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 là 8,8 triệu đồng đồng/người/tháng. Tại Campuchia, mức thu nhập bình quân của người lao động là 7,8 triệu đồng/người/tháng (khoảng 338 USD/người/tháng), cao hơn nhiều so với mặt bằng thu nhập chung của lao động hiện nay tại quốc gia này. Tại Lào, ước mức thu nhập bình quân của người lao động là 7,3 triệu đồng/người/tháng (khoảng 314 USD/người/tháng), cao hơn nhiều so với mặt bằng thu nhập chung hiện nay tại Lào.

Trong năm 2022, tại Campuchia, VRG đã tiếp tục đầu tư nhiều các công trình phúc lợi, an sinh xã hội; công trình kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước bao gồm: nhà ở công nhân bán kiên cố (3.705 m²); nhà xây đơn lập và tập thể (7.067 m²); giếng khoan (14 cái); công trình tôn giáo (700 m²); trường học (257 m²); hệ thống điện sinh hoạt (19 km); cầu, ngầm tràn, cống thoát nước (39 cái); đường giao thông (157 km) đã góp phần nâng cao đời sống của người lao động, cộng đồng dân cư quanh vùng dự án, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội của đất nước Campuchia.

Quan hệ truyền thống với cộng đồng địa phương được nâng cao hơn nữa qua sự đóng góp liên tục của VRG trong chương trình xây dựng nông thôn mới và



xóa đói giảm nghèo của Chính phủ. Trong quá trình đầu tư ra nước ngoài tại Lào và Campuchia, nhiều công trình đầu tư an sinh xã hội của VRG và các thành viên đã được Chính phủ nước sở tại đánh giá cao và công bố trên nhiều phương tiện truyền thông, đồng thời, được người dân địa phương ngày càng tin tưởng, trong đó, nhiều người dân đã trở thành công nhân, cán bộ gắn bó với các công ty thuộc VRG.

Phát huy thành quả đã đạt được, VRG tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng diện tích rừng cao su được quản lý bền vững và cấp chứng chỉ rừng trong thời gian tới. Chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và phát triển thị trường nguyên liệu gỗ hợp pháp, nguyên liệu sạch có truy xuất nguồn gốc cho ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu. Đây cũng là sự khẳng định tính chủ động trong việc thực

thi quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, đặc biệt khi hệ thống chứng chỉ rừng của Việt Nam đã được công nhận trên toàn thế giới.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một giải pháp thiết thực giúp cải thiện hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giúp bảo tồn nguồn năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. hiên liệu Biomass từ mùn cưa, dăm gỗ, phụ phẩm nông nghiệp... được chuyển thành năng lượng lò hơi phục vụ cho sản xuất - thân thiện với môi trường. VRG đã hoàn chỉnh đưa vào sử dụng 11 hệ thống lò hơi Biomass riêng cho sấy mủ cao su thiên nhiên chiếm tương đương 10% năng lượng sử dụng, giúp tiết kiệm ít nhất 20% so với lò sấy thông thường và dự kiến sẽ tăng số lượng lò sấy Biomass trong những năm tới.

Năng lượng điện mặt trời năm qua không tăng tổng diện tích lắp đặt nhưng, số lượng điện mặt trời

đã lắp đặt đã cung cấp 10.112.25 kWp (tương đương với việc giảm phát thải 10.321,3 tấn CO₂/năm).

Trong năm 2022 lượng điện sinh ra từ hệ thống ước đạt: 11.298.420 kWh, trong đó các nhà máy của công ty đã tiêu thụ: 2.485.652 kWh chiếm 22% sản lượng điện mặt trời (do năm thời tiết mưa nhiều nên sản lượng hệ thống sinh ra giảm so với công suất thực tế)

Kết quả hưởng ứng các sự kiện bảo vệ môi trường

Tập đoàn đã tiến hành phổ biến các nội dung có liên quan và hướng dẫn các hình thức tổ chức hoạt động đến các phòng ban chuyên môn, các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn và đã huy động sự nỗ lực của toàn thể người lao động hãy hành động vì môi trường, hướng tới phát triển bền vững tại văn bản số 2872/CSVN-CN ngày 06/10/2022 theo chủ đề "Cùng hành động để thay đổi thế giới". Kết quả như sau:

Tổng số lượt người tham gia 28.408 người; số lượng băng rôn tuyên truyền: 789 chiếc; khởi công cống rãnh 158.330 m; phát quang bụi rậm 32.200 m²; thu gom xử lý rác trên 94.742 kg rác các loại, thu gom tái chế 1.790 kg rác; vệ sinh khu vực công cộng, đường giao thông, nhà xưởng, cơ quan đơn vị, vườn cây và khu dân cư: 1.572 ha và 248 buổi; khởi công, khánh thành, bàn giao 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung và 10 hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong vườn cây cao su, 51 thùng đựng rác phục vụ phân loại rác nơi công cộng, 40 hệ thống năng lượng mặt trời phục vụ chuyển đổi sử dụng năng lượng sạch, 02 tuyến đèn đường công cộng; trồng và chăm sóc cây: 16.635 cây; tổ chức tuyên truyền với 103 buổi và 7.892 người tham gia; bóc xóa quảng cáo trên tường, đường cho 70 km; và xóa bỏ 50 bãi rác tự phát.



VRG

TIỀN PHONG PHÁT TRIỂN CAO SU BỀN VỮNG Ở CAMPUCHIA



Chuyên gia chia sẻ tại hội thảo tham vấn “Xây dựng nội dung hợp tác giữa VRG và Oxfam Campuchia trong chương trình Quản trị đất đai tiểu vùng Mê Kông giai đoạn III”, vào ngày 17/10/2022.

Mặc dù chỉ hơn 1 năm VRG hợp tác với Oxfam Campuchia, nhưng bằng sự nỗ lực của hai bên đã đem lại nhiều thành quả tích cực. Qua đó, góp phần xây dựng và triển khai chương trình phát triển bền vững dài hạn của Tập đoàn, với nhiệm vụ kết nối và phát triển cộng đồng giữ vai trò then chốt. VRG được đánh giá là doanh nghiệp tiên phong phát triển cao su bền vững ở Campuchia.

Triển khai rộng khắp chương trình kết nối cộng đồng

VRG có địa bàn hoạt động rộng lớn ở tiểu vùng Mê Kông. Tập đoàn không những đóng góp quan trọng trong việc phát triển ngành cao su, đến quản lý rừng bền vững mà còn có tầm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, môi trường và xã hội của các cộng đồng dân cư nơi VRG hoạt động cũng như ở các thị trường tiêu thụ.

Trong nỗ lực để hiện thực hóa những mong muốn và cam kết đối với phát triển bền vững (PTBV), VRG xác định chương trình kết nối cộng đồng (KNCD) là một trong những khâu then chốt để giúp Tập đoàn có thể tiếp cận được sâu sắc hơn, hiểu rõ hơn và thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động nhằm đảm bảo các cam kết của doanh nghiệp trong kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu của thị trường về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Chia sẻ về triển khai chương trình phát triển bền vững dài hạn của Tập đoàn ở Campuchia, ông Trương Minh Trung – Phó TGD VRG, cho biết, trong thời gian qua được sự hỗ trợ của tổ chức Oxfam Việt Nam và Campuchia, Tập đoàn đã có những kết quả nhất định. Tháng 4/2021, Tập đoàn đã ký kết Biên bản ghi nhớ với Oxfam Campuchia và Văn phòng đại diện của VRG tại Campuchia về việc hợp tác 3 bên thực hiện sổ tay kết nối cộng đồng, áp dụng “Hướng dẫn tự nguyện về giảm thiểu rủi ro môi trường và xã hội đối với đầu tư nông nghiệp tại tiểu vùng Mekong”; thực hiện nghiên cứu liên quan đến giới tính (phụ nữ) tại nơi làm việc.

“Mặc dù chỉ mới trải qua hơn 1 năm hợp tác với Oxfam tại Campuchia, bằng sự nỗ lực của các bên, việc hợp tác đã đem lại nhiều thành quả rất đáng khích lệ, như: Đã xây dựng thành công và ban hành Sổ tay hướng dẫn kết nối cộng đồng trong quản lý rừng cao su bền vững tại Campuchia và được phiên dịch và in ấn thành nhiều ngôn ngữ khác nhau phù hợp cho từng đối tượng. Sổ tay được xây dựng không chỉ đáp ứng các quy định của nước sở tại, phù hợp với chính sách của các tổ chức cấp chứng chỉ rừng quốc tế mà còn lồng ghép một số các nguyên tắc FPIC (Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, có trước và được thông tin đầy đủ)” - ông Trương Minh Trung, cho biết.

“

“Sự hợp tác thành công giữa VRG và Oxfam đã đem lại nhiều lợi ích cho Tập đoàn đến các công ty thành viên về vấn đề cộng đồng, hoàn thiện hệ thống quản lý theo yêu cầu của hệ thống quản lý hiện nay. Ngoài ra, thông qua các tổ chức NGOs giúp cho các doanh nghiệp nói lên tiếng nói, xác minh những kết quả thực hiện một cách khác quan trung thực. Và cuối cùng minh chứng cho sự thành công hợp tác giữa các tổ chức NGOs và các doanh nghiệp nói chung” - ông Trương Minh Trung – Phó TGD VRG, nhận định.



VRG đã ban hành Sổ tay hướng dẫn kết nối cộng đồng trong quản lý rừng cao su bền vững tại Campuchia

Bên cạnh đó, Oxfam Campuchia cùng với các chuyên gia đã hỗ trợ triển khai một loạt các hoạt động về về KNCD phù hợp và bình đẳng giới, như: rà soát hồ sơ, triển khai Tập huấn, tham vấn cộng đồng cho 3 công ty thí điểm (Cao su Chư Sê Kampong Thom, Đồng Nai Kratie và Krông Buk Ratanakiri). Với những những hoạt động trên đã đưa sổ tay KNCD vào áp dụng thực tế, từ đó đúc kết kinh nghiệm, đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, nhân sự phụ trách cộng đồng có kỹ năng, kinh nghiệm ngày càng tốt hơn, tạo được sự lan tỏa trong toàn Tập đoàn.

Nhiều cơ hội trên con đường phát triển bền vững dài hạn

Với nhận thức rõ về những xu hướng phát triển quan trọng của thế giới, các yêu cầu của thị trường và ý thức về vai trò quan trọng đối với xã hội, Tập đoàn đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh, cam kết với các trách nhiệm xã hội nhằm phát triển ngành cao su bền vững, mang lại lợi ích lâu dài cho các cộng đồng nơi VRG hoạt động.

Tại hội thảo tham vấn “Xây dựng nội dung hợp tác giữa VRG và Oxfam Campuchia trong chương trình

Quản trị đất đai tiểu vùng Mê Kông giai đoạn III”, vào ngày 17/10/2022, do Oxfam Campuchia chủ trì, bà Sophoan Phean – Giám đốc Oxfam Campuchia, nhận định, VRG đã đầu tư nhiều kinh phí cho các hoạt động an sinh xã hội hướng đến NLD và cộng đồng địa phương. Các kênh thông tin nội bộ đã được triển khai và duy trì tương đối tốt.

Trong thời gian tới, VRG và Oxfam Campuchia sẽ tiếp tục đẩy mạnh sự hợp tác giữa doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ vì mục tiêu PTBV của doanh nghiệp và phát triển của cộng đồng, xã hội. VRG có nhiều cơ hội trên con đường PTBV dài hạn, cụ thể: Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi luật lâm nghiệp, quản lý rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT), Hiệp định thương mại tự do Châu Âu – Việt Nam (EVFTA). Cơ hội hợp tác giữa các tổ chức xã hội, NGOs với các doanh nghiệp trong việc thúc đẩy, hỗ trợ và giám sát thực thi các cam kết, nguyên tắc bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

“Kinh nghiệm đúc rút thời gian qua cho thấy, với 3 công ty đã tham gia thí điểm ở Campuchia, tiếp tục cụ thể hóa hơn nữa tầm nhìn chiến lược PTBV của công ty. Từ đó tích hợp các nội dung về KNCD trong các chính sách, kế hoạch SXKD một cách phù hợp với mục tiêu và lộ trình thực hiện chiến lược PTBV, chứng chỉ rừng của công ty. Nên rà soát lại và xây dựng chương trình hoạt động KNCD với tầm nhìn dài hạn hơn và có sự gắn kết với các phân tích tác động xã hội môi trường và hài hòa với các mục tiêu PTBV. Cụ thể các hoạt động KNCD trong kế hoạch hàng năm của công ty. Quan tâm hơn nữa đến việc đánh giá tác động từ hoạt động KNCD của công ty” - Bà Sophoan Phean, nhận định.

Với những kết quả tích cực đã đạt được, VRG sẽ tiếp tục mở rộng các hoạt động tới tất cả các công ty thành viên đầu tư tại Campuchia. Trong giai đoạn 2023 – 2025, VRG và Oxfam Campuchia sẽ thiết kế các hoạt động cụ thể nhằm hỗ trợ các công ty với mục tiêu kinh doanh có trách nhiệm và bền vững, tuân theo các nguyên tắc toàn cầu.

“TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VRG GẮN VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC”

Chương trình Phát triển bền vững của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được xây dựng trên 3 trụ cột chính: Kinh tế, Xã hội và Môi trường, gồm những hoạt động cụ thể nhằm tuân thủ chính sách của Việt Nam, thực hiện Chiến lược của Tập đoàn và đáp ứng xu hướng của xã hội. VRG cam kết sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và của Liên Hiệp Quốc. VRG cũng yêu cầu các nhà cung ứng áp dụng các quy tắc theo các cam kết phát triển bền vững của VRG.

1 XÓA NGHÈO 2 KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI 3 SỨC KHỎE VÀ CÁCH SỐNG TỐT 4 GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG 5 BÌNH ĐẲNG GIỚI 6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH 7 HÀNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ 8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 9 CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG 10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG 11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG 12 TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM 13 HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU 14 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN 15 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐẤT LIỀN 16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẸ 17 QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỚI CÁC MỤC TIÊU		
TT	Mục tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc và Việt Nam đến 2030	Cam kết của VRG về thực hiện SDGs
	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Bảo đảm lương và thu nhập của người lao động cao hơn mức tối thiểu trong vùng theo quy định của quốc gia.
	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Đảm bảo không có người lao động nào bị đói. Thực hiện quy trình sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, tăng năng suất, cải thiện thu nhập. Tạo điều kiện đa dạng cây trồng, phát triển nông lâm kết hợp góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho người lao động và cộng đồng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến tiến bộ khoa học công nghệ, sử dụng bộ giống và kỹ thuật thích hợp có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, không làm mất đa dạng sinh học, đa dạng di truyền để tạo tuyển giống cây cao su tiến bộ liên tục, cải tạo đất với giải pháp thân thiện, không sử dụng hóa chất bị cấm. Hỗ trợ hộ cao su tiểu điền qua đào tạo, mua mủ cao su với giá cạnh tranh, áp dụng hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ theo pháp luật và chính sách phát triển bền vững. Hạn chế rủi ro do biến động về giá và thị trường. Đạt được chứng nhận về phát triển bền vững, đầu tư có trách nhiệm, đảm bảo chất lượng và uy tín trong thương mại.

	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi	Tất cả người lao động được khám sức khỏe định kỳ, phòng chữa bệnh kịp thời, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ chế độ theo pháp luật. Hỗ trợ thân nhân của người lao động trong phòng chống, chữa bệnh. Đóng góp xây dựng trạm y tế, bệnh viện trong vùng dự án cho người lao động và cộng đồng địa phương. Xử lý tốt các loại chất thải; không gây ô nhiễm môi trường. Tập huấn và trang bị đầy đủ để đảm bảo an toàn lao động. Sản phẩm an toàn cho người sử dụng.
	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	Đào tạo cho người lao động để thực hành tốt công việc và tăng năng suất. Tạo điều kiện được học tập suốt đời để nâng cao kỹ năng làm việc và hòa nhập với chuyển biến của xã hội, xu thế phát triển bền vững. Tạo điều kiện, đóng góp và khuyến khích việc học tập cho con em của người lao động.
	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái	Không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng lao động, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, đảm bảo quyền lợi nữ lao động theo pháp luật. Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở tất cả các cấp. Tăng cường công nghệ, thiết bị để tạo thuận lợi cho công việc giao phụ nữ phụ trách. Không sử dụng lao động trẻ em.
	Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người	Tạo nguồn nước sạch an toàn và giá cả phù hợp cho người lao động, chú ý đến nhu cầu của phụ nữ và người yếu thế. Không tác hại đến chất lượng nước (không xả rác thải, hóa chất, vật liệu độc hại vào nguồn nước). Tiết kiệm nước, xử lý nước thải theo tiêu chuẩn quốc gia và tái sử dụng nước ở mức đáng kể. Bảo vệ nguồn nước qua phục hồi hệ sinh thái (rừng, sông suối, nước ngầm, hồ chứa...). Kết nối cộng đồng địa phương để duy trì, cải thiện, quản lý nguồn nước sạch.
	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người	Tăng cường áp dụng năng lượng sạch, tái tạo, hiệu quả, bền vững (sử dụng ánh sáng tự nhiên, điện mặt trời, dầu DO thay dầu diesel, năng lượng biomass...) với giá cả phù hợp trong chuỗi cung ứng và trong sinh hoạt của các gia đình người lao động.
	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người	Cải tiến quản lý và kỹ thuật liên tục, tạo năng suất cao, giá trị gia tăng và bền vững cho rừng cây cao su, các nhà máy và cho người lao động với mức thu nhập cao hơn trung bình cùng ngành nghề trong khu vực. Xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và lao động trẻ em. Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo pháp luật và theo Công ước Lao động quốc tế (ILO).



	Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới	Đảm bảo các công trình cơ sở hạ tầng có chất lượng, bền vững, thân thiện với môi trường, khả năng chống chịu cao, được sửa chữa kịp thời, sử dụng công bằng, hợp lý. Hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi tập thể. Thúc đẩy công nghiệp hóa qua phát triển sản phẩm cao su và sản phẩm gỗ cao su có giá trị gia tăng cao.
	Giảm bất bình đẳng trong xã hội	Đảm bảo cơ hội bình đẳng, không phân biệt đối xử, áp dụng nguyên tắc đối xử đặc biệt theo quy định của pháp luật. Tăng cường kết nối cộng đồng, tôn trọng quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế.
	Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng	Xây dựng, tạo không gian xanh cho khu nhà ở của người lao động và cơ sở làm việc với các hệ thống tiện ích an toàn, giá cả hợp lý, quy hoạch phù hợp, dễ tiếp cận, không phát thải gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh.
	Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững	Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, kỹ thuật tốt nhất theo quy định, hạn chế hoặc không đốt lửa trong rừng cao su, giám sát và báo cáo các đám cháy. Nghiên cứu và đào tạo để cải tiến kỹ thuật liên tục. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường, kiểm soát và hạn chế sử dụng hóa chất, tái chế, tái sử dụng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và xử lý chất thải theo quy định. Phấn đấu đạt chứng nhận bền vững của ISO, CSI 100, PEFCFM, PEFC-CoC, FSC, Ecovadis... cho mặt hàng cao su thiên nhiên, gỗ cao su và sản phẩm cao su. Có kế hoạch và quản lý diện tích, sản lượng cao su qua bản đồ số (GIS). Có chính sách mua sắm bền vững, phù hợp với chính sách quốc gia và hệ thống chứng nhận chọn lọc.
	Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai	Nghiên cứu cải tiến liên tục quy trình kỹ thuật và bộ giống cao su chống chịu tốt với biến đổi khí hậu. Đánh giá rủi ro và xây dựng phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu và khắc phục tác hại do thiên tai.



	Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững	Tham gia ủng hộ các hoạt động, truyền thông về bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi biển. Tuyên truyền, hướng dẫn người lao động ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm biển, không sử dụng, không tiêu thụ sản phẩm từ biển liên quan đến các hoạt động tác hại biển bị pháp luật ngăn cấm.
	Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất	Xây dựng và thực hiện các phương án quản lý rừng cao su bền vững, giám sát (qua GIS) và có báo cáo về quản lý rừng; ngăn chặn phá rừng, mất rừng, chuyển đổi hệ sinh thái tự nhiên từ sau năm 2015; phục hồi và bảo tồn rừng, hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; đánh giá trữ lượng carbon và giá trị bảo tồn cao; cấm săn bắt, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rừng bất hợp pháp. Không trồng cao su, khai thác trên đất than bùn ở bất cứ độ sâu nào. Bảo vệ hành lang sông suối. Áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Giảm thiểu hóa chất và không sử dụng hóa chất cấm. Các nhà cung ứng phải thực hiện quy tắc này. Thực hiện lộ trình đến 2030 có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia và quốc tế (VFCS, PEFC, FSC) cho tất cả diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Đánh giá, báo cáo tác động xã hội và môi trường theo quy định.
	Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp	Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan đến mục tiêu này. Phòng chống tham nhũng và hối lộ. Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả ở các cấp. Tôn trọng quyền hợp pháp và chính đáng của cộng đồng và các bên liên quan được Việt Nam cam kết với Liên Hiệp Quốc và các công ước quốc tế (ILO).
	Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững	Cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, Có quy trình xử lý khiếu nại. Xây dựng báo cáo theo quy định quốc gia, hướng đến báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm huy động, chia sẻ kiến thức, công nghệ, nguồn lực và nâng cao năng lực để đạt các mục tiêu phát triển bền vững.

Để thực hiện các cam kết trên, Tập đoàn xây dựng kế hoạch hành động cụ thể hàng năm cho Chương trình Phát triển bền vững từng giai đoạn, căn cứ trên chính sách của Nhà nước và các hiệp định mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hiệp Quốc về phát triển bền vững, đồng thời, căn cứ trên kết quả, điều kiện khả thi và mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	106
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	108
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	110
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	114
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	115
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	117



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần tên giao dịch quốc tế Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company (tên viết tắt: VRG), sau đây gọi tắt là 'Tập đoàn' trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tổng Công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 04 tháng 03 năm 2014.

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 06 năm 2018. Vốn điều lệ của Tập đoàn sau khi chuyển thành Công ty cổ phần là 40.000.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tập đoàn được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 với mã chứng khoán GVR.

Từ ngày 09 tháng 3 năm 2020 Cổ phiếu của Tập đoàn giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán GVR.

- Trụ sở chính : Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ giao dịch : Số 177 Hai Bà Trưng, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 932 5234 - 0283 932 5235
- Fax : 0283 932 7341

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Công Kha	Chủ tịch
Ông	Huỳnh Văn Bảo	Thành viên
Ông	Trần Ngọc Thuận	Thành viên
Ông	Lê Thanh Hưng	Thành viên
Ông	Phạm Văn Thành	Thành viên
Ông	Hà Văn Khương	Thành viên
Ông	Phan Mạnh Hùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Hay	Thành viên

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Đỗ Khắc Thắng	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông	Võ Văn Tuấn	Thành viên



Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Thanh Hưng	Tổng Giám đốc
Ông	Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Đỗ Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Huỳnh Kim Nhựt	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty mẹ Tập đoàn là 3.838.821.072.307 đồng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng, duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 

Lê Thanh Hưng
Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 28/03/2023, từ trang 05 đến trang 71, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0448-2023-126-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
Ngày 29 tháng 03 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Thủy Dương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số 2879-2023-126-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.395.887.056.867	22.769.352.069.241
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	4.370.292.544.522	5.303.619.340.768
111	1. Tiền		2.524.970.651.890	2.340.811.387.448
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.845.321.892.632	2.962.807.953.320
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	11.211.639.477.968	10.279.304.670.167
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.163.634.161	1.163.634.161
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(68.237.000)	(68.237.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.210.544.080.807	10.278.209.273.006
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.731.930.551.368	2.849.079.360.558
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.449.219.403.616	1.305.815.350.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	449.167.018.142	510.863.626.115
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	10.547.295.649	10.520.019.690
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	1.022.960.729.759	1.185.333.501.814
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(235.602.862.011)	(196.187.968.095)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.07.01	35.638.966.213	32.734.830.499
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	4.115.559.185.816	3.470.646.319.623
141	1. Hàng tồn kho		4.216.169.532.635	3.532.984.204.833
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(100.610.346.819)	(62.337.885.210)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		966.465.297.193	866.702.378.125
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	63.791.969.619	70.603.229.955
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		516.763.580.296	498.483.519.497
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	385.909.747.278	297.615.628.673
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.981.042.905.335	56.244.845.666.143
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		674.381.270.108	687.629.938.300
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.03	-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	3.049.584.972	74.741.909.565
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	810.955.860.977	852.930.351.700
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.06	278.179.328.465	240.050.136.616
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(417.803.504.306)	(480.092.459.581)
220	II. Tài sản cố định		33.943.662.353.232	32.558.961.754.737
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	33.824.878.699.426	32.437.264.858.666
222	- Nguyên giá		52.268.338.305.685	48.991.361.935.839
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.443.459.606.259)	(16.554.097.077.173)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.13	1.163.799.256	912.333.329
225	- Nguyên giá		1.866.940.741	1.251.200.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(703.141.485)	(338.866.671)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.12	117.619.854.550	120.784.562.742
228	- Nguyên giá		202.827.056.983	198.666.805.587
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.207.202.433)	(77.882.242.845)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.14	1.418.651.006.137	1.477.791.601.086
231	- Nguyên giá		2.236.641.918.049	2.164.020.409.434
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(817.990.911.912)	(686.228.808.348)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.15	12.094.646.601.152	14.729.359.134.988
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		192.745.439.256	187.354.198.520
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.901.901.161.896	14.542.004.936.468
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	2.823.208.037.195	2.760.226.679.370
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.431.387.573.533	2.329.783.430.802
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		393.731.440.114	354.526.105.622
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(54.160.976.452)	(22.172.522.807)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52.250.000.000	98.089.665.753
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.026.493.637.511	4.030.876.557.662
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	3.703.457.070.374	3.666.617.997.285
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.16	168.229.975.157	285.030.253.411
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		117.892.302.361	77.546.010.824
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại	V.17	36.914.289.619	1.682.296.142
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78.376.929.962.202	79.014.197.735.384



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.910.884.584.621	27.074.158.287.185
310	I. Nợ ngắn hạn		10.368.070.917.440	10.866.850.865.303
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	916.527.004.222	852.576.277.065
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	524.588.783.208	469.087.994.731
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	617.264.087.548	515.704.335.437
314	4. Phải trả người lao động		1.431.389.306.932	2.045.873.303.244
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	431.790.164.016	473.482.247.217
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.21	323.604.394.627	301.800.678.042
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	1.637.475.158.129	2.027.816.719.517
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	2.817.045.890.836	2.661.903.488.666
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.945.044.962	21.818.661.920
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.665.441.082.960	1.496.787.159.464
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		14.542.813.667.181	16.207.307.421.882
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.18	-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.19	100.742.913.477	86.804.107.814
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	V.20	264.473.290.729	101.771.974.346
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.21	9.093.411.560.941	8.986.646.979.248
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.22	143.943.522.838	290.043.315.591
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.23	4.595.715.762.064	6.343.543.781.674
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.16	4.291.419.969	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		340.235.197.163	398.497.263.209



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.24	53.466.045.377.581	51.940.039.448.199
410	I. Vốn chủ sở hữu		53.391.768.872.430	51.849.201.168.066
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		198.838.391.619	153.449.723.158
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		10.591.031.002	10.591.031.002
415	5. Cổ phiếu quỹ		(959.568.311)	(959.568.311)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.574.186.166.104)	(1.577.764.667.264)
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		253.777.611.514	446.867.085.315
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		5.089.160.674.135	4.133.367.632.585
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		252.909.421	1.264.574.242
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.981.451.619.542	4.631.590.901.141
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.142.630.547.235	473.394.637.630
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.838.821.072.307	4.158.196.263.511
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.432.842.369.612	4.050.794.456.198
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.25	74.276.505.151	90.838.280.133
431	1. Nguồn kinh phí		(37.849.739.470)	(37.991.052.791)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		112.126.244.621	128.829.332.924
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78.376.929.962.202	79.014.197.735.384

Người lập biểu
Nguyễn Hồng Minh
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Phạm Văn Hồi Em

Tổng Giám đốc
Lê Thanh Hưng



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	25.483.889.270.011	26.226.269.744.269
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	57.945.657.941	36.676.743.121
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(01 - 02)	VI.03	25.425.943.612.070	26.189.593.001.148
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.04	19.083.830.556.212	18.614.304.897.718
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 - 11)		6.342.113.055.858	7.575.288.103.430
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	885.462.783.210	830.813.573.113
22	7. Chi phí tài chính	VI.06	696.015.303.251	719.154.123.110
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		490.848.598.668	607.999.588.765
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VI.07	203.589.622.831	285.453.277.353
25	9. Chi phí bán hàng	VI.08	591.230.197.005	507.093.532.539
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.09	1.762.820.187.016	1.681.979.286.962
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22+24-25-26)		4.381.099.774.627	5.783.328.011.285
31	12. Thu nhập khác	VI.10	1.793.484.267.865	1.044.967.454.846
32	13. Chi phí khác	VI.11	472.964.711.548	615.526.247.241
40	14. Lợi nhuận khác (31 - 32)		1.320.519.556.317	429.441.207.605
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)		5.701.619.330.944	6.212.769.218.890
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.12	921.231.942.328	992.548.229.630
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.13	27.128.098.390	(119.825.569.822)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50-51-52)		4.753.259.290.226	5.340.046.559.082
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.838.821.072.307	4.158.196.263.511
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		914.438.217.919	1.181.850.295.571
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.15	807	790

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Minh

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hải Em

Tổng Giám đốc

Lê Thanh Hưng



BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.701.619.330.944	6.212.769.218.890
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.756.251.639.894	1.817.050.813.094
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.458.765.550.692	2.303.518.160.158
03	- Các khoản dự phòng		28.513.236.937	17.233.034.914
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		25.739.685.348	2.375.781.162
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.258.065.874.008)		(1.114.075.751.905)
06	- Chi phí lãi vay	501.299.040.925		607.999.588.765
08	- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	7.457.870.970.838		8.029.820.031.984
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	153.271.538.741		174.609.297.333
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(683.185.327.802)		(1.438.785.663.332)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(666.397.745.585)		974.487.344.837
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(30.027.812.753)		122.811.131.115
14	- Tiền lãi vay đã trả	(443.851.383.747)		(240.475.146.962)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(767.483.631.746)		(1.180.392.952.138)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.027.952.219.968		881.017.870.951
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.705.450.955.402)		(3.402.020.385.977)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.342.697.872.512		3.921.071.527.811
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.342.697.872.512		3.921.071.527.811
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(802.275.672.956)		(865.428.496.691)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(46.510.319.289)		(43.326.401.314)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	32.106.920.695		42.889.481.421
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	468.648.744.263		611.567.649.798
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(538.638.730.002)		(931.391.416.628)

**BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.671.437.328.064	3.382.141.215.246
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.264.122.945.504)	(6.484.167.558.274)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(118.960.635.968)	(109.942.261.055)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.711.646.253.408)	(3.211.968.604.083)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)		(907.587.110.898)	(222.288.492.900)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.303.619.340.768	5.528.283.614.830
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(25.739.685.348)	(2.375.781.162)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)		4.370.292.544.522	5.303.619.340.768

Người lập biểu
Nguyễn Hồng Minh
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Phạm Văn Hải Em



Tổng Giám đốc
Lê Thanh Hưng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**01. Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tổng Công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 04 tháng 03 năm 2014

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 06 năm 2018. Vốn điều lệ của Tập đoàn sau khi chuyển thành Công ty cổ phần là 40.000.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tập đoàn được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 với mã chứng khoán GVR

Từ ngày 09 tháng 3 năm 2020 Cổ phiếu của Tập đoàn giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán GVR.

- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VRG
- Trụ sở chính: Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ giao dịch : Số 177 Hai Bà Trưng, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0283 932 5234 0283 932 5235 Fax: 0283 9327 341
- Website: <http://www.vnrubbergroup.com>

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm: Trồng, khai thác, chế biến cao su; Chế biến gỗ; Đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư trên đất cao su; Sản phẩm công nghiệp cao su; Phát triển nông nghiệp công nghệ cao cùng các lĩnh vực khác.

03. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su và cây rừng trồng (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su, nguyên liệu ngành công nghiệp cao su, vật tư nông nghiệp);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Cơ khí: đúc, cán thép; sửa chữa, lắp ráp, chế tạo và kinh doanh các sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp khác (không đúc, sắt thép và chế tạo sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trong cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng (Chi tiết: Hoạt động tài chính, tín dụng và dịch vụ tài chính);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở). Công nghiệp sản xuất;
- Khai thác, xử lý và cấp nước (Chi tiết: Cấp nước);
- Thoát nước và xử lý nước thải (Chi tiết: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Đo đạc, bản đồ, kiểm định, giám định hàng hóa);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Chi tiết: Tin học);
- In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn (Khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý du lịch (Chi tiết: Dịch vụ du lịch);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ xuất khẩu lao động);
- Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi gia súc (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ khoa học công nghệ, xuất bản; thương mại. Dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Chế biến và kinh doanh mủ cao su);
- Trồng cây cao su (Sản xuất kinh doanh chính);

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Chi tiết: Đầu tư phát triển, tổ chức quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường thủy;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (trừ lưu trú bệnh nhân);
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp (Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ);
- Sản xuất điện (Chi tiết: Công nghiệp điện: Đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; Kinh doanh điện theo đúng các quy định của pháp luật);
- Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**Sáp nhập Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Cao su Việt Nam:**

Trong năm 2015, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Cao su Việt Nam được sáp nhập vào Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 1634/QĐ-TTg ngày 22/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, các khoản nợ xấu nhận sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Cao su Việt Nam tiếp tục được Tập đoàn thu hồi và xử lý.

Thông tin cổ phần hóa:

Ngày 01/06/2018, Tập đoàn Công nghiệp Cao su chính thức chuyển đổi và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301266564 cấp ngày 01/06/2018. Tên Công ty sau khi chuyển đổi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần là 40.000.000.000.000 đồng, tổng số lượng cổ phần là 4.000.000.000, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tập đoàn như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá và bán thỏa thuận là 99.617.560 cổ phần, tổng số tiền thu được là 1.295.813.030.000 đồng;
- Tổng số lượng cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn Công ty mẹ - Tập đoàn là 29.539.621 cổ phần, tổng số tiền thu được là 238.795.083.800 đồng;
- Tiền thu vi phạm quy chế là 2.120.872.000 đồng.
- Thực hiện theo quy định tại điểm 1, điều 39 Nghị định số 126/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Tập đoàn đã thực hiện nộp tiền bán cổ phần vào ngân sách Nhà Nước với số tiền 1.202.875.507.200 đồng. Mặt khác, các khoản được để lại Tập đoàn bao gồm:

- Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá là 1.197.212.460.000 đồng, tương ứng với 119.721.246 cổ phần;
- Phần thặng dư vốn của số cổ phần phát hành thêm được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, số tiền còn lại để lại cho công ty cổ phần được xác định là 5.587.206.442 đồng.

Các khoản được để lại từ thu bán cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn sẽ được xem xét, xử lý khi quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 126/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Thông tin quyết toán Cổ phần hóa:

Ngày 14/06/2021, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã ban hành quyết định số 243/QĐ-UBQLV về việc phê duyệt quyết toán tài chính, tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Thông tin chi tiết như sau:

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần 0 giờ ngày 01/06/2018 là 41.106.579.812.956 đồng;
- Vốn điều lệ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần là 40.000.000.000.000 đồng tương ứng với 4.000.000.000 cổ phiếu (tính theo mệnh giá 10.000 VND/1 Cổ phần) trong đó Nhà nước nắm giữ 38.708.428.190.000 đồng tương ứng với 3.870.842.819 cổ phần (tính theo mệnh giá 10.000 VND/1 Cổ phần) chiếm 96,77% vốn điều lệ (theo Quyết định số 421/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/04/2018 về điều chỉnh cơ cấu phát hành lần đầu của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam);
- Số tiền phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là: 1.313.066.175.647 đồng (không bao gồm số tiền: 75.109.000.000 đồng giữ lại kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp giấy chứng nhận quyền sử đất. Khoản tiền này sẽ được quyết toán khi hoàn thành;
- Số tiền đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là: 1.445.078.476.886 đồng;
- Số tiền Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoàn trả lại cho doanh nghiệp là: 132.012.301.239 đồng;
- Chi phí cổ phần hóa được chi là: 18.982.248.489 đồng;
- Kinh phí chi trả chế độ cho người lao động dôi dư được chi là: 33.300.277.940 đồng.

06. Cấu trúc doanh nghiệp

Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên văn phòng đại diện	Địa chỉ
1	Văn phòng đại diện tại Hà Nội	56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
2	Văn phòng đại diện tại Campuchia	7B, 466 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Cambodia
3	Văn phòng đại diện tại Lào	Vientiane, Lào

Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết liên doanh

Nội dung	Số lượng
- Tổng số Công ty con tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính	100 Công ty
· Số lượng các Công ty con được hợp nhất	100 Công ty
· Số lượng các Công ty con không được hợp nhất	0 Công ty
- Tổng số Công ty liên kết tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính	15 Công ty
· Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất	15 Công ty
· Số lượng các Công ty liên kết không được hợp nhất	0 Công ty

CÔNG TY CON

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có một trăm (100) Công ty con như sau:

Các Công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, thương nghiệp buôn bán mủ và các dịch vụ cho việc phát triển cao su
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su thiên nhiên; trồng rừng, khai thác, chế biến các loại cây lâm nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp
4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su; Trồng, chăm sóc rừng, khai thác lâm sản
5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
6	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Trồng cây cao su, cà phê, cây nông nghiệp ngắn ngày; Mua bán, xuất nhập khẩu: Cao su, vật tư, thiết bị ngành cao su; cà phê, nông sản, thực phẩm
7	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	499 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đrăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su, cà phê; Sản xuất và chế biến gỗ; Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su; Khai thác và chế biến khoáng sản; Thương nghiệp bán buôn
9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Trồng trọt; Công nghiệp hoá chất phân bón và cao su; Thương nghiệp bán buôn; Khai hoang xây dựng vườn cây
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trồng mới, khai thác, chăm sóc và chế biến mủ cao su
11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	Bán buôn cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, trồng cây cao su; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	01 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hoà, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, cà phê, hồ tiêu, sản xuất gỗ thành phẩm; Sản xuất phân bón; Thương nghiệp bán buôn và trực tiếp xuất khẩu
13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Quốc lộ 1 A, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư trồng, chăm sóc cây cao su; Xây dựng công trình dân dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi
14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm; Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu; Dịch vụ Khách sạn
15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Km22, QL 15A, xã Hà Linh, huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	Trồng, bảo vệ và khoanh nuôi rừng; Khai thác, chế biến, tiêu thụ các loại lâm sản; Xuất khẩu sản phẩm cao su thành phẩm; sản xuất gạch ngói
16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	Xóm 12 xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Trồng và chăm sóc, khai thác, chế biến, xuất khẩu sản phẩm Cao su
17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Đường Lý Nam Đế, khu đô thị mới Đông Hưng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	264 đường Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Thị Trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su



Các đơn vị sự nghiệp có thu do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn

STT	Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
21	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật KH-CN các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp cao su thiên nhiên
22	Trung tâm Y tế Cao su	410 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong ngành cao su và ngành khác
23	Tạp chí Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Báo chí và in ấn
24	Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	1428 Phú Riềng Đỏ, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành cao su

Các công ty con do Tập đoàn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
25	Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	77,25%	83,57%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp
26	Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP.Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	80,93%	80,93%	Sản xuất kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện
27	Công ty Cổ phần VRG Đắk Nông	Phường Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	91,34%	98,30%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện; Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, các loại cây công nghiệp khác và trồng rừng
28	Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su	64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	82,44%	82,44%	Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su
29	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	83,09%	92,11%	Chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dụng cụ thể thao; Mua bán cao su; Nhập khẩu các loại vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dụng cụ thể thao.
30	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị	KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	97,32%	97,41%	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, Okal; Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác
31	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	66,62%	66,62%	Trồng cây cao su; Khai thác và chế biến mủ cao su; Thu mua mủ nguyên liệu; Bán lẻ xăng dầu; Mua bán và chế biến gỗ cao su
32	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	207 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	89,28%	100,00%	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su (không kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh); Mua bán nguyên liệu cao su, khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)
33	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	55,06%	55,06%	Trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su thiên nhiên



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
34	Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	50,00%	50,00%	Thu mua, sản xuất sơ chế mủ cao su; Bán buôn các sản phẩm sơ chế mủ cao su thiên nhiên; Kinh doanh XNK sản phẩm cao su, vật tư hoá chất sản xuất cao su
35	Công ty Cổ phần Quasa Geruco	D21, Trung tâm Thương Mại Đông Nam Á, Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	99,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su và rừng nguyên liệu
36	Công ty Cổ phần TM Dịch vụ & Du lịch Cao su	Đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	96,52%	100,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu cao su và các loại nông, lâm, thủy hải sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn và khu du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa
37	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên	Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	42,30%	53,27%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
38	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	59,69%	59,69%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Mua bán mủ cao su
39	Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	61,00%	61,00%	Khai thác, chế biến gỗ, sản xuất các mặt hàng : tủ, bàn ghế, giường ngủ, mặt hàng gia dụng, các sản phẩm trang trí nội thất
40	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên	Số nhà 611, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	98,41%	98,41%	Du lịch, dịch vụ, đào tạo, sát hạch lái xe
41	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao Su	Số 12, Đường HT25, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	92,05%	92,05%	Chuyên sản xuất, chế tạo máy sơ chế mủ cao su
42	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	55,81%	55,81%	Trồng trọt, chế biến nông sản, lâm sản; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Công nghiệp hóa chất phân bón và cao su
43	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	Quốc lộ 22B, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	60,00%	60,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
44	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	Tổ 11, Phường Chiềng Lề, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	99,37%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
45	Công ty Cổ phần Cao Su Điện Biên	Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	100,00%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ Cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới cây Cao su; Trồng rừng, chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc; Đại lý mua bán, phân phối cây giống, phân bón, các sản phẩm Cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
46	Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu	Tổ 5, phường Đoàn kết, thị xã LaiChâu, Tỉnh Lai Châu	98,32%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới tiểu điền; Trồng rừng; Đại lý bón phân; Kinh doanh xuất nhập khẩu
47	Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	308E Phan Đình Phùng, Phường NgôMây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	95,42%	100,00%	Trồng và chăm sóc cây cao su
48	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Số 17, đường Phan Đăng Lưu, PhườngTrường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	93,03%	93,03%	Trồng cây cao su: trồng, chăm sóc, khai thác và chế biếncao su nguyên chất; Trồng rừng và chăm sóc rừng
49	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom	Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp,huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	99,06%	99,97%	Trồng và chăm sóc cây cao su
50	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	97,47%	97,47%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên; dịch vụ khách sạn và du lịch
51	Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	70,00%	70,00%	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng rừng và chăm sócrừng; Trồng cây cao su
52	Công ty Cổ phần VRG Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	94,70%	94,70%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện. Đầu tư trồng, khai thác, chế biến cao su
53	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	98,46%	98,46%	Trồng trọt, công nghiệp hóa chất phân bón và cao su; Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp
54	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây	Km 2, tỉnh lộ 769, xã Bàu Hàm 2,huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	71,84%	85,71%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
55	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh	Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	75,68%	81,00%	Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng và kinh doanhcơ sở hạ tầng khu công nghiệp
56	Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang	Nhóm 4, Tổ 9, Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	100%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cây cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới; Chăn nuôi gia súc; Trồng và chăm sóc rừng; Chế biến gỗ; Đại lý mua bán tận thu mủ cao su
57	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Thửa đất số 117, 118, tờ bản đồ số 15,ấp 1, xã Hưng Hoà, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	55,09%	90,00%	Chế biến gỗ; Mua bán mủ cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
58	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú Kratie	Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	62,54%	88,33%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su
59	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Nai Kratie	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	88,73%	88,73%	Trồng, khai thác và chế biến cao su và cây nông nghiệp. Sản xuất, mua bán vật tư nông nghiệp
60	Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	77,46%	99,38%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
61	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	41,54%	74,44%	Chế biến cao su kỹ thuật và các sản phẩm dân dụng từ cao su; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu cao su, vật tư, phân bón, hóa chất
62	Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm	Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	93,83%	93,83%	Trồng, khai thác và chế biến cao su thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản
63	Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	92,67%	97,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
64	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Lô M, đường số 1, KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	99,82%	100,00%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng
65	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	90,51%	91,49%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; chế biến gỗ
66	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông	Cụm 3 tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	49,34%	88,41%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
67	Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	50,67%	70,60%	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
68	Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Khu phố 4A thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	59,03%	62,54%	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất; Sửa chữa máy móc, thiết bị phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ)
69	Công ty Cổ phần Phân bón Thương mại Phú Thịnh	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	48,52%	53,61%	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng
70	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	99,8%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
71	Công ty Cổ phần Cao su Bà RịaKampong Thom	Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	92,75%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
72	Công ty Cổ phần Cao su Chư sê Kampong Thom	Số 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	99,95%	99,95%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng cây cao su; Trồng cây điều; Trồng cây cà phê
73	Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri	Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đắk Đoa, huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai	100,00%	100,00%	Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất phân bón NPK; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
74	Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom	Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	66,62%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
75	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	45,38%	91,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại
76	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long	Ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	55,38%	76,53%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
77	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái	Thôn 2, xã Tân Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	99,80%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su
78	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Số nhà 186, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	88,70%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
79	Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri	Xã Ea Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	100,00%	100,00%	Đầu tư, chăm sóc, chế biến, tiêu thụ cao su; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng; Mua bán xuất nhập khẩu cao su
80	Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	99,86%	99,86%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
81	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Số 33, Tổ 26, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	95,00%	95,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
82	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	97,99%	97,99%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
83	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	69,00%	69,00%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Khai thác gỗ; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
84	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K	Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
85	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Bình	Xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	59,64%	95,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi
86	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	51,04%	51,04%	Sản xuất găng tay y tế các loại
87	Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh	Tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
88	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp	Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia	60,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
89	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Tỉnh Oudomxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
90	Công ty TNHH VKETI	Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
91	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	99,98%	100,00%	Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại; Khai thác quặng kim loại quý hiếm
92	Công ty TNHH Cao su Ea H'leo BM	Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
93	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa Đắk Lắk	138 Hùng Vương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	66,62%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
94	Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên	Bản Mường Nhé, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
95	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van	Tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su



STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
96	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Bán buôn cao su
97	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	68,17%	68,17%	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ
98	Công ty TNHH Cao su & Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk	Thôn 2, Xã Ia Jơi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	60,09%	90,20%	Trồng cây ăn quả; Chế biến và bảo quản rau quả; Trồng cây cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
99	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ cao su Kon Tum	Thôn 01, Xã Đắk La, Huyện Đắk Hà, Tỉnh Kon Tum	51,00%	51,00%	Khai thác gỗ và lâm sản khác; thu nhặt sản phẩm từ rừng; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
100	Công ty Cổ phần Thanh phố Nội thất Việt Nam	Tòa nhà U&I, số 158, đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam.	33,98%	51,00%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, kim loại;

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có mười lăm (15) Công ty liên kết, liên doanh như sau:

STT	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thống Nhất	KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	36,07%	36,07%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; kinh doanh điện, nước sạch; dịch vụ xử lý nước thải
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	165 Bạch Đằng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	36,24%	39,11%	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh KCN; Xây dựng nhà ở, căn hộ, văn phòng; Khai thác và chế biến các loại khoáng sản; cho thuê đất, kho bãi, văn phòng, nhà ở, bãi đỗ xe
3	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	Số 8 Trần Quý Khoách, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	27,78%	27,78%	Trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	Ấp Hòa Vinh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	29,17%	29,17%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn tổng hợp



STT	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	Km 72+000, đường ĐT.741, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	16,93%	20,54%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
6	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha	Lô G, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	49,00%	49,00%	Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ, dăm nguyên liệu; Sản xuất, kinh doanh gỗ nhân tạo MDF, hóa chất phục vụ ngành gỗ
7	Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	Số 636 đường Võ Văn Kiệt, phường1, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27,14%	27,14%	Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su; sản xuất mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu
8	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Lô B3,1 KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh	48,85%	48,85%	Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su; Băng tải, dây curroie, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật
9	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đường số 1, ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	26,91%	31,13%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất vật liệu xây dựng: Bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, ống cống, cấu kiện bê tông đúc sẵn; Trồng, khai thác, chế biến và mua bán sản phẩm cây nông nghiệp và công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	KCN Nhơn Trạch 2, Lộc Khang, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	32,59%	32,59%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	Lô K5, K6, K7 Đường N9A, KCN Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	49,06%	49,06%	Sản xuất sợi nhân tạo, sản xuất sản phẩm khác từ cao su
12	Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	Văn phòng Nông trường Long Thành, Khu 13, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	8,46%	20,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
13	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	Khu Công nghiệp Ia Khurơl, thôn Tân Lập, xã Ia Khurơl, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	34,32%	34,32%	Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
14	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	Số 16 Võ Liêm Sơn, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	36,00%	36,00%	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Thoát nước và xử lý nước thải Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
15	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	49,00%	49,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với ước tính, giả định đặt ra.

02. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty mẹ Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán đi khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và các tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các đơn vị tham gia hợp nhất bao gồm:

STT	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
1	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
2	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
4	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
5	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
6	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
7	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
8	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
9	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
10	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
11	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
12	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
13	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
14	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
15	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
16	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
17	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
19	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
20	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
21	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
22	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
23	Trung Tâm Y tế	Báo cáo tài chính
24	Tạp chí Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
25	Trường Cao đẳng CN Cao su	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
26	Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
27	Công ty CP VRG - Bảo Lộc	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



STT	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
28	Công ty CP VRG - Đắk Nông	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
29	Công ty CP Công nghiệp XNK Cao su	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
30	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
31	Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
32	Công ty CP Cao su Phước Hòa	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
33	Công ty CP Cao su Việt Lào	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
34	Công ty CP Cao su Hòa Bình	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
35	Công ty CP Cao su Hàng Gòn	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
36	Công ty CP Cao su Quasa Geruco	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
37	Công ty CP TMDV Du lịch Cao su	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
38	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
39	Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
40	Công ty CP Gỗ Dầu Tiếng	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
41	Công ty CP DLTM & KS Hưng Yên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
42	Công ty CP Cơ khí Cao su	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
43	Công ty CP Cao su Đồng Phú	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
44	Công ty CP Cao su Tây Ninh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
45	Công ty CP Cao su Sơn La	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
46	Công ty CP Cao su Điện Biên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
47	Công ty CP Cao su Lai Châu	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
48	Công ty CP Cao su Sa Thầy	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
49	Công ty CP ĐTPT Cao su Nghệ An	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
50	Công ty CP Cao su Tân Biên Kampongthom	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
51	Công ty CP Cao su Bà Rịa	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
52	Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Báo cáo tài chính
53	Công ty CP VRG - Phú Yên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
54	Công ty CP Cao su Tân Biên	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
55	Công ty CP KCN Dầu Giây	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
56	Công ty CP KCN Long Khánh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
57	Công ty CP Cao su Hà Giang	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
58	Công ty CP Cao su Trường Phát	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
59	Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
60	Công ty CP Cao su Đồng Nai Kratie	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
61	Công ty CP Thủy Điện VRG Ngọc Linh	Báo cáo tài chính



STT	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
62	Công ty CP Cao su Kỹ Thuật Đồng Phú	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
63	Công ty CP Cao su Bảo Lâm	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
64	Công ty CP KCN An Điền	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
65	Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
66	Công ty CP ĐTXD Cao su Phú Thịnh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
67	Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
68	Công ty CP CB XNK Gỗ Tây Ninh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
69	Công ty CP Cơ khí Vận tải CS Dầu Tiếng	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
70	Công ty CP Phân bón TM Phú Thịnh	Báo cáo tài chính
71	Công ty CP Cao su Lai Châu II	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
72	Công ty Cp Cao su Bà Rịa Kampongthom	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
73	Công ty CP CS Chư sê Kampongthom	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
74	Công ty CP CS Mang Yang Ratanakiri	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
75	Công ty TNHH PT Cao su Phước Hòa Kampongthom	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
76	Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
77	Công ty CP KCN Cao su Bình Long	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
78	Công ty CP Cao su Yên Bái	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
79	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
80	Công ty CP Cao su KrôngBuk Ratanakiri	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
81	Công ty CP CS Chư Prông Strung Cheng	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
82	Công ty CP CS Dầu Tiếng Kratie	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
83	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
84	Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
85	Công ty TNHH Phát Triển Cao Su CRCK - Chư Păh	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
86	Công ty CP KCN Tân Bình	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
87	Công ty CP VRG - Khải Hoàn	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
88	Công ty TNHH Cao su Hà Tĩnh - Bolikhamxai	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
89	Công ty TNHH PTCS Tây Ninh - Siêm Riệp	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
90	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
91	Công ty TNHH Vketi	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
92	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
93	Công ty Cao su Eahleo - BM	Báo cáo tài chính
94	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa - Đắk Lắk	Báo cáo tài chính
95	Công ty CP Cao su Điện Biên - Mường Nhé	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

STT	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
96	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van - Quảng Trị	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
97	Công ty CP xuất khẩu cao su VRG Nhật Bản	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
98	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Báo cáo tài chính
99	Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa Đắk Lắk	Báo cáo tài chính
100	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ Cao su Kon Tum	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
101	Công ty CP Thành phố Nội thất Việt Nam	Báo cáo tài chính
102	Công ty CP Thống Nhất	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
103	Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
104	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học và SXTN Cao su Visorutex	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
105	Công ty CP ĐTXD CSHT Bình Phước	Báo cáo tài chính
106	Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Báo cáo tài chính
107	Công ty CP Gỗ MDF VRG DONG WHA	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
108	Công ty CP Cao su TP. Hồ Chí Minh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
109	Công ty CP Cao su Bến Thành	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
110	Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
111	Công ty CP Lộc Thịnh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
112	Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
113	Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
114	Công ty CP Phát triển Nông nghiệp và Đô thị Việt Mỹ Hà Tĩnh	Báo cáo tài chính
115	Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Tân Uyên	Báo cáo tài chính
116	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

03. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

a) Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm :

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

b) Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

04. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Tập đoàn có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

05. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Tập đoàn được quản lý và hạch toán như tiền của Tập đoàn.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

06. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong năm. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong năm. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

d. Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp hợp nhất. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Tập đoàn liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

e. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

07. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ kế toán khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch (do Tập đoàn tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Riêng các khoản phải thu về cho vay khách hàng được sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam:

- Các khoản cho vay khách hàng được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo. Khoản cho vay này được theo dõi như các khoản dư nợ vay tín dụng và thực hiện trích lập dự phòng theo dự phòng rủi ro tín dụng.
 - Dự phòng rủi ro tín dụng: được lập theo quý và được ghi nhận vào Báo cáo tài chính trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm;

- Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Khoản vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày	0%
2	Nợ cần chú ý	- Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	- Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc - Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.	20%
4	Nợ nghi ngờ	- Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất vào quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	- Quá hạn trên 360 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất vào quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ được đã cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ 2; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 3; hoặc - Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.	100%

- Dự phòng chung: được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 hàng năm
- Tập đoàn phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Quyết định số 22/VBHN-NHNN ngày 04 tháng 06 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.
 - Ngoài ra, theo Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/03/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: Nợ trong hạn và Nợ quá hạn dựa vào trạng thái của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.
 - Hoạt động repo cổ phiếu được ghi nhận như một khoản phải thu về cho vay khách hàng, dự phòng rủi ro tín dụng trong lĩnh vực repo được Tập đoàn xác định căn cứ vào giá trị thuần của cổ phiếu repo tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

09. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về “sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm
- Các tài sản khác 08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý 02 - 20 năm

Riêng khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) được ghi nhận là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
- Nguyên giá phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BĐSDT cho thuê hoạt động được trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Tập đoàn dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của BĐSĐT.

Khấu hao BĐSĐT được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm khấu hao</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất

BĐSDT nắm giữ chờ tăng giá Tập đoàn không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tập đoàn đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối năm khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Tập đoàn tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

17. Chuyển đổi Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty con có cơ sở ở nước ngoài được chuyển đổi theo Chuẩn mực kế toán số 10 ban hành công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn chuyển đổi theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 16 Chuẩn mực kế toán. Trong đó:

- Tài sản và nợ phải trả (các khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày 31/12/2022 của Ngân hàng giao dịch;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch của Ngân hàng nơi Công ty con thường xuyên giao dịch;
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được phân loại như là vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và phản ánh trên chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch theo từng lần góp vốn của Công ty mẹ. Chênh lệch do chuyển đổi vốn chủ sở hữu, chênh lệch giữa tổng tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo được ghi nhận là chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đơn vị tiền tệ nước ngoài sang VND.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được Tập đoàn ghi nhận tương ứng phần lợi ích của Tập đoàn tại Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu quỹ được Tập đoàn ghi nhận tương ứng phần lợi ích của Tập đoàn tại Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính và chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thời gian xây dựng cơ bản.

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của các Công ty. Công ty quản lý và sử dụng các quỹ này theo đúng điều lệ và các quy định hiện hành có liên quan.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Nguồn vốn đầu tư XD CB được hình thành từ nguồn lợi nhuận mà cơ quan có thẩm quyền để lại cho Tập đoàn với mục đích để đầu tư dài hạn theo kế hoạch.

Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp được hình thành từ nguồn thu bán phần vốn Nhà nước tại các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn trước đây. Hiện nay, Tập đoàn tạm thời được quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước, Công mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ, công ty con.

19. Các nghiệp vụ quy đổi ngoại tệ

Đối với doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng:

Đối với Công ty mẹ và các Công ty tại Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước và trả trước cho người bán, doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của năm tài chính.

Đối với Công ty con tại nước ngoài

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối năm liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian không quá 5 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và quy đổi đối với tổ chức tín dụng:

Theo hệ thống kế toán của các tổ chức tín dụng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng được hạch toán bằng VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh thông qua giao dịch mua bán ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại. Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ khác sang VND được xử lý vào doanh số của các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán vào ngày lập Báo cáo tài chính.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế. Các điều kiện để ghi nhận doanh thu được Tập đoàn áp dụng cụ thể như sau:

a. Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng

Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng được quyền lựa chọn hạch toán 1 lần khi thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của lô đất cho thuê thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê đất;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Tập đoàn ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Với các lô đất cho thuê không thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu một lần, thực hiện phân bổ doanh thu nhận trước thành nhiều kỳ phù hợp với thời gian cho thuê.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là khoản tiền thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên

quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

e. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

f. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Tập đoàn không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Tập đoàn không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ phải thu, phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi các khoản thuế đó liên quan trực tiếp đến khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khi tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được quản lý cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính Ghi nhận ban đầu Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2022	01/01/2022
- Tiền mặt	125.321.201.333	150.945.082.005
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.399.649.450.557	2.189.866.305.443
- Các khoản tương đương tiền	1.845.321.892.632	2.962.807.953.320
Cộng	4.370.292.544.522	5.303.619.340.768



02. Đầu tư tài chính

02.1. Chứng khoán kinh doanh	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Địa ốc MB	1.095.397.161	-	1.095.397.161	1.095.397.161	-	1.095.397.161
Công ty Cổ phần Công nghiệp mới Kim Tụ Tháp (OTC)	68.237.000	(68.237.000)	-	68.237.000	(68.237.000)	-
Cộng	1.163.634.161	(68.237.000)	1.095.397.161	1.163.634.161	(68.237.000)	1.095.397.161

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý
02.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.995.367.727.159	436.019.846.374	2.431.387.573.533	2.028.396.288.412	301.387.142.390	2.329.783.430.802
Công ty Cổ phần Thống Nhất	48.139.152.723	40.263.906.391	88.403.059.114	48.139.152.723	33.529.805.112	81.668.957.835
Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học &SXTN Cao su Visorutex	8.749.737.281	(3.423.149.899)	5.326.587.382	8.749.737.281	(2.800.282.469)	5.949.454.812
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	58.397.844.479	36.005.794.005	94.403.638.484	58.397.844.479	31.400.153.222	89.797.997.701
Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT ĐườngĐT.741	26.350.000.000	27.399.152.913	53.749.152.913	26.350.000.000	19.169.950.921	45.519.950.921
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	1.004.392.840.663	422.407.643.319	1.426.800.483.982	1.004.392.840.663	302.004.777.197	1.306.397.617.860
Công ty Đầu tư Phát triển VRG Long Thành				33.028.561.253	26.126.124.602	59.154.685.855
Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	95.141.496.684	(68.647.069.116)	26.494.427.568	95.141.496.684	(61.789.871.349)	33.351.625.335
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	57.440.573.000	44.074.436.858	101.515.009.858	57.440.573.000	44.675.825.341	102.116.398.341
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	9.768.852.055	(2.113.987.179)	7.654.864.876	9.768.852.055	(1.891.134.722)	7.877.717.333
Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	36.000.000.000	1.315.254.010	37.315.254.010	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SADO	150.850.230.247	(200.535.179.536)	(49.684.949.289)	150.850.230.247	(176.518.864.709)	(25.668.634.462)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	8.086.578.953	(1.450.401.097)	6.636.177.856	8.086.578.953	(340.797.868)	7.745.781.085
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	4.176.773.239	(257.064.767)	3.919.708.472	4.176.773.239	(257.064.767)	3.919.708.472
Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	80.000.000.000	15.684.994	80.015.684.994	80.000.000.000	16.193.471	80.016.193.471
Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng Việt Lào	368.345.953.553	35.368.891.452	403.714.845.005	368.345.953.553	1.654.766.309	370.000.719.862
Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	39.527.694.282	105.595.934.026	145.123.628.308	39.527.694.282	86.407.562.099	125.935.256.381



02. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
02.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	393.731.440.114	(54.160.976.452)	362.922.740.116	354.526.105.622	(22.172.522.807)	347.574.404.863
Công ty CP Vũng Tàu Intourco	3.850.000.000	(326.439.295)	3.523.560.705	3.850.000.000	-	3.850.000.000
Công ty CP EVN Quốc Tế	44.118.073.392	-	58.579.200.000	44.118.073.392	-	58.579.200.000
Công ty CP Du lịch Sài Gòn Đông Hà	13.877.341.956	(7.784.515.153)	6.092.826.803	13.877.341.956	(7.784.515.153)	6.092.826.803
Công ty CP Điện Việt Lào	79.567.924.335	-	79.567.924.335	79.567.924.335	-	79.567.924.335
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	24.418.782.000	(8.131.454.406)	25.178.477.440	24.418.782.000	-	25.178.477.440
Công ty CP Đầu tư XD & XNK Cao su	1.500.000.000	(1.116.653.096)	383.346.904	1.500.000.000	(945.410.015)	554.589.985
Công ty CP BOT QL13 An Lộc-Hoa Lư	23.082.813.181	(23.082.813.181)	-	23.082.813.181	-	23.082.813.181
Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	51.808.000.000	(13.187.167.420)	38.620.832.580	51.808.000.000	(13.442.597.639)	38.365.402.361
Công ty CP Vi sinh Việt Mỹ	4.176.773.239	(531.933.901)	3.644.839.338	-	-	-
Công ty CP Địa Ốc MB	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty CP Mía đường Thanh Hóa	4.897.408.624	-	4.897.408.624	4.897.408.624	-	4.897.408.624
Công ty CP Tuấn Lộc Quảng Trị	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP CB Gỗ XK Địa ốc Cao su	303.998.714	-	303.998.714	303.998.714	-	303.998.714
Công ty Cổ phần Phú Việt Tín	12.500.000.000	-	12.500.000.000	12.500.000.000	-	12.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	91.001.763.420	-	91.001.763.420	91.001.763.420	-	91.001.763.420
Công ty CP Phân vi sinh Quảng Trị	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-	-



02.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	11.210.544.080.807	11.210.544.080.807	10.278.209.273.006	10.278.209.273.006
Tiền gửi có kỳ hạn	11.210.544.080.807	11.210.544.080.807	10.278.209.273.006	10.278.209.273.006
Trái phiếu	0	-	-	-
b. Dài hạn	52.250.000.000	52.250.000.000	98.089.665.753	98.089.665.753
Tiền gửi có kỳ hạn	16.880.000.000	16.880.000.000	62.719.665.753	62.719.665.753
Trái phiếu	35.370.000.000	35.370.000.000	35.370.000.000	35.370.000.000

03. Phải thu khách hàng

03.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2022	01/01/2022
Phải thu khách hàng mua mủ cao su nội địa	353.421.413.586	342.025.474.831
Phải thu khách hàng mua mủ cao su xuất khẩu	263.359.668.752	338.281.240.495
Phải thu khách hàng về hoạt động gia công chế biến mủ cao su, pallet, sản xuất các sản phẩm từ gỗ	432.810.134.385	327.663.621.960
Phải thu khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng	121.373.017.909	97.786.097.738
Phải thu khách hàng mua cây cao su thanh lý, gãy đổ	23.695.968.920	15.421.321.994
Phải thu khách hàng về bán, chuyển giao và lắp đặt công trình cơ khí, máy móc thiết bị	39.895.106.931	6.595.162.286
Phải thu khách hàng về hoạt động tư vấn, giám sát và các dịch vụ thẩm định trong xây lắp công trình	1.032.270.250	1.060.465.250
Phải thu khách hàng về hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.166.068	4.166.068
Phải thu về khách hàng thuê hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư	47.189.011.371	70.000.729.168
Phải thu khách hàng hoạt động cho thuê tài sản	168.136.364	5.636.480.529
Phải thu khách hàng về mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác	166.270.509.080	101.340.590.216
Cộng	1.449.219.403.616	1.305.815.350.535

04. Trả trước cho người bán

04.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Trả trước người bán về hàng hóa nội địa	23.277.857.029	116.023.899.528
Trả trước người bán về hàng hóa nhập khẩu	32.613.055.290	3.941.322.909
Trả trước người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	222.163.146.874	204.936.493.276
Trả trước người bán về dịch vụ nội địa được cung cấp	59.527.073.409	71.311.251.216
Trả trước người bán khác	111.585.885.540	114.650.659.186
Cộng	449.167.018.142	510.863.626.115

04.2. Trả trước cho người bán dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
Trả trước người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	191.700.000	191.700.000
Trả trước người bán khác	2.857.884.972	74.550.209.565
Cộng	3.049.584.972	74.741.909.565



05. Phải thu về cho vay

05.1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Cho vay tại các công ty thành viên trong Tập đoàn	3.018.170.648	2.990.894.689
Cho vay tại văn phòng Công ty mẹ Tập đoàn	7.529.125.001	7.529.125.001
Cộng	10.547.295.649	10.520.019.690

05.2. Phải thu về cho vay dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
Cho vay tại các công ty thành viên trong Tập đoàn	70.243.184.955	74.461.240.508
Cho vay tại Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam được sáp nhập	740.712.676.022	778.469.111.192
- Cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu	51.546.359.215	51.856.359.215
- Cho vay khách hàng	689.166.316.807	726.612.751.977
Cộng	810.955.860.977	852.930.351.700

06.1 Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2022	01/01/2022
- Lãi vay phải thu về cho vay	134.376.534.169	77.639.815.340
- Lãi dự thu	146.370.265.225	181.815.510.919
- Tạm ứng	100.739.072.584	126.658.332.359
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	31.073.394.440	20.934.352.053
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	30.879.643.490	18.158.650.432
- Phải thu người lao động	52.828.985.707	34.397.002.468
- Phải thu về các khoản bảo hiểm	12.451.428.849	2.562.778.973
- Phải thu về các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh	19.692.510.735	13.799.351.932
- Phải thu ngắn hạn khác	494.548.894.560	709.367.707.338
Cộng	1.022.960.729.759	1.185.333.501.814



06.2 Phải thu dài hạn khác		31/12/2022	01/01/2022
- Lãi vay phải thu		12.162.499.359	12.530.738.798
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược		31.604.550.475	70.555.697.212
- Phải thu người lao động		177.983.310	178.628.077
- Phải thu về các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh		46.930.431.622	39.930.131.423
- Phải thu dài hạn khác		187.303.863.699	116.854.941.106
Cộng		278.179.328.465	240.050.136.616

07. 01. Tài sản thiếu chờ xử lý		31/12/2022	01/01/2022
- Tiền		6.552.663.359	6.552.911.868
- Hàng tồn kho, gửi bán		11.473.109.733	12.795.037.564
- Tài sản cố định		4.468.222.704	241.910.650
- Tài sản khác		13.144.970.417	13.144.970.417
Cộng		35.638.966.213	32.734.830.499

07.02. Nợ xấu	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phạm Duy Khương	28.471.341.389	3.114.530.588	28.471.341.389	-
Công ty CP Chứng khoán Delta	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Làng Biệt thự du lịch sinh thái Quận 9	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	9.378.293.541	-	9.119.316.763	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Cao su	9.184.524.709	-	9.184.524.709	-
Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	-	8.956.471.270	-



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su	8.752.000.000	-	8.752.000.000	-
Công ty TNHH SXTMDV Hữu Nghị	7.843.792.484	-	7.843.792.484	-
Công ty CP Chứng khoán Delta	5.984.360.000	-	5.984.360.000	-
Công ty CP Giấy Ưu Việt	7.320.890.684	2.008.572.684	7.329.160.213	2.016.842.213
Công ty Vật liệu Xây dựng Xây lắp Bộ thương mại	5.007.361.732	-	5.007.361.732	-
Đối tượng khác	4.461.820.597	-	3.230.450.597	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Vận tải Duy Anh	5.806.301.264	1.473.550.632	5.826.301.264	2.913.150.632
Công ty CP Kết nối Tân Trung Thành	4.262.586.793	-	4.262.586.793	-
Công ty CP SX - XNK Lâm sản và hàng tiêu thủ Công nghiệp (UPEXIM)	3.870.681.600	-	3.870.681.600	-
Ông Đỗ Minh Tiến	4.454.245.322	622.806.500	4.454.245.322	622.806.500
Romi Spot	3.829.122.900	-	3.708.082.706	-
Công ty TNHH MTV Thủy Trâm	4.346.605.839	1.207.603.526	4.209.541.344	1.939.708.200
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phúc Thịnh Kiên Giang	2.531.929.310	-	2.721.929.310	2.721.929.310
Phạm Duy Mai	2.382.064.541	-	2.382.064.541	-
Xí nghiệp tư doanh Hoàng Nam	2.179.391.892	-	2.179.391.892	-
Công ty TNHH Ngôi sao Mê Kông	2.140.926.587	-	2.081.805.994	-
Các khách hàng cho vay sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam(1)	689.166.316.807	346.994.790.922	726.612.751.977	378.130.314.442
Các khoản cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam (2)	51.546.359.215	4.384.960.000	51.856.359.215	6.729.800.000
Các đối tượng công nợ khác	111.553.681.404	6.567.888.711	127.183.596.385	223.138.527
Tổng cộng	1.019.781.069.880	366.374.703.563	1.071.578.117.500	395.297.689.824



Tình trạng hồ sơ	Số hồ sơ	Nợ gốc	Nợ lãi
Hồ sơ đã khởi kiện, chuyển Tòa án	42	522.778.659.676	1.088.825.860.877
Hồ sơ tín dụng khởi kiện, đã có bản án, phương án	11	2.000.000.000	92.247.083.564
Hồ sơ tín dụng Tòa án đang thụ lý chưa có bản án	23	473.512.284.877	944.399.106.783
Hồ sơ tín dụng đã có bản án nhưng chưa thi hành án	4	12.334.454.598	46.648.407.500
Hồ sơ tín dụng Tòa án đã đình chỉ khởi kiện do hết hiệu lực khởi kiện	4	34.931.920.201	5.531.263.030
Hồ sơ tại cơ quan thi hành án	138	216.594.016.346	851.011.671.580
Hồ sơ trong giai đoạn phát mãi tài sản để thi hành án	48	206.371.681.976	518.494.230.217
Hồ sơ tại cơ quan thi hành án nhưng không có tài thế chấp	7	669.136.214	1.590.015.605
Hồ sơ tín dụng tại cơ quan thi	4	19.458.817	3.379.389.231
Hồ sơ tín dụng đã phát mãi hết tài sản	79	9.533.739.339	327.548.036.527
Hồ sơ chưa khởi kiện	3	1.340.000.000	1.210.413.385
	183	740.712.676.022	1.941.047.945.842

(2) Chi tiết các hợp đồng cho vay Repo cổ phiếu

Khách hàng	Tài sản đảm bảo (cổ phần)	Số lượng cổ phiếu	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Dự phòng tại 31/12/2022
Tô Đình Chiến	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	1.650.000	16.496.910.403	16.496.910.403
Tô Đình Chiến	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	1.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Kiến Quân	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	900.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Kiến Quân	Công ty CP Thép Hưng Thịnh	100.000	367.528.611	367.528.611
Vương Đáng	Công ty CP Đầu tư Kiến Quân	1.200.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Lê Thanh Nhã	Mã CK: HAG	506.000	13.181.920.201	8.796.960.201
			51.546.359.215	47.161.399.215

Đối với các khoản cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu, toàn bộ số lượng cổ phiếu đã được chuyển quyền sở hữu cho RFC và Tập đoàn có quyền chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu này. Giá trị có thể thu hồi khoản cho vay được xác định theo giá trị hợp lý khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2022, 6 bộ hồ sơ repo cổ phiếu này đã được chuyển sang cơ quan cảnh sát điều tra, lãi dự thu tương ứng số dư nợ gốc là 8,866 tỷ đồng

08. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	16.208.052.550	-	19.210.474.292	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	223.069.952.103	(407.149.160)	340.229.144.364	(845.444.390)
Công cụ, dụng cụ trong kho	239.674.503.934	-	249.185.658.615	-
Chi phí SXKD dở dang	768.333.470.417	-	810.994.068.693	-
Thành phẩm tồn kho	2.514.905.275.978	(71.277.438.131)	1.799.071.073.954	(13.019.409.505)
Hàng hóa tồn kho	422.551.464.866	(28.890.894.085)	255.433.450.413	(48.473.031.315)
Hàng gửi đi bán	17.681.211.712	(34.865.443)	45.114.733.427	-
Hàng hóa bất động sản	13.745.601.075	-	13.745.601.075	-
Cộng	4.216.169.532.635	(100.610.346.819)	3.532.984.204.833	(62.337.885.210)

09. Chi phí trả trước

09.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Chi phí công cụ dụng cụ	16.828.764.782	21.619.589.239
- Chi phí sửa chữa	2.720.149.238	10.436.596.331
- Chi phí khác	44.243.055.599	38.547.044.385
Cộng	63.791.969.619	70.603.229.955
09.2. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Chi phí công cụ dụng cụ	255.933.149.107	194.192.269.960
- Chi phí sửa chữa	165.126.077.147	109.836.464.618
- Chi phí đề tài nguồn quỹ KHCN	396.124.406	1.690.885.106
- Trả trước tiền thuê đất	2.782.353.474.735	2.065.376.941.035
- Chi phí hoa hồng môi giới	33.060.918.589	51.793.763.199
- Chi phí đền bù	112.858.613.416	864.535.007.828
- Chi phí khác	353.728.712.974	379.192.665.539
Cộng	3.703.457.070.374	3.666.617.997.285

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng nội địa	80.810.229.668	719.615.350.512	(733.397.836.385)	67.027.743.795
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	34.081.505.611	(34.081.505.611)	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	346.159.484	38.461.278.850	(38.705.741.694)	101.696.640
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	1.179.019.648	(1.093.307.973)	85.711.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.581.916.269	963.660.897.429	(767.483.631.746)	250.759.181.952
Thuế tài nguyên	7.168.984.827	57.730.925.607	(58.611.141.477)	6.288.768.957
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	83.988.018.864	687.404.887.522	(891.519.036.945)	(120.126.130.559)
Thuế bảo vệ môi trường	(2.034.050)	7.283.025.042	(6.037.965.157)	1.243.025.835
Thuế môn bài	-	897.914.640	(368.557.227)	529.357.413
Thuế thu nhập cá nhân	2.349.389.694	110.725.543.253	(114.064.688.037)	(989.755.090)
Các loại thuế khác	10.414.849.491	76.832.511.494	(45.295.485.587)	41.951.875.398
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(21.568.807.483)	27.402.838.357	(21.351.166.620)	(15.517.135.746)
Cộng	218.088.706.764	2.725.275.697.965	(2.712.010.064.459)	231.354.340.270

Trong đó:

Các khoản phải thu	297.615.628.673	385.909.747.278
Các khoản phải nộp	515.704.335.437	617.264.087.548

Ghi chú: Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



11. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây kinh doanh	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	11.879.139.707.635	6.131.615.160.604	1.965.635.661.583	207.744.876.402	28.701.218.364.584	106.008.165.032	48.991.361.935.839
- Mua trong năm	173.994.111.350	124.087.887.417	123.863.676.991	78.331.035.727	-	82.000.000	500.358.711.485
- Đầu tư XDCB hoàn thành	396.125.448.983	35.664.323.608	14.456.670.415	458.415.185	3.050.030.866.279	3.637.921.334	3.500.373.645.804
- Tăng khác	8.106.372.332	1.243.286.276	619.641.800	-	18.263.125.143	3.237.845	28.235.663.396
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(92.762.219.997)	(18.671.767.155)	(13.327.482.297)	(1.250.667.706)	(150.100.487.505)	-	(276.112.624.660)
- Tăng do phân loại lại	114.940.405	1.672.010.853	-	-	188.172.637	-	1.975.123.895
- Thanh lý, nhượng bán	(10.746.077.760)	(17.804.435.901)	(28.798.586.101)	(2.267.790.033)	(358.784.410.774)	-	(418.401.300.569)
- Giảm khác	(3.888.476.091)	(1.631.535.302)	(15.726.881.803)	(284.623.591)	(26.134.112.672)	(9.812.096.151)	(57.477.725.610)
- Giảm do phân loại lại	(228.772.511)	69.053.394	(1.600.028.500)	(215.376.278)	-	-	(1.975.123.895)
Số dư cuối năm	12.349.855.034.346	6.256.243.983.794	2.045.122.672.088	282.515.869.706	31.234.681.517.692	99.919.228.060	52.268.338.305.685
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	6.285.755.887.007	3.682.531.878.581	1.349.303.219.868	172.620.495.736	4.986.324.047.625	77.561.548.356	16.554.097.077.173
- Khấu hao trong năm	593.584.101.257	354.482.531.106	115.247.794.293	78.310.169.794	1.173.477.653.674	4.404.489.945	2.319.506.740.069
- Tăng khác	9.293.681.957	1.923.454.233	1.966.360.693	10.197.230	5.068.111.984	-	18.261.806.097
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(57.349.233.387)	(10.203.429.734)	(10.738.409.622)	(590.815.990)	(104.692.528.298)	545.444	(183.573.871.587)
- Tăng do phân loại lại	614.463.607	-	19.555.583	-	2.442.723.015	-	3.076.742.205
- Thanh lý, nhượng bán	(9.031.291.263)	(17.372.448.710)	(28.219.759.705)	(2.880.590.033)	(188.265.202.896)	-	(245.769.292.607)
- Giảm khác	(1.384.363.023)	(1.409.250.621)	(6.193.403.802)	(383.191.770)	-	(9.692.643.670)	(19.062.852.886)
- Giảm do phân loại lại	-	(937.976.267)	(2.047.568.943)	(71.641.412)	(19.555.583)	-	(3.076.742.205)
Số dư cuối năm	6.821.483.246.155	4.009.014.758.588	1.419.337.788.365	247.014.623.555	5.874.335.249.521	72.273.940.075	18.443.459.606.259
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	5.593.383.820.627	2.449.083.282.023	616.332.441.715	35.124.380.666	23.714.894.316.959	28.446.616.676	32.437.264.858.666
- Tại ngày cuối năm	5.528.371.788.190	2.247.229.225.206	625.784.883.723	35.501.246.151	25.360.346.268.171	27.645.287.985	33.824.878.699.426



12. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm, bản quyền máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	122.922.078.178	996.381.619	53.301.457.153	21.446.888.637	198.666.805.587
- Mua trong năm	2.268.038.000	-	1.027.400.000	713.486.973	4.008.924.973
- Thanh lý, nhượng bán			(100.000.000)		(100.000.000)
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC			251.326.423		251.326.423
Số dư cuối năm	125.190.116.178	996.381.619	54.480.183.576	22.160.375.610	202.827.056.983
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.487.643.668	731.683.415	44.246.968.449	8.415.947.313	77.882.242.845
- Khấu hao trong kỳ	1.840.007.783	249.463.874	2.867.400.637	2.539.834.765	7.496.707.059
- Thanh lý, nhượng bán			(100.000.000)		(100.000.000)
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC			(71.747.471)		(71.747.471)
Số dư cuối năm	26.327.651.451	981.147.289	46.942.621.615	10.955.782.078	85.207.202.433
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	98.434.434.510	264.698.204	9.054.488.704	13.030.941.324	120.784.562.742
- Tại ngày cuối năm	98.862.464.727	15.234.330	7.537.561.961	11.204.593.532	117.619.854.550

**13. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.251.200.000	1.251.200.000
- Thuê tài chính trong năm	615.740.741	615.740.741
Số dư cuối năm	1.866.940.741	1.866.940.741
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	(338.866.671)	(338.866.671)
- Khấu hao trong năm	(364.274.814)	(364.274.814)
Số dư cuối năm	(703.141.485)	(703.141.485)
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	912.333.329	912.333.329
- Tại ngày cuối năm	1.163.799.256	1.163.799.256

Ngày bắt đầu thuê tài sản từ ngày 26 tháng 08 năm 2020, Khi hết thời hạn thuê Bên thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên cho thuê đồng ý bán Tài sản thuê với giá trị 23.535.072 đồng.

14. Bất động sản đầu tư	01/01/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
		Tăng	Giảm	

a. Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá	2.164.020.409.434	72.621.508.615	-	2.236.641.918.049
- Quyền sử dụng đất	242.026.264.360		-	242.026.264.360
- Cơ sở hạ tầng	1.921.994.145.074	72.621.508.615	-	1.994.615.653.689
Giá trị hao mòn lũy kế	686.228.808.348	131.762.103.564	-	817.990.911.912
- Quyền sử dụng đất	72.532.780.363	-		72.532.780.363
- Cơ sở hạ tầng	613.696.027.985	131.762.103.564		745.458.131.549
Giá trị còn lại	1.477.791.601.086	(59.140.594.949)	-	1.418.651.006.137
- Quyền sử dụng đất	169.493.483.997	-	-	169.493.483.997
- Cơ sở hạ tầng	1.308.298.117.089	(59.140.594.949)	-	1.249.157.522.140

15. Tài sản đang dở dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	192.745.439.256	187.354.198.520
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.901.901.161.896	14.542.004.936.468
+ Vườn cây cao su KTCB	10.058.185.359.860	12.511.566.019.142
+ Vườn cây khác	55.386.383.853	56.119.039.111
+ Nhà máy, dây chuyền chế biến cao su	105.764.472.884	143.944.573.336
+ Đường giao thông, đập thủy lợi	100.887.774.981	61.273.255.351
+ Các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng	674.180.517.626	911.103.889.461
+ Mua sắm tài sản cố định	3.175.233.632	18.798.869.022
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	904.321.419.060	839.199.291.045
Cộng	12.094.646.601.152	14.729.359.134.988

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	168.229.975.157	285.030.253.411
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	168.229.975.157	285.030.253.411
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.291.419.969	-
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.291.419.969	

17. Lợi thế thương mại	31/12/2022	01/01/2022
- Lợi thế thương mại đầu năm	1.682.296.143	5.591.863.282
- Lợi thế thương mại tăng trong năm	40.000.000.000	
- Lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm	(4.768.006.524)	(3.909.567.140)
Lợi thế thương mại cuối năm	36.914.289.619	1.682.296.142

18. Phải trả người bán

18.1. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Phải trả người bán về hàng hóa nội địa	471.627.248.203	399.667.076.203
Phải trả người bán về hàng hóa nhập khẩu	16.644.403.664	3.151.750.963
Phải trả người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	174.439.160.044	202.233.329.317
Phải trả người bán về dịch vụ nội địa được cung cấp	121.873.922.988	77.351.964.666
Phải trả người bán khác	131.942.269.323	170.172.155.916
Cộng	916.527.004.222	852.576.277.065

**19. Người mua trả tiền trước**

19.1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Người mua trả trước về mua mủ cao su nội địa	203.559.968.397	165.314.710.306
Người mua trả trước về mua mủ cao su xuất khẩu	133.848.148.098	47.372.249.639
Người mua trả trước về hoạt động gia công chế biến mủ cao su, chế biến pallet	608.000.000	362.970
Người mua trả trước về dịch vụ kiểm định chất lượng mủ cao su	-	8.887.000
Người mua trả trước về mua cây cao su thanh lý, gãy đổ	18.889.510.686	87.814.669.824
Người mua trả trước về bán, chuyển giao và lắp đặt công trình coker, máy móc thiết bị	14.859.373.759	12.355.898.550
Người mua trả trước về mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác	72.704.940.162	102.588.119.433
Người mua trả trước ngắn hạn khác	80.118.842.106	53.633.097.009
Cộng	524.588.783.208	469.087.994.731

19.2. Người mua trả tiền trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Người mua trả trước về mua mủ cao su nội địa	22.065.886.365	8.540.530.400
Người mua trả trước về hoạt động chuyển nhượng bất động sản	78.677.027.112	78.263.577.414
Cộng	100.742.913.477	86.804.107.814

20. Chi phí phải trả

20.1. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Lãi vay phải trả	98.056.765.714	95.929.755.920
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	75.491.224
- Trích trước tiền thuê đất	17.574.616.867	41.960.529.883
- Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.408.433.728	23.158.056.782
- Chi phí khác	307.750.347.707	312.358.413.408
Cộng	431.790.164.016	473.482.247.217
20.2. Chi phí phải trả dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Chi phí khác	264.473.290.729	101.771.974.346
Cộng	264.473.290.729	101.771.974.346

**21. Doanh thu chưa thực hiện**

21.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	33.579.831.724	16.096.032.989
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	290.024.562.903	285.704.645.053
Cộng	323.604.394.627	301.800.678.042
21.2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	5.350.548.007	3.994.122.123
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	9.088.061.012.934	8.982.652.857.125
Cộng	9.093.411.560.941	8.986.646.979.248

22. Phải trả khác

22.1. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2022	01/01/2022
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.370.615.626	1.358.312.125
- Kinh phí công đoàn	20.176.632.659	16.338.867.218
- Các khoản bảo hiểm bắt buộc	46.424.146.021	7.870.756.156
- Phải trả về cổ phần hoá	75.109.000.000	75.109.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	91.479.596.404	208.546.906.442
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	266.241.258.470	314.767.216.093
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.136.673.908.949	1.403.825.661.483
Cộng	1.637.475.158.129	2.027.816.719.517
22.2. Phải trả dài hạn khác	31/12/2022	01/01/2022
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.917.804.691	47.855.362.465
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	124.025.718.147	242.187.953.126
Cộng	143.943.522.838	290.043.315.591



23. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2022		Biến động trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.817.045.890.836	2.817.045.890.836	5.834.527.206.413	5.679.384.804.243	2.661.903.488.666	2.661.903.488.666
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.012.705.619.603	1.012.705.619.603	4.378.288.358.983	4.510.481.727.943	1.144.898.988.563	1.144.898.988.563
- Các khoản đi vay	1.012.705.619.603	1.012.705.619.603	4.378.288.358.983	4.510.481.727.943	1.144.898.988.563	1.144.898.988.563
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.804.340.271.233	1.804.340.271.233	1.456.238.847.430	1.168.903.076.300	1.517.004.500.103	1.517.004.500.103
- Các khoản đi vay	1.804.340.271.233	1.804.340.271.233	1.456.238.847.430	1.168.903.076.300	1.517.004.500.103	1.517.004.500.103
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-
b. Dài hạn	4.595.715.762.064	4.595.715.762.064	293.148.969.081	2.040.976.988.691	6.343.543.781.674	6.343.543.781.674
- Các khoản đi vay	4.595.715.762.064	4.595.715.762.064	293.148.969.081	2.040.976.988.691	6.343.543.781.674	6.343.543.781.674
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-
Cộng	7.412.761.652.900	7.412.761.652.900	6.127.676.175.494	7.720.361.792.934	9.005.447.270.340	9.005.447.270.340

24. Vốn chủ sở hữu**24.1. Biến đổi chiếu động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000.000	128.490.446.460	10.591.031.002	(71.832.156.784)	(1.576.525.667.264)	1.027.509.033.695	39.518.232.687.109
- Tăng trong năm trước		24.959.276.698		70.872.588.473			95.831.865.171
- Lãi/lỗ trong năm trước							-
- Giảm trong năm trước					(1.239.000.000)	(580.641.948.380)	(581.880.948.380)
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000.000	153.449.723.158	10.591.031.002	(959.568.311)	(1.577.764.667.264)	446.867.085.315	39.032.183.603.900
- Tăng trong năm nay		45.388.668.461	-		3.578.501.160		48.967.169.621
- Lãi/lỗ trong năm nay							-
- Giảm trong năm nay						(193.089.473.801)	(193.089.473.801)
Số dư cuối năm	40.000.000.000.000	198.838.391.619	10.591.031.002	(959.568.311)	(1.574.186.166.104)	253.777.611.514	38.888.061.299.720

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LNST thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.445.109.742.483	6.986.344.327	-	4.574.989.151.798	3.843.345.021.909	51.388.662.947.626
- Tăng trong năm trước	688.257.890.102		-			784.089.755.273
- Lãi/lỗ trong năm trước				4.158.196.263.511	1.181.850.295.571	5.340.046.559.082
- Giảm trong năm trước		(5.721.770.085)		(4.101.594.514.168)	(974.400.861.282)	(5.663.598.093.915)
Số dư đầu năm nay	4.133.367.632.585	1.264.574.242	-	4.631.590.901.141	4.050.794.456.198	51.849.201.168.066
- Tăng trong năm nay	955.793.041.550					1.004.760.211.171
- Lãi/lỗ trong năm nay				3.838.821.072.307	914.438.217.919	4.753.259.290.226
- Giảm trong năm nay		(1.011.664.821)	-	(3.488.960.353.906)	(532.390.304.505)	(4.215.451.797.033)
Số dư cuối năm	5.089.160.674.135	252.909.421	-	4.981.451.619.542	4.432.842.369.612	53.391.768.872.430



24. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

24.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2022	01/01/2022
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.708.428.190.000	38.708.428.190.000
Các cổ đông khác	1.291.571.810.000	1.291.571.810.000
Cộng	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm 2022	Năm 2022 Trước KT
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
24.4. Các quỹ của Tập đoàn	31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	5.089.160.674.135	4.133.367.632.585
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	252.909.421	1.264.574.242
Cộng	5.089.413.583.556	4.134.632.206.827
24.5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	31/12/2022	01/01/2022
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do cổ phần hóa	(1.574.186.166.104)	(1.577.764.667.264)
Cộng	(1.574.186.166.104)	(1.577.764.667.264)
24.6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	31/12/2022	01/01/2022
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	253.777.611.514	446.867.085.315
Cộng	253.777.611.514	446.867.085.315
25. Nguồn kinh phí	31/12/2022	01/01/2022
- Nguồn kinh phí đầu năm	(37.991.052.791)	(103.762.566.063)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	86.972.926.119	122.381.085.890
- Chi sự nghiệp	(86.831.612.798)	(56.609.572.618)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(37.849.739.470)	(37.991.052.791)
26. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	31/12/2022	01/01/2022
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	146.956.722.956	197.174.253.797
- <i>Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công</i>	146.956.722.956	197.174.253.797
- <i>Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp</i>	-	-
c. Ngoại tệ các loại (USD)		
- <i>Ngoại tệ USD</i>	24.881.189	36.379.062
- <i>Ngoại tệ EUR</i>	1.857	35.615
- <i>Ngoại tệ LAK</i>	485.765	485.765
- <i>Ngoại tệ KHR</i>	1.059.363.339	2.462.802.816
- <i>Ngoại tệ khác</i>	240.297	80.182
e. Nợ khó đòi đã xử lý	67.845.979.308	67.845.979.308



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh mủ cao su	18.167.310.881.277	17.769.309.899.191
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	790.491.799.380	2.347.662.990.530
- Doanh thu chế biến gỗ	3.930.385.935.333	3.594.606.691.735
- Doanh thu kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	801.856.075.019	766.720.576.563
- Doanh thu dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	48.918.148.087	52.174.135.415
- Doanh thu dịch vụ kinh doanh điện, nước	73.035.019.263	47.654.839.841
- Doanh thu dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	783.157.072	480.000.000
- Doanh thu từ kinh doanh điện năng	709.477.240.167	559.571.476.339
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	961.631.014.413	1.088.089.134.655
Cộng	25.483.889.270.011	26.226.269.744.269
02. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2022	Năm 2021
- Chiết khấu thương mại	29.990.875.976	17.955.127.961
- Giảm giá hàng bán	5.375.703.020	2.477.113.956
- Hàng bán bị trả lại	22.579.078.945	16.244.501.204
Cộng	57.945.657.941	36.676.743.121
03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh mủ cao su	18.109.365.223.336	17.732.633.156.070
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	790.491.799.380	2.347.662.990.530
- Doanh thu thuần chế biến gỗ	3.930.385.935.333	3.594.606.691.735
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	801.856.075.019	766.720.576.563
- Doanh thu thuần dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	48.918.148.087	52.174.135.415
- Doanh thu thuần dịch vụ kinh doanh điện, nước	73.035.019.263	47.654.839.841
- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	783.157.072	480.000.000
- Doanh thu thuần từ kinh doanh điện năng	709.477.240.167	559.571.476.339
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	961.631.014.413	1.088.089.134.655
Cộng	25.425.943.612.070	26.189.593.001.148

04. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
- Giá vốn sản xuất và kinh doanh mủ cao su	13.356.975.967.904	12.578.663.886.938
- Giá vốn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	742.528.273.654	1.447.355.562.132
- Giá vốn chế biến gỗ	3.387.072.050.641	3.222.474.632.753
- Giá vốn kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	258.022.137.773	205.927.948.243
- Giá vốn dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	6.837.404.531	5.380.522.104
- Giá vốn dịch vụ kinh doanh điện, nước	72.709.069.776	45.898.992.658
- Giá vốn dịch vụ khách sạn	412.015.802	320.844.922
- Giá vốn kinh doanh điện năng	334.382.021.671	284.635.009.755
- Giá vốn khác	924.891.614.460	823.647.498.213
Cộng	19.083.830.556.212	18.614.304.897.718
05. Doanh thu hoạt động tài chính:	Năm 2022	Năm 2021
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	652.825.822.032	694.264.969.436
- Lãi bán các khoản đầu tư	15.620.052.307	4.240.010.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.581.178.201	13.178.093.369
- Lãi bán ngoại tệ	922.808.099	871.234.388
- Lãi chênh lệch tỷ giá	187.867.412.128	90.614.155.163
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.530.218.633	20.120.561.092
- Doanh thu hoạt động tài chính khác/ Các khoản ghi giảm doanh thu TC	6.115.291.810	7.524.549.665
Cộng	885.462.783.210	830.813.573.113
06. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
- Lãi tiền vay	490.848.598.668	607.999.588.765
- Lỗ bán ngoại tệ	46.434.000	1.444.688.322
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	153.525.339.561	108.055.671.539
- Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	32.215.604.125	(4.157.261.242)
- Chi phí tài chính khác	19.379.326.897	5.811.435.726
Cộng	696.015.303.251	719.154.123.110

07. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	Năm 2022	Năm 2021
Công ty Cổ phần Thống Nhất	23.322.607.707	21.762.399.556
Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	(622.867.430)	(651.199.966)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	14.528.464.415	(2.194.815.889)
Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	8.229.201.992	6.646.541.825
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	120.402.866.123	268.315.617.442
Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	3.151.025.751	4.899.552.508
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	8.988.904.279	10.473.663.701
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	115.125.141	182.632.612
Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	307.269.096	342.863.629
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	(24.016.314.827)	(26.011.899.263)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	(1.109.603.229)	5.279.630
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hố Nai	(1.168.517)	(660.042)
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	33.497.261.641	107.582.592
Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	16.796.850.689	1.575.719.018
	203.589.622.831	285.453.277.353
08. Chi phí bán hàng	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí nhân viên	29.692.875.969	38.015.183.196
- Chi phí vật liệu	68.269.158.342	72.499.849.648
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	145.101.227.487	82.996.261.450
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.739.851.657	2.169.512.991
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.432.155.487	229.590.818.020
- Chi hoa hồng môi giới	31.330.255.068	1.402.854.574
- Chi phí khác	90.664.672.995	80.419.052.660
Cộng	591.230.197.005	507.093.532.539
09. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí nhân viên	944.515.302.171	974.285.459.894
- Chi phí vật liệu	49.269.516.561	37.877.651.959
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	33.630.848.117	19.488.772.585
- Chi phí khấu hao TSCĐ	84.705.906.711	87.010.456.193
- Thuế, phí và lệ phí	48.131.709.200	35.227.021.151
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.872.716.346	109.953.166.428
- Trích Quỹ khoa học công nghệ	28.393.508.261	4.216.194.173
- Chi phí dự phòng	(57.784.928.861)	-3.742.548.033
- Chi phí khác (*)	484.593.546.555	417.663.112.612
Cộng	1.764.328.125.061	1.681.979.286.962



10. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
- Thu nhập từ cây cao su thanh lý, gãy đổ	495.712.424.931	402.685.040.820
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	110.328.432.129	38.319.836.886
- Tiền bồi thường	798.683.059.425	100.200.654.145
- Tiền phạt thu được	13.813.236.297	4.068.915.125
- Thu nhập từ sửa chữa đường lô và các hoạt động hoàn nguyên trong vườn cây cao su	1.839.484.930	982.950.000
- Nhượng bán vật tư, phế liệu	6.217.262.009	12.203.129.131
- Hoàn nhập Quỹ PT khoa học công nghệ	71.968.359.863	2.222.605.050
- Nhận hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm xuất khẩu cao su	6.780.122.846	7.602.109.873
- Thu nhập từ trồng xen canh cây nông nghiệp trong vườn cao su	31.383.970.834	54.488.989.742
- Các khoản khác	256.757.914.601	422.193.224.074
Cộng	1.793.484.267.865	1.044.967.454.846

11. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	39.453.608.825	38.612.198.606
- Tiền bồi thường	3.798.987.847	186.337.000
- Các khoản bị phạt, chậm nộp	5.949.703.606	11.493.011.717
- Nhượng bán vật tư, phế liệu	5.210.766.030	4.952.449.397
- Chi phí sửa chữa đường lô và hoàn nguyên tại vườn cây cao su	932.016.656	1.089.271.591
- Chi phí thiệt hại từ cây cao su	72.559.588.623	0
- Các khoản khác	345.060.039.961	559.192.978.930
Cộng	472.964.711.548	615.526.247.241

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	918.244.745.636	980.720.175.225
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	2.987.196.692	11.828.054.405
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	921.231.942.328	992.548.229.630

13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(114.466.858.934)	(140.135.105.895)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	141.594.957.324	20.309.536.073
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.128.098.390	(119.825.569.822)

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.941.699.611.567	4.367.270.219.863
- Chi phí nhân công	4.500.271.796.146	4.077.054.266.516
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	281.996.464.853	139.374.954.120
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.458.765.550.692	2.303.518.160.158
- Thuế, phí và lệ phí	79.735.064.985	37.338.486.528
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	818.423.916.706	657.052.506.292
- Chi phí khác bằng tiền	1.127.074.449.573	967.434.674.169
Cộng	14.207.966.854.522	12.549.043.267.646

**15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

a. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận thuần trong năm - thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.838.821.072.307	4.158.196.263.511
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi - thuộc về cổ đông phổ thông	(609.724.432.756)	(1.000.008.990.744)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.229.096.639.551	3.158.187.272.767

b. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm 2022	Năm 2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	4.000.000.000	4.000.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	4.000.000.000	4.000.000.000

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	807	790
--	-----	-----

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con là Công ty cổ phần đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của các Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**01. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Tập đoàn không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải trình bày hay công bố thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn.

03. Thông tin theo bộ phận

Để phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Sản xuất và kinh doanh mủ cao su: bao gồm hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su: bao gồm hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh mủ các sản phẩm từ cao su thiên nhiên;
- Sản xuất và kinh doanh chế biến gỗ: bao gồm hoạt động sơ chế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ cao su;
- Xây dựng bất động sản, cơ sở hạ tầng: bao gồm các hoạt động đầu tư xây dựng bất động sản và cơ sở hạ tầng cho mục đích để bán và cho thuê tại các dự án của Tập đoàn cũng như các hoạt động bất động sản khác;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ du lịch, cho thuê nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan của Tập đoàn;
- Kinh doanh điện năng: bao gồm các hoạt động kinh doanh điện thương phẩm tại các dự án Nhà máy điện của Tập đoàn;
- Các hoạt động kinh doanh khác: bao gồm cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ xây dựng, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ kỹ thuật, nông nghiệp và các dịch vụ khác.



04. Thông tin theo bộ phận

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	Kinh doanh điện năng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	18.109.365.223.336	790.491.799.380	3.930.385.935.333	923.809.242.369	783.157.072	709.477.240.167	961.631.014.413	-	25.425.943.612.070
Doanh thu thuần giữa các bộ phận (1)	(2.410.880.841.188)	-	22.851.662.319	2.334.544.307	-	(17.157.844)	380.019.759.534	2.005.692.032.872	-
Tổng doanh thu thuần	15.698.484.382.148	790.491.799.380	3.953.237.597.652	926.143.786.676	783.157.072	709.460.082.323	1.341.650.773.947	2.005.692.032.872	25.425.943.612.070
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Khấu hao tài sản cố định	1.465.844.995.721	92.041.792.674	175.740.926.998	27.697.431.432	(2.078.838.597)	130.377.855.572	2.788.716.593	-	1.892.412.880.393
Phần được chia từ lãi/(lỗ) của công ty liên kết	38.102.129.199	-	119.293.262.894	46.194.230.738	-	-	-	-	203.589.622.831
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)	3.086.920.284.053	(54.955.973.081)	451.155.955.998	513.973.561.098	(10.699.517.687)	337.240.041.386	(234.835.701.784)	102.853.644.685	4.191.652.294.668
Tổng tài sản (3)	50.563.882.400.191	1.009.910.661.457	3.221.814.583.833	6.607.942.306.986	39.427.910.788	2.490.212.416.972	4.487.007.455.821	(5.970.521.748.366)	62.449.675.987.682
Tổng nợ phải trả (4)	10.507.804.788.969	281.707.617.991	450.113.986.068	10.049.403.988.786	10.850.289.656	97.822.017.237	578.419.118.230	(5.099.554.382.733)	16.876.567.424.204



04. Thông tin theo bộ phận (Tiếp theo)
Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm những khoản mục sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	Kinh doanh điện năng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu tài chính	752.782.355.046	36.653.068.404	26.356.160.423	401.090.122.904	2.612.811.031	20.155.027.645	2.132.341.540.957	(2.486.528.303.200)	885.462.783.210
Chi phí tài chính	588.637.375.115	18.759.210.126	99.564.778.942	10.121.401.074	-	101.004.548.863	300.784.517.457	(422.856.528.326)	696.015.303.251
Thu nhập khác	2.235.236.734.524	10.626.199.173	12.314.267.048	22.865.473.382	925.926	12.474.561.705	25.205.347.295	(525.239.241.188)	1.793.484.267.865
Chi phí khác	407.863.610.182	9.557.819.103	13.147.440.291	4.177.038.260	10.747.728	33.182.697.984	5.420.420.338	(395.062.338)	472.964.711.548
Tài sản của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những tài sản này được quản lý tập trung:									
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.278.506.658.582	379.500.000.000	227.790.751.643	5.586.516.754.719	24.968.819.973	471.000.000.000	2.243.356.493.051	-	11.211.639.477.968
Phải thu về cho vay ngắn hạn	183.626.353.267	-	-	-	-	-	314.671.979.004	(487.751.036.622)	10.547.295.649
Thuế GTGT được khấu trừ	463.995.763.189	29.505.453.896	4.459.615.232	705.427.356	789.803.993	449.534.918	16.857.981.712	-	516.763.580.296
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	212.299.132.731	4.932.730.652	7.511.229.896	57.290.973.761	1.086.147.820	268.393.636	102.521.138.782	-	385.909.747.278
Phải thu về cho vay dài hạn	70.243.184.955	-	-	-	-	-	914.620.109.166	(173.907.433.144)	810.955.860.977
Đầu tư tài chính dài hạn	14.528.841.171.851	10.867.214.249	8.985.867.003	478.528.746.894	968.030.317	75.513.660.073	36.282.493.574.958	(48.562.990.228.150)	2.823.208.037.195
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.209.810.244	-	-	6.286.459.846	-	-	-	152.733.705.067	168.229.975.157
Tổng cộng	17.746.722.074.819	424.805.398.797	248.747.463.774	6.129.328.362.576	27.812.802.103	547.231.588.627	39.874.521.276.673	(49.071.914.992.849)	15.927.253.974.521
Nợ phải trả của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung:									
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	493.567.320.326	11.191.164.870	34.968.541.822	35.501.273.164	72.744.373	37.747.501.853	4.215.541.140	-	617.264.087.548
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.820.932.205.801	101.313.866.018	939.117.318.543	125.385.341.550	-	279.688.000.000	38.360.195.546	(487.751.036.622)	2.817.045.890.836
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.759.040.167.052	15.174.188.528	408.554.893.901	-	-	523.824.713.922	63.029.231.805	(173.907.433.144)	4.595.715.762.064
Tổng cộng	6.077.831.113.148	127.679.219.416	1.382.640.754.266	160.886.614.714	72.744.373	841.260.215.775	105.604.968.491	(661.658.469.766)	8.034.317.160.418



05. Cam kết khác

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn có những cam kết đối với các tổ chức khác về việc bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên như sau:

STT	Đơn vị được bảo lãnh	Thư bảo lãnh số	Ngày bảo lãnh	Đơn vị nhận bảo lãnh, ủy thác	Số tiền bảo lãnh		Mục đích bảo lãnh
					USD	VND	
1	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	2473/CTBL-TCKT	29/8/2013	SHB	78.000.000.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
2	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	2720/CTBL-TCKT	23/9/2013	SHB	88.546.900.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su (trả nợ cho RFC)
3	Cty CP VRG Phú Yên	1865/CSVN-TCKT	04/07/2013	Vietinbank - Phú Yên	191.733.798.000		Thủy điện La Hiêng 2
4	Cty CP VRG Phú Yên	1593/CTBL-CSVN	06/04/2014	Vietinbank - Phú Yên	100.854.000.000		Trả nợ cho RFC
5	Cty CP Cao su Đồng Nai - Kratie	1346/CSVN-TCKT	21/05/2013	SHB-TP.HCM	1.875.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
6	Cty CP Cao su Đồng Nai - Kratie	496/CSVN-TCKT	10/03/2011	SHB-ĐN	91.280.000.000		Đầu tư 4.100ha cao su tại CPC
7	Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	420/CSVN-TCKT	20/2/2013	VCB-ĐN	120.000.000.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
8	Cty CP Cao su Điện Biên	3547/CTBL-TCKT	9/12/2013	SHB	28.727.400.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
9	Cty CP Cao su Điện Biên	913/CTBL-TCKT	7/4/2014	SHB-Khánh Hòa	14.770.800.000		Đầu tư chăm sóc cao su (trả nợ cho RFC)
10	Cty CP Cao su Sơn La	2376/CSVN-TCKT	08/10/2012	SHB-TP.HCM	9.240.000.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
11	Cty CP Cao su Sơn La	3211/CTBL-TCKT	13/11/2013	SHB-TP.HCM	34.055.000.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
12	Cty CP Cao su Sơn La	482/CTBL-TCKT	27/02/2014	SHB-TP.HCM	44.109.738.750		Đầu tư chăm sóc cao su (trả nợ cho RFC)
13	Cty CP Cao su Sơn La	569/CTBL-TCKT	10/3/2014	SHB-TP.HCM	39.503.800.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
14	Cty TNHH MTV Cao su Hương KhêHT	3544/CTBL-CSVN	9/12/2013	SHB	271.592.000.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su + trả nợ cho RFC
15	Cty CP Cao su Lai Châu II	3885/CTBL-TCKT	30/12/2013	SHB-Khánh Hòa	52.244.370.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
16	Cty CP Cao su Lai Châu	213/CTBL-TCKT	23/01/2014	SHB-Khánh Hòa	61.082.948.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
17	Cty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	1891/CTBL-TCKT	6/7/2017	Vietinbank - HCM	477.000.000.000		Đầu tư dự án NM CBG và dự án rừng
Tổng cộng					1.875.000	1.702.740.754.750	

**06. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan chủ yếu****a. Các bên liên quan có giao dịch trong năm**

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Bình Phước	Công ty liên kết
Xí Nghiệp liên doanh Visorutex	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Thống Nhất	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Nước Lào	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Gia Lai	Công ty liên kết

b. Nghiệp vụ giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Thu nhập từ bán cây cao suthanh lý	131.921.970.259	53.779.519.110
	Bán hàng hóa dịch vụ	1.089.949.332	
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Bán hàng hóa dịch vụ		36.568.326.000
Công ty CP Cao su Bến Thành	Bán hàng hóa dịch vụ	2.135.332.000	
Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Thu nhập từ bán cây cao suthanh lý	23.880.686.778	1.115.895.000
	Bán hàng hóa dịch vụ	190.099.048	120.485.712
Công ty CP Thống Nhất	Bán hàng hóa dịch vụ	225.728.545	147.901.400
Xí Nghiệp liên doanh Visorutex	Bán hàng hóa dịch vụ	177.120.000	
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Bán hàng hóa dịch vụ	638.649.467	
Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Bán hàng hóa dịch vụ		6.881.515.026
	Thu nhập từ bán cây cao suthanh lý	35.056.065.094	

**c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2022 như sau:**

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Phải thu khách hàng	1.463.451.151	8.903.827.425
	Người mua trả tiền trước	10.389.912.764	18.575.915.500
	Phải trả khác		238.104.680
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Phải thu khách hàng ngắn hạn	49.966.282.628	50.193.676.652
	Phải trả người bán ngắn hạn	294.921.000	
Công ty CP Cao su Bến Thành	Phải trả người bán ngắn hạn	12.100.000	292.160.000
Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành	Phải trả ngắn hạn khác ngắn hạn	9.468.573.000	
Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.784.058.008	2.734.058.008
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su	Phải thu khách hàng ngắn hạn	12.729.305.073	
	Phải thu khác ngắn hạn	4.600.000.000	
Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Phải trả người bán ngắn hạn	4.157.130.730	

d. Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	1.077.265.000	792.892.085
Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT	1.047.366.000	767.808.000
	Giám đốc		
Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT	957.669.000	892.001.123
Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	957.669.000	867.215.392
Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	957.669.000	792.892.085
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT	957.669.000	792.892.085
Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	143.640.000	120.268.020
Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT	143.640.000	120.268.020
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên HĐQT	39.903.000	792.892.085
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	0	792.892.085
Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	957.669.000	792.892.085
Ông Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	957.669.000	792.892.085
Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	957.669.000	767.808.000
Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc	558.640.000	0
Ông Đỗ Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc	558.640.000	0
Ông Huỳnh Kim Nhựt	Phó Tổng Giám đốc	558.640.000	0
Ông Phạm Văn Hồi Em	Kế toán trưởng	867.872.000	684.060.000
Ban Kiểm soát			
Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng Ban kiểm soát	867.872.000	718.349.118
Ông Trần Khắc Chung	Kiểm soát viên	3.617.000	108.556.866
Ông Giang Hoa Vũ	Kiểm soát viên	3.617.000	108.556.866
Ông Nguyễn Minh Đức	Kiểm soát viên	126.583.000	0
Tổng cộng		12.700.978.000	10.705.136.000

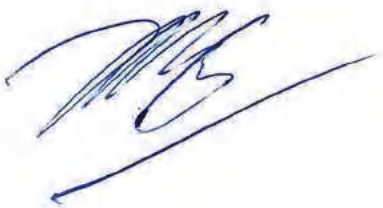
07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

08. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

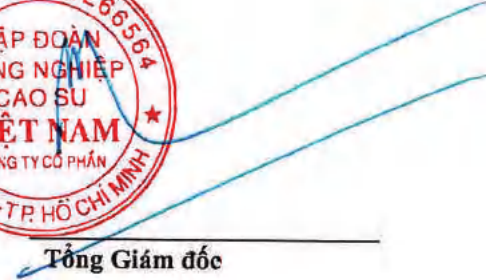
– Công ty Cổ phần được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2022.



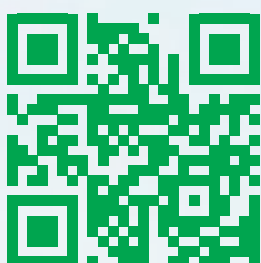
Người lập biểu
Nguyễn Hồng Minh
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng
Phạm Văn Hồi Em



Tổng Giám đốc
Lê Thanh Hưng



 177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

 (84-28) 39 325 234

 (84-28) 39 327 341

 vrg@rubbergroup.vn

 www.rubbergroup.vn